

Tìm Hiểu Đạo Cao Đài

Như Phong sưu tập

Mục Lục

Đạo Cao Đài

Cao-Đài Đại Đạo

Gương Hướng Đạo Chân Tu Của Đức Trần Quang Đạo

Đức Ngô Minh Chiêu

Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc

Đạo Cao Đài

Bách khoa toàn thư mở Wikipedia

Đạo Cao Đài



[Lịch sử](#)

[Giáo lý](#)

[Kinh sách](#)

[Tông phái](#)



Biểu tượng thường được biết đến của đạo Cao Đài.



Tòa Thánh Tây Ninh

Đạo Cao Đài là một [tôn giáo](#) được thành lập ở [Việt Nam](#) vào đầu [thế kỷ XX](#). Tên gọi [Cao Đài](#) theo nghĩa đen chỉ "một nơi cao", nghĩa bóng là nơi cao nhất ở đó Thượng đế ngự trị; cũng là danh xưng rút gọn của [Thượng đế](#) trong tôn giáo Cao Đài, vốn có danh xưng đầy đủ là "**Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát**". Để tỏ lòng tôn kính, một số các tín đồ Cao Đài thường gọi tôn giáo của mình là **đạo Trời**.

Tín đồ [Cao Đài](#) tin rằng [Thượng đế](#) là Đấng sáng lập ra các tôn giáo và cả vũ trụ này. Tất cả giáo lý, hệ thống biểu tượng và tổ chức đều được "Đức Cao Đài" trực tiếp chỉ định. Và đạo Cao Đài chính là được Thượng đế trực tiếp khai sáng thông qua [Cơ bút](#) cho các tín đồ với nhiệm vụ **Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ**, có nghĩa là *Nền đạo lớn phổ độ lần thứ Ba*.

Cao Đài là một tôn giáo mới, có tính dung hợp các tôn giáo lớn mà chủ yếu là [Phật giáo](#), [Đạo giáo](#) và [Nho giáo](#). Các tín đồ thi hành những giáo điều của Đạo như không sát sinh, sống lương thiện, hòa đồng, làm lành lánh dữ, giúp đỡ xung quanh, [cầu nguyện](#), [thờ cúng tổ tiên](#), và thực hành tình yêu thương vạn loại qua việc [ăn chay](#) với mục tiêu tối thiểu là đem sự hạnh phúc đến cho mọi người, đưa mọi người về với Thượng đế nơi Thiên giới và mục tiêu tối thượng là đưa vạn loại thoát khỏi [vòng luân hồi](#).

Tuy được khai sinh chính thức vào năm [1926](#), Cao Đài nhanh chóng phát triển về quy mô và số lượng tín đồ. Theo thông tin của Ban Tôn giáo Chính phủ Việt Nam, dẫn thống kê năm [2010](#) của các tổ chức Cao Đài, đạo Cao Đài có trên 1 vạn chức sắc, gần 3 vạn chức việc, khoảng 2,4 triệu tín đồ, với 958 tổ chức Họ đạo cơ sở được công nhận ở 35/38 tỉnh, thành phố có đạo Cao Đài, thành lập 65 Ban Đại diện, 1.290 cơ sở thờ tự (hàng năm có khoảng 4 ngàn tín đồ mới nhập môn vào đạo Cao Đài)^[1]. Ngoài ra, có khoảng 30.000 tín đồ nữa sống ở [Hoa Kỳ](#), [Châu Âu](#) và [Úc](#). Theo trang thông tin và truyền giáo Cao Đài hải ngoại, số tín đồ Cao Đài là khoảng 5 triệu^[2]

Mục lục

- ⌚ [1 Lược sử hình thành và phát triển](#)
 - [1.1 Những môn đồ đầu tiên](#)
 - [1.2 Hợp nhất khai đạo](#)
 - [1.3 Thăng trầm nền đạo](#)
 - [1.4 Trong cơn động loạn của dân tộc](#)
 - [1.5 Hợp tan - Tan hợp](#)
 - [1.6 Một tôn giáo lớn tại Việt Nam](#)
- ⌚ [2 Tương quan tôn giáo Cao Đài](#)
 - [2.1 Phương Đông](#)
 - [2.1.1 Phật giáo](#)
 - [2.1.2 Lão giáo](#)
 - [2.1.3 Nho giáo](#)
 - [2.1.4 Tín ngưỡng dân gian](#)
 - [2.1.5 Ngũ chi Minh đạo](#)
 - [2.2 Phương Tây](#)
 - [2.2.1 Thiên Chúa giáo](#)
 - [2.2.2 Hồi giáo](#)
 - [2.2.3 Thông linh học](#)
- ⌚ [3 Giáo lý cơ bản](#)
 - [3.1 Tam kỳ phổ độ](#)
 - [3.2 Tam giáo quy nguyên](#)
 - [3.3 Thiên nhân](#)
- ⌚ [4 Những tính chất khác](#)
- ⌚ [5 Một số tín đồ nổi tiếng](#)
- ⌚ [6 Chú thích](#)
- ⌚ [7 Tham khảo](#)
- ⌚ [8 Liên kết ngoài](#)

Lược sử hình thành và phát triển

Bài chi tiết: [Lịch sử đạo Cao Đài](#)

Xem thêm: [Cơ bút](#), [Minh Sư đạo](#), và [Thông linh học](#)

Lịch sử của đạo Cao Đài gắn liền với sự phổ biến [Cơ bút](#) tại Việt Nam đầu thế kỷ XX. Có thể nói, Cơ bút là nền tảng căn bản cũng như mọi yếu tố liên quan đến quá trình hình thành và phát triển của tôn giáo Cao Đài từ quá khứ đến hiện tại, từ việc thu nhận tín đồ, phong chức sắc, ban hành luật đạo, các nghi thức cúng tế, phẩm phục, kinh điển, thậm chí đến các thiết kế cơ sở thờ tự cũng được thông qua bởi hình thức Cơ bút.

Hai hình thức Cơ bút ảnh hưởng đến sự ra đời của tôn giáo Cao Đài là thuật Xây (xoay) Bàn (*la table tournante*) theo thuyết Thông linh học (*Spiritisme*) đến từ [Pháp](#), và Đại ngọc cơ (大玉機) xuất xứ từ [Trung Quốc](#).

Những môn đồ đầu tiên

Xem thêm: [Ngô Văn Chiêu](#), [Cao Quỳnh Cư](#), [Cao Hoài Sang](#), và [Phạm Công Tắc](#)

Các tài liệu về tôn giáo Cao Đài đều thừa nhận người được xem là tín đồ đầu tiên của đạo là ông [Ngô Văn Chiêu](#). Là một viên chức trong chính quyền thực dân Pháp, vốn chịu ảnh hưởng của [Minh Sư đạo](#), một nhánh của [Tam giáo](#), thường sử dụng hình thức [cơ bút](#) để giao tiếp với giới thần tiên, trong những năm 1921 đến 1924, ông đã thông qua các cơ bút để hình thành những nền tảng đầu tiên của đạo Cao Đài và truyền bá cho nhóm bạn hữu công chức tại Sài Gòn, nhưng chỉ giới hạn trong phạm vi một nhóm tu tập tịnh luyện, chứ chưa phát triển thành một Tôn giáo.

Cùng giai đoạn này, một nhóm công chức gốc Tây Ninh làm việc trong chính quyền thực dân Pháp khác ở Sài Gòn, chịu ảnh hưởng của phong trào [Thông linh học](#)^[3] gồm [Cao Quỳnh Cư](#), [Cao Hoài Sang](#) và [Phạm Công Tắc](#), thường xuyên tổ chức cầu cơ ở đường Arras^[4]. Do các thành viên ban đầu mang họ Cao và họ Phạm, nên còn được gọi là nhóm Cao - Phạm. Nhóm còn có một thành viên nữ là bà Nguyễn Thị Hiếu, tức Hương Hiếu, vợ ông Cao Quỳnh Cư. Nhóm này cũng được cho là tiếp xúc với Thượng đế qua danh hiệu AẤẤ vào khoảng tháng 7 năm 1925^[5]. Nhóm cũng độc lập xây dựng nền tảng giáo lý riêng và cũng phát triển thêm nhiều người, quan trọng nhất là việc thu nhận thêm ông [Lê Văn Trung](#), cựu Nghị viên Hội đồng Quản hạt Nam Kỳ, người có giữ vai trò quan trọng trong việc phát triển đạo Cao Đài.

Hợp nhất khai đạo

Xem thêm: [Mười hai tông đồ Cao Đài](#)

Qua các liên hệ cá nhân, giữa các nhóm hầu cơ bắt đầu có sự liên hệ hợp nhất. Ngày 21 tháng 2 năm 1926, một bài thơ được lưu truyền là cơ giảng của Thượng đế, trong đó có tên của 13 người, về sau được tín đồ Cao Đài xưng tụng là những tín đồ đầu tiên của đạo, với tên ông Ngô Văn Chiêu được tôn xưng Anh Cả. Kể từ đó, những nền tảng giáo lý của Cao Đài được bổ túc và hoàn thiện dần. Số lượng tín đồ nhanh chóng phát triển lên hàng chục ngàn người. Một đàn cơ quy mô được thành lập ở [Cầu Kho](#)^[6], về sau hình thành nên [Thánh thất Cầu Kho](#), được xem là thánh thất đầu tiên của đạo Cao Đài.

Việc phát triển số lượng tín đồ nhanh chóng đòi hỏi phải có người lãnh đạo với quyền vị chính thức. Vì vậy, giữa cuối tháng 4 năm 1926, thông qua việc giảng cơ, các tín đồ đầu tiên đã tôn xưng ông Chiêu là [Giáo tông](#) và may sẵn bộ đạo phục riêng cho ông. Tuy nhiên, ông Chiêu từ

chối ngôi vị Giáo tông, do những bất đồng trong việc hình thành giáo hội^[7], và từ đó không tham gia cũng như không có liên quan gì đến các hoạt động phát triển của giáo hội Cao Đài.

Để có tư cách chính thức với chính quyền thực dân, ngày 7 tháng 10 năm 1926, các tín đồ gửi đến [Thống đốc Nam Kỳ](#) Le Fol một bản tuyên cáo khai đạo bằng tiếng Pháp với chữ ký của 28 tín đồ có địa vị cao nhất trong xã hội, kèm theo tờ khai tịch đạo của 247 tín đồ. Sau đó, các tín đồ tổ chức 3 nhóm truyền đạo khắp Nam Kỳ. Và ngày Rằm tháng 10 năm [Bính Dần](#) (tức ngày [19 tháng 11](#) năm 1926), các tín đồ Cao Đài đã tổ chức lễ ra mắt rất long trọng tại chùa [Gò Kén](#), còn gọi là [Tứ Lâm Tự](#), [Tây Ninh](#) với sự hiện diện của quan chức [chính quyền](#) của cả [người Pháp](#) lẫn [người Việt](#).

Thăng trầm nền đạo

Xem thêm: [Cao Đài mười hai chi phái](#)

Tuy vậy, giữa các tín đồ đã xuất hiện những quan điểm bất đồng về cách thức tu tập, tổ chức giáo hội, hoặc do những mục đích cá nhân, cũng dần tách ra để hình thành các nhánh Cao Đài độc lập. Một số nhánh thành lập tổ chức giáo hội (Hội Thánh), một số khác hoạt động độc lập, cũng không thành lập tổ chức giáo hội. Ngoài ra, còn một số tổ chức của các tín đồ Cao Đài mang tính chất đoàn thể cũng được thành lập.

Lý giải cho hiện tượng này, các tín đồ Cao Đài tin rằng việc hình thành các nhánh Cao Đài khác nhau đã được Thượng đế tiên tri qua bài cơ điểm tên 12 tín đồ đầu tiên, sẽ hình thành 12 nhánh Cao Đài. Tuy nhiên, với các nhà nghiên cứu, trong đó có cả tín đồ, số lượng các nhánh Cao Đài khác nhau tùy theo thời điểm chứ không cố định là 12 phái. Theo thời gian, các nhánh Cao Đài diễn ra nhiều cuộc chia tách, sát nhập, thống kê trong lịch sử có hơn 30 tông phái khác nhau^[8]. Rất nhiều nỗ lực hoạt động để thống nhất giáo hội nhưng đều bất thành do những chỉ trích và trở ngại từ nhiều phía, kể cả giữa các tín đồ.

Trong cơn động loạn của dân tộc

Xem thêm: [Cao Triều Phát](#), [Nguyễn Ngọc Tương](#), và [Trần Quang Vinh \(Cao Đài\)](#)

Sự phân chia các hệ phái không làm giảm tốc độ phát triển tín đồ, Cao Đài nhanh chóng trở thành một tôn giáo có ảnh hưởng lớn ở [Nam Kỳ](#), thậm chí phát triển ra cả ở [Trung Kỳ](#), [Bắc Kỳ](#) và cả [Cao Miên](#). Các lãnh đạo Cao Đài đều là những người có học thức, có địa vị xã hội và rất có ảnh hưởng đến dân chúng. Vì vậy, [Cao Đài](#) luôn là đối tượng hoặc lôi kéo, hoặc đả kích của các thế lực nắm chính quyền.

Người Pháp ra tay trước tiên. Một tôn giáo có tổ chức như hình thái nhà nước có nhiều khả năng lôi kéo quần chúng đe dọa đến sự cai trị của chính quyền thực dân. Dưới áp lực của [thực dân Pháp](#), các chỉ dụ cấm đạo ở [Bắc Kỳ](#), [Trung Kỳ](#), [Campuchia](#) và [Lào](#) đã được ban hành. Đỉnh điểm, ngày [28 tháng 6](#) năm [1941](#), lo ngại việc một [tôn giáo](#) hoạt động mạnh ở [Sài Gòn](#) và phụ cận có thể rơi vào ảnh hưởng của [người Nhật](#), bấy giờ đã xâm nhập [Đông Dương](#) và ra sức lôi kéo các nhóm [tôn giáo](#), [chính trị người Việt](#) ủng hộ [Chính sách Đại Đông Á](#), chính quyền [thực dân Pháp](#) bất ngờ tấn công vào các tín đồ Cao Đài, bắt giữ [Hộ pháp Phạm Công Tắc](#) và đẩy đi

[Madagascar](#). Nhiều chức sắc Cao Đài khác cũng bị bắt giam hoặc quản thúc. [Tòa Thánh Tây Ninh](#) bị chiếm đóng. Nhiều thánh thất Cao Đài các cũng bị chiếm đóng hoặc phá hủy.

Cả [người Nhật](#) lẫn [Việt Minh](#) đều tranh thủ ra sức lôi kéo các nhóm Cao Đài. Do sự vận động của các cán bộ [Việt Minh](#), một nhóm các chức sắc Cao Đài, nòng cốt ở các phái [Tiên Thiên](#), [Ban Chính Đạo](#) và [Minh Chơn Đạo](#), đã bí mật thành lập Hội Cao Đài Cứu Quốc. Hội hoạt động chủ yếu ở các vùng xa ở [Tây Nam Bộ](#), bí mật tập hợp lực lượng trên nền tảng Thanh niên Đạo đức đoàn dưới sự lãnh đạo của [Cao Triều Phát](#) cố vấn Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ, có xu hướng chống cả [Pháp](#) lẫn [Nhật](#). [Người Nhật](#) thì can thiệp mở lại [Tòa Thánh Tây Ninh](#) tại Sài Gòn, đổi lại việc [Giáo sư](#) Thượng Vinh Thanh ([Trần Quang Vinh](#)), người tạm thời thay mặt [Hộ pháp Phạm Công Tắc](#) lãnh đạo các tín đồ Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh, tập hợp các tín đồ hợp tác với [quân đội Nhật](#) để chống Pháp. Khá đông tín đồ Cao Đài được tuyển làm nhân công của xưởng đóng tàu Nichinan của quân đội Nhật tại [Nam Bộ](#). Một lực lượng bán vũ trang Cao Đài được ra đời với tên gọi Nội ứng nghĩa binh, dưới danh nghĩa được Hoàng thân [Cường Để](#) chỉ thị thành lập để liên minh với Nhật Bản.

Ngày [9 tháng 3](#) năm [1945](#), lực lượng bán vũ trang Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh mặc đồng phục trắng, đội mũ bê-rê, vũ trang bằng gậy tre vọt nhọn tham gia hỗ trợ Nhật đảo chính Pháp tại [Sài Gòn](#). Bên cạnh đó, ngày [24 tháng 6](#) năm [1945](#), được sự hậu thuẫn của Hội Cao Đài Cứu Quốc, một đại hội các hệ phái Cao Đài (không có Tòa Thánh Tây Ninh) được tổ chức tại Sài Gòn, thành lập tổ chức Cao Đài Hiệp Nhứt 11 Phái và bầu ông [Cao Triều Phát](#) làm Chủ tịch. Trong [Cách mạng tháng Tám](#), nhiều nhóm bán vũ trang Cao Đài đã gia nhập Cao Đài Cứu Quốc và tham gia giành chính quyền ở khắp Nam Bộ.

Sau khi giành được chính quyền cuối [tháng 8](#) năm [1945](#), nhiều chức sắc Cao Đài được chính quyền [Việt Minh](#) mời ra tham chính. Tại Tây Ninh, một tín đồ Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh là ông Trương Văn Xương được mời làm Phó Chủ tịch Ủy ban Hành chánh tỉnh, một chức sắc Cao Đài thuộc Tòa Thánh Tây Ninh khác là [Giáo sư](#) Thượng Chữ Thanh (Đặng Trung Chữ) được mời làm cố vấn.

Khi [Pháp](#) tái chiếm [Nam Bộ](#), các nhóm lực lượng vũ trang Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh tham chiến tại các mặt trận số 1 và số 2, chiến đấu ở mặt Đông và Bắc Sài Gòn. Sau khi vào Nam, đặc phái viên Trung ương [Nguyễn Bình](#) đã tổ chức hội nghị An Phú Xã, thống nhất tổ chức các đơn vị vũ trang thành các [chi đội Vệ Quốc đoàn](#). Lực lượng vũ trang Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh được tổ chức thành 2 chi đội số 7 do [Nguyễn Thanh Bach](#) chỉ huy và chi đội số 8 do [Nguyễn Hoài Thanh](#) chỉ huy.

Tuy nhiên, trước sức mạnh của quân Pháp, các mặt trận nhanh chóng tan vỡ. Nhiều đơn vị vũ trang tan rã, hoặc trở thành những lực lượng quân phiệt cát cứ, không chịu sự chỉ huy thống nhất. Một số chức sắc cao cấp và chỉ huy quân sự Cao Đài đã đưa lực lượng của mình tự rút về Tây Ninh và tự xây dựng các căn cứ để bảo vệ Tòa Thánh Tây Ninh.

Hành động cát cứ này là lý do để các phần tử [Việt Minh](#) quá khích lên án các tín đồ Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh là phản bội. Một vài cuộc xung đột đẫm máu đã nổ ra bắt nguồn từ những tín đồ Cao Đài và các phần tử Việt Minh quá khích. Một số đơn vị vũ trang Cao Đài bị bức khí giới trong những cuộc thanh trừng nội bộ. [Giáo sư](#) Thượng Vinh Thanh (Trần Quang Vinh) cũng bị

bắt tại [Chợ Đêm](#) và bị giải giam tại [Cà Mau](#) cùng với [Giáo sư Hồ Văn Ngà](#), Chủ tịch [Việt Nam Độc lập Đảng](#).^[9]

Nắm được sự mâu thuẫn này và để tranh thủ thêm đồng minh trong cuộc chiến chống [Việt Minh](#), chính quyền Pháp cho phép [Hộ pháp Phạm Công Tắc](#) trở về [Tòa Thánh Tây Ninh](#), đòi lại các tín đồ Cao Đài sẽ không tấn công [người Pháp](#) và được quân Pháp bảo trợ. Thậm chí, chính quyền Pháp còn cho phép các lãnh thổ do [Tòa Thánh Tây Ninh](#) kiểm soát có quyền tự trị. Lực lượng vũ trang Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh được chính quyền Pháp bảo trợ và trang bị vũ khí, do [Trung tướng Trần Quang Vinh](#) làm Tổng tư lệnh, [Thiếu tướng Nguyễn Văn Thành](#) làm Tham mưu trưởng^[10], có vai trò như một lực lượng bổ sung (Forces supplétives), hỗ trợ quân Pháp trong các chiến dịch tấn công Việt Minh.

Bất đồng với sự hợp tác này, một số chức sắc Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh tham gia kháng chiến đã gia nhập Cao Đài Cứu Quốc, mở rộng thành Cao Đài Cứu Quốc 12 phái Hiệp Nhứt. Các lực lượng vũ trang của Cao Đài Cứu Quốc được tập hợp thành Trung đoàn 124, chiến đấu cho đến hết cuộc [Kháng chiến chống Pháp](#) dưới quyền chỉ huy của [Việt Minh](#). Phản ứng trước việc này, lãnh đạo Tòa Thánh Tây Ninh tuyên bố trục xuất các chức sắc và tín đồ Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh nào tham gia [Cao Đài Cứu Quốc](#).

Hợp tan - Tan hợp

Sau năm 1954, tổ chức Cao Đài Cứu Quốc tuyên bố giải thể. Các phái liên hiệp trước đây trở về sinh hoạt riêng rẽ. Một số chức sắc tập kết ra Bắc, hình thành Hội Thánh Duy Nhất thuần túy sinh hoạt tôn giáo dưới sự chỉ đạo của [Đảng Cộng Sản Việt Nam](#). Tại miền Nam, [Tòa Thánh Tây Ninh](#) dưới sự hậu thuẫn của [người Pháp](#) đã trở thành Hội Thánh Cao Đài lớn nhất, đại diện cho cả tôn giáo Cao Đài, có quân đội riêng, có ảnh hưởng chính trị mạnh, đã trở thành cái gai lớn thời [Quốc gia Việt Nam](#) dưới [Thủ tướng Ngô Đình Diệm](#). Để dẹp các trở ngại trong việc thu tóm quyền lực, [Thủ tướng](#) Diệm đã mua chuộc, gây chia rẽ trong nội bộ, và cuối cùng tấn công lực lượng quân đội Cao Đài, buộc Hộ pháp [Phạm Công Tắc](#) phải lưu vong sang [Campuchia](#) cho đến ngày ông liêu đạo.

[Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Tòa Thánh Tây Ninh](#) chỉ được công nhận trở lại tại miền Nam từ năm 1965, khi Hội đồng tướng lĩnh lên nắm quyền và muốn xóa đi thành kiến tôn giáo. Dưới thời [Đệ nhị Cộng hòa](#) của [Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu](#), các tín đồ tốt nhất chỉ thuần túy sinh hoạt tôn giáo, không nên can thiệp vào [chính trị](#), vì vậy các tổ chức [Cao Đài](#) không còn ảnh hưởng mạnh đến [chính trị](#) và [xã hội](#) như trước.

Các tín đồ Cao Đài một lần nữa phải chịu thử thách khi những người [Cộng sản](#) nắm quyền kiểm soát toàn bộ Việt Nam. Nhiều chức sắc [Hội Thánh Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh](#) bị chính quyền mới buộc tội là đã cộng tác với những kẻ thù, thậm chí đã tham gia chống đối chính quyền mới. Năm 1979, một [Hội đồng Chương quản Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ](#) được thành lập, đại diện cho giáo hội, đặt dưới sự kiểm soát của chính quyền. Các tổ chức, hệ phái Cao Đài khác cũng là đối tượng công kích, khi bị chính quyền mới buộc tội tuyên truyền cho tệ nạn mê tín. Các hoạt động tôn giáo hoàn toàn bị hạn chế, chỉ giới hạn những sinh hoạt trong nhóm nhỏ tín đồ.

Một tôn giáo lớn tại Việt Nam

Cùng với chính sách mở cửa của chính quyền [Việt Nam](#), các [tôn giáo](#), trong đó có cả Cao Đài giáo cũng được dễ thở hơn. [Tòa Thánh Tây Ninh](#) được mở cửa lại cho các hoạt động tôn giáo lớn của hàng triệu tín đồ, thậm chí được xem như một điểm di tích tham quan du lịch nổi tiếng của [Việt Nam](#). Từ năm [1995](#) đến [2011](#), chính quyền bắt đầu công nhận các tổ chức tôn giáo Cao Đài như những tổ chức hợp pháp, gồm 9 Hội Thánh Cao Đài, 1 tổ chức giáo hội Cao Đài Việt Nam (Bình Đức), 1 Pháp môn Cao Đài Chiêu Minh Tam Thanh Vô Vi và 18 tổ chức [Cao Đài](#) hoạt động độc lập. Ước tính hiện tại, toàn đạo có khoảng gần 3 triệu tín đồ trong cả nước, sinh hoạt tại 38 tỉnh thành, tập trung chủ yếu ở [Nam Bộ](#). Ngoài ra, có khoảng 30.000 tín đồ nữa sống ở [Hoa Kỳ](#), [Canada](#), [Campuchia](#), [Châu Âu](#) và [Úc](#).

Các tổ chức giáo hội^[11] Cao Đài được nhà nước Việt Nam công nhận pháp nhân^[12] xếp theo số lượng tín đồ:

1. [Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Tòa Thánh Tây Ninh](#): là tổ chức Hội Thánh Cao Đài đầu tiên, được thành lập năm 1926, và cũng là Hội Thánh lớn nhất với hơn 1 triệu 312 ngàn tín đồ, với 371^[13] thánh thất, 110 điện thờ Phật mẫu, phân bố trong 32 tỉnh thành trong cả nước. Khoảng 3 vạn tín đồ đang cư trú tại nước ngoài như [Bắc Mỹ](#), [Châu Âu](#), [Úc](#), [Campuchia](#). Địa bàn có đông tín đồ nhất là tỉnh [Tây Ninh](#). Được [Nhà nước Việt Nam](#) công nhận pháp nhân ngày [9 tháng 5](#) năm [1997](#). Trung ương Hội Thánh đặt tại [Tòa Thánh Tây Ninh](#) (xã Long Thành Bắc, huyện [Hòa Thành](#), tỉnh [Tây Ninh](#)).
2. [Hội Thánh Cao Đài Ban Chinh Đạo](#): là tổ chức giáo hội Cao Đài lớn thứ hai, được thành lập năm 1934, quản lý hơn 80 vạn tín đồ, với hơn 299 thánh thất ở 25 tỉnh thành. Một số lượng nhỏ tín đồ cư trú tại nước ngoài. Địa bàn có đông tín đồ nhất là tỉnh [Bến Tre](#). Được nhà nước Việt Nam công nhận pháp nhân ngày [8 tháng 8](#) năm 1997. Trung ương Hội Thánh đặt tại [Tòa Thánh Bến Tre](#) (phường 6, [thành phố Bến Tre](#), tỉnh [Bến Tre](#)).
3. [Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên](#): là tổ chức giáo hội Cao Đài lớn thứ ba, được thành lập năm 1932, quản lý hơn 8 vạn tín đồ, với hơn 127 thánh tịnh ở rải rác 15 tỉnh thành. Là Hội Thánh Cao Đài được nhà nước Việt Nam công nhận pháp nhân sớm nhất vào ngày [29 tháng 7](#) năm 1995. Trung ương Hội Thánh đặt tại [Tòa Thánh Châu Minh](#) (xã Tiên Thủy, huyện [Châu Thành](#), tỉnh [Bến Tre](#)).
4. [Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài](#): là tổ chức giáo hội Cao Đài lớn thứ tư, được thành lập năm 1956, quản lý gần 1,5 vạn tín đồ, với 61 thánh thất nằm rải rác 17 tỉnh thành. Địa bàn có đông tín đồ nhất tại [Quảng Nam](#), [Đà Nẵng](#). Được nhà nước Việt Nam công nhận pháp nhân vào ngày [24 tháng 9](#) năm 1996. Trung ương Hội Thánh đặt tại [Trung Hưng Bửu Tòa](#) (phường Thạch Thang, quận [Hải Châu](#), [Thành phố Đà Nẵng](#)).
5. [Hội Thánh Cao Đài Minh Chơn Đạo](#): là tổ chức giáo hội Cao Đài đứng thứ năm, được thành lập năm 1935, quản lý 47 thánh thất phân bố trong 4 tỉnh. Địa bàn có đông tín đồ nhất tại [Cà Mau](#). Được nhà nước Việt Nam công nhận pháp nhân vào ngày [2 tháng 8](#) năm 1996. Trung ương Hội Thánh đặt tại [Tòa Thánh Ngọc Sắc](#) (xã Hồ Thị Kỳ, huyện [Thới Bình](#), tỉnh [Cà Mau](#)).
6. [Hội Thánh Cao Đài Chơn Lý](#): là tổ chức giáo hội Cao Đài đứng thứ sáu, được thành lập năm 1931, quản lý khoảng 1 vạn tín đồ trên khắp 32 tỉnh, thành phố trực thuộc hệ thống 38 tỉnh, thành có cơ sở thờ tự Cao Đài, với 30 thánh thất và các trường quy^[14]. Địa bàn có đông tín đồ nhất là tỉnh Tiền Giang, địa phương có nhiều thánh thất nhất là tỉnh [Long An](#). Được nhà nước Việt Nam công nhận pháp nhân vào ngày [14 tháng 3](#) năm [2000](#). Trung

ương Hội Thánh đặt tại Tòa Thánh Chơn Lý (xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang)

7. Hội Thánh Cao Đài Cầu Kho Tam Quan: là tổ chức giáo hội Cao Đài đứng thứ bảy, được thành lập năm 1960, quản lý 33 thánh sở. Địa bàn có đông tín đồ nhất tại Bình Định. Được nhà nước Việt Nam công nhận pháp nhân vào ngày 28 tháng 4 năm 2000. Trung ương Hội Thánh đặt tại Tòa Thánh Cầu Kho Tam Quan (xã Tam Quan, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định).
8. Hội Thánh Cao Đài Chiếu Minh Long Châu: là tổ chức giáo hội Cao Đài đứng thứ tám, được thành lập năm 1956, quản lý 16 thánh tịnh. Địa bàn có đông tín đồ nhất tại Hậu Giang, Cần Thơ. Được nhà nước Việt Nam công nhận pháp nhân vào ngày 27 tháng 7 năm 1996. Trung ương Hội Thánh đặt tại Tòa Thánh Long Châu (xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang).
9. Hội Thánh Bạch Y Liên Đoàn Chơn Lý: là tổ chức giáo hội Cao Đài đứng thứ chín, được thành lập năm 1955, quản lý 14 thánh sở. Địa bàn có đông tín đồ nhất tại Kiên Giang. Được nhà nước Việt Nam công nhận pháp nhân vào ngày 8 tháng 7 năm 1998. Trung ương Hội Thánh đặt tại Tòa Thánh Ngọc Kinh (xã Mông Thọ B, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang).

Ngoài ra còn 2 tổ chức Cao Đài cũng được công nhận tư cách pháp nhân là:

1. Pháp môn Cao Đài Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi là một tổ chức pháp nhân đại diện của các tín đồ Cao Đài Chiếu Minh Tam Thanh^[15], thành lập năm 1926, quản lý 8 cơ sở và khoảng 6.000 tín đồ. Địa bàn có đông tín đồ nhất tại Cần Thơ và Hậu Giang. Được nhà nước Việt Nam công nhận pháp nhân vào ngày 26 tháng 4 năm 2010. Trụ sở trung ương đặt tại Thánh Đức Tổ đình (phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ).
2. Giáo Hội Cao Đài Việt Nam Bình Đức: là một tổ chức giáo hội Cao Đài, được thành lập vào năm 1961, quản lý có 9 cảnh, 6 thánh thất, 16 cảnh Trường qui với hơn 2.300 tín đồ ở các tỉnh Tiền Giang, Long An, Bến Tre, Đồng Tháp và Thành phố Hồ Chí Minh^[16]. Được nhà nước Việt Nam công nhận pháp nhân vào ngày 17 tháng 7 năm 2011. Trung ương giáo hội đặt tại Thiên Tòa Hoàng Đạo (xã Bình Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang)

Tương quan tôn giáo Cao Đài



Nghi lễ Cao Đài

Cao Đài là một tôn giáo lớn được xem là "trẻ" nhất tại Việt Nam. Trong chưa đến 100 năm hình thành và phát triển, Cao Đài thể hiện là một tôn giáo mới, có tính dung hợp các tôn giáo lớn tại Việt Nam, mà chủ yếu là [Tam giáo](#). Nhiều khái niệm cũng như hình thức của các tôn giáo lớn đều có thể thấy biểu hiện một phần tại Cao Đài.

Khác với hầu hết các tôn giáo có nguồn gốc lâu đời thường phủ nhận các tôn giáo khác, các tín đồ Cao Đài chấp nhận có tôn giáo khác và những tôn giáo đó hình thành nên tôn giáo Cao Đài. Họ lý giải đây chính là ý đồ của Thượng đế đã hình thành các tôn giáo khác nhau để phù hợp với thời điểm và địa điểm cụ thể, và tôn giáo Cao Đài chính là tôn giáo duy nhất do Thượng đế lập ra ở lần thứ 3 và là lần cuối cùng để phổ độ cho chúng sinh, không còn phân biệt tôn giáo, dân tộc hay ở bất kỳ nơi nào trên thế giới nữa. Chính vì vậy, điểm đặc biệt trong tôn giáo Cao Đài là sự tôn trọng tín ngưỡng và phong tục, không ép buộc tín đồ phải từ bỏ hoặc hạn chế các hoạt động liên quan đến tín ngưỡng hay phong tục cổ truyền của mình.

Tuy nhiên, với tư cách là một tôn giáo bảo vệ truyền thống, Cao Đài là một tôn giáo có những quy định rất chặt chẽ và khá bảo thủ, cứng nhắc. Tuy được xem là một tôn giáo trẻ và phát triển rất nhanh ở giai đoạn khai đạo, Cao Đài lại có những yêu cầu khắt khe về tính truyền thống, ít có sự cải sửa thay đổi nhằm bảo vệ tối đa những nét đặc trưng của tôn giáo mình. Chính điều này đã làm cho Cao Đài trở thành một trong 2 tôn giáo đặc thù của vùng Nam Bộ.

Phương Đông

Phật giáo

[Phật giáo](#) là một tôn giáo lớn tại Việt Nam nên có ảnh hưởng lớn đến tôn giáo Cao Đài. Một số nhân vật Phật giáo cũng được tôn thờ trong đạo Cao Đài như [Nhiên Đăng Cổ Phật](#), [Thích Ca Mâu Ni](#), [Quan Âm Bồ Tát](#), và được xem như những vị tôn trưởng vô hình trấn giữ nền đạo. Pháp môn Tuyển độ của Cao Đài chịu ảnh hưởng rất lớn từ pháp môn [Thiền](#) của Phật giáo Thiền tông.

Trong tổ chức Hội Thánh Cao Đài, ngôi vị [Hộ pháp](#) của đạo Cao Đài cũng được mượn hình ảnh từ hình tượng các [Hộ pháp](#) trong Phật giáo. Thậm chí, phái Thái, một trong 3 phái trong tổ chức Nam phái của Hội Thánh Cao Đài, được xem là tượng trưng của Phật đạo trong Đại đạo Cao Đài, với đạo phục màu vàng tượng trưng cho áo cà sa của các nhà sư.

Lão giáo

Chịu ảnh hưởng rất lớn từ [Minh Sư đạo](#), một nhánh của [Thiên Sư đạo](#), có thể nói vũ trụ quan của Cao Đài gần sát với vũ trụ quan của [đạo Hoàng Lão](#). Quan niệm [Thượng đế](#) có ngôi vị cao hơn tất cả, phương pháp [cơ bút](#) để các đấng vô hình truyền dạy, các con số linh thiêng như 1 (Thiên Nhân), 2 ([Âm Dương](#)), 3 ([Tam giáo](#)), 5 (Ngũ chi), 8 ([Bát Quái](#)), 12 (Thời Quân)... đều chịu ảnh hưởng rất lớn từ Lão giáo. Một số nhân vật trong [đạo Lão](#) cũng được tôn thờ như [Lão Tử](#), [Lý Bạch](#). Thậm chí, trong một số Hội Thánh Cao Đài, Lý Bạch còn được xem là giữ ngôi vị Giáo tông vô hình, nên thường được nhiều tín đồ Cao Đài gọi kính trọng là **Lý Giáo tông**.

Trong tổ chức Hội Thánh, vị trí Bát Quái Đài là khu vực thiêng liêng nhất, chỉ dành cho các vị tiên trưởng vô hình, được xem như là nơi lập pháp của đạo. Hầu hết các văn bản pháp luật đạo,

được các tín đồ tin là được giảng cơ từ Bát Quái Đài. Trong tổ chức Nam phái, cách đặt tên các phái cũng chịu ảnh hưởng từ [Tam Thanh](#) trong [Lão giáo](#) với biến cải đôi chút; thậm chí, phái Thượng, một trong 3 phái của Nam phái, cũng được xem là đại diện cho Lão giáo, với đạo phục màu xanh tượng trưng cho y phục các đạo sĩ. Vai trò của phái Thượng còn được đề cao khi trong tổ chức Hội Thánh Cửu Trùng Đài, chức phẩm của phái Thượng được xem là cao hơn so với 2 phái còn lại. Người giữ ngôi vị Thượng Chương pháp được quy định có thể thay mặt cho chức vị Giáo tông để chủ trì công việc của Cửu Trùng Đài.

Nho giáo

Cũng như Phật giáo và Lão giáo, Nho giáo cũng được xem là có ảnh hưởng rất lớn đến đạo Cao Đài. Nho giáo được trong đạo Cao Đài được đề xướng qua triết lý Nho tông chuyển thế. Nếu như Lão giáo ảnh hưởng nhiều về mặt vũ trụ quan và cách thức tu tập thì Nho giáo ảnh hưởng rất nhiều về cách thức hành lễ. Đại diện cho Nho giáo là [Khổng Tử](#) cũng được trong Bát Quái Đài.

Trong tổ chức Hội Thánh Cao Đài, phái Ngọc, một trong 3 phái trong tổ chức Nam phái Cửu Trùng Đài, được xem là tượng trưng của Nho giáo, với đạo phục màu đỏ.

Tín ngưỡng dân gian

Có thể nói tín ngưỡng dân gian Nam Kỳ đã có ảnh hưởng rất lớn đến đạo Cao Đài. Hầu hết các hoạt động tôn giáo của đạo Cao Đài chú trọng đến các nghi lễ trong gia đình liên quan đến phong tục truyền thống của người Việt ở Nam Kỳ như cưới hỏi, tang ma, cầu siêu... Những nghi lễ ấy mặc dù được tổ chức theo nguyên tắc và triết lý của đạo Cao Đài, nhưng lại không quá xa lạ với phong tục truyền thống của người Việt. Hơn nữa, các nghi lễ này đều được tổ chức quy củ, có sự tham gia đông đảo của chức sắc, chức việc và đạo hữu, làm không khí trong các buổi lễ trở nên trang trọng, tôn nghiêm^[17]. Mặt khác, rất dễ nhận thấy nhạc lễ Cao Đài (đặc biệt là Đại đàn) mang đậm văn hóa truyền thống Việt Nam với cung cách đi trò lễ, nhạc cổ truyền trong các buổi lễ tại đình, miếu dân gian.

Ngũ chi Minh đạo

Bài chi tiết: [Ngũ chi Minh đạo](#), [Minh Sư đạo](#), và [Minh Lý đạo](#)

Ngũ chi Minh đạo (chữ Hán: 五支明道) là một thuật ngữ trong tôn giáo Cao Đài dùng để chỉ các nhánh tôn giáo phát triển từ [Minh Sư đạo](#), một tôn giáo có sự tương hợp gần nhất với đạo Cao Đài, có ảnh hưởng lớn đến sự hình thành và phát triển của đạo Cao Đài.

Cao Đài Từ điển định nghĩa như sau:

“ *Ngũ Chi Minh Đạo là năm nhánh Đạo có tên khởi đầu bằng chữ MINH, có nguồn gốc từ nhà Minh bên Tàu.*

Ngũ Chi Minh Đạo gồm: Minh Sư, Minh Đường, Minh Lý, Minh Thiện, Minh Tân.”

—Nguyễn Văn Hồng, "Cao Đài Từ điển", mục Ngũ Chi Minh Đạo

Trong lịch sử, một số nhánh của Ngũ chi Minh đạo sát nhập vào với đạo Cao Đài như tông Phổ tế của Minh Sư, hoặc Minh Tân, Minh Đường. Một số không còn tồn tại như Minh Thiện, hoặc vẫn phát triển độc lập như [Minh Sư đạo](#), [Minh Lý đạo](#).

Phương Tây

Thiên Chúa giáo

[Thiên Chúa giáo](#) bây giờ đã phát triển mạnh mẽ ở Việt Nam dưới sự bảo hộ của chính quyền thực dân Pháp. Tuy nhiên, với các tín đồ Cao Đài đầu tiên, vốn là những người có tinh thần dân tộc, sự dung nạp Thiên Chúa giáo thể hiện một chừng mực không va chạm với truyền thống. Chính vì vậy, hình tượng chúa [Jesus](#) của Thiên Chúa giáo được xem là biểu trưng của Thánh đạo, một chi đạo trong [Ngũ chi Đại đạo](#).

Hồi giáo

Giai đoạn khai đạo Cao Đài cũng chính là giai đoạn Hồi giáo phát triển mạnh mẽ trong các cộng đồng dân tộc [Chăm](#), [Malay](#) và [Indonesia](#), ở cả Trung Kỳ lẫn Nam Kỳ, dưới sự bảo trợ của chính quyền thực dân. Mặc dù vậy, Hồi giáo lại rất ít được nhắc đến trong đạo Cao Đài, chỉ hiện diện với tư cách là một tôn giáo có dung hợp từ [Do Thái giáo](#) và Thiên Chúa giáo, cũng thuộc chi Thánh đạo trong [Ngũ chi Đại đạo](#).

Thông linh học

Thông linh học (*Spiritisme*) tuy chỉ mới từ châu Mỹ thâm nhập vào châu Âu nửa cuối thế kỷ 19, tuy nhiên, với sự xuất tác phẩm "*Cuốn sách của linh hồn*" ([tiếng Pháp](#): *Le livre des esprits*) ngày 1 tháng 4 năm 1857 bởi Allan Kardec, Thông linh học đã trở thành đối tượng tìm hiểu và nghiên cứu về tính chất triết lý của nó.

Sự ảnh hưởng của Thông linh học đã ảnh hưởng ít nhiều đến sinh hoạt tâm linh của những tín đồ đầu tiên, vốn có kiến thức Tây học. Trong đó, quan trọng nhất là nhóm môn đồ Cao - Phạm, nền tảng hình thành Hội Thánh Cao Đài sau này.

Giáo lý cơ bản

Bài chi tiết: [Giáo lý Cao Đài](#)

Xem thêm: [Tam kỳ phổ độ](#), [Tam giáo quy nguyên](#), và [Thiên Nhân](#)

Tam kỳ phổ độ

Các tín đồ Cao Đài tin rằng [Thượng đế](#) là Đấng sáng lập ra vũ trụ và hình thành nên các tôn giáo. Theo thời gian, tùy theo địa phương, Thượng đế đã hình thành các tôn giáo khác nhau để phù hợp với thời điểm và địa điểm, và được phân làm 3 kỳ phổ độ với 3 nhánh khác nhau:

- ⌚ **Nhứt kỳ Phổ độ:** Là thời kỳ hình thành các tôn giáo trên thế giới gồm Phật giáo ở [Ấn Độ](#), Tiên giáo, [Nho giáo](#) ở [Trung Hoa](#), [Đạo Thái giáo](#) ở [Trung Đông](#). Thời kỳ này Thượng đế mặc khải cho các đệ tử đầu tiên thay mặt mình để truyền đạo.
- ⌚ **Nhị kỳ Phổ độ:** Là thời kỳ chấn hưng các nền tôn giáo trên thế giới. Các tín đồ Cao Đài cho rằng sau một thời gian phổ độ, các giáo lý được Thượng đế truyền dạy theo thời gian đã bị các tín đồ diễn giải sai lạc, không còn mang đúng giáo lý nguyên thủy của Ngài. Vì vậy, Thượng đế một lần nữa đã truyền dạy cho các đệ tử của mình ở các nơi trên thế giới, thực hiện hiện vụ chấn hưng nền đạo. Từ đó hình thành Phật giáo Đại thừa, [Đạo giáo](#), [Khổng giáo](#), [Thiên Chúa giáo](#). Thời kỳ này các tôn giáo được chấn hưng và phát triển mạnh mẽ, vượt ra khỏi ranh giới vùng miền quốc gia, dần truyền bá ra thế giới.
- ⌚ **Tam kỳ Phổ độ:** Là thời kỳ tất cả các tôn giáo đều hợp thành một tôn giáo duy nhất dưới quyền cai quản Thượng đế, được Thượng đế điều hành, truyền giảng thông qua hình thức cơ bút. Đây cũng là lý do một số tín đồ gọi tôn giáo của họ là "Đạo Thầy" với hàm ý họ là những người thọ giáo trực tiếp từ Thượng đế.

Tam giáo quy nguyên



Ảnh Cao Đài Tam Thánh ở [Tòa Thánh Tây Ninh](#). Từ trái sang phải: [Tôn Dật Tiên](#), [Victor Hugo](#) và [Nguyễn Bình Khiêm](#)

Khái niệm cơ bản, thể hiệp sự dung hợp các tôn giáo hình thành nên đạo Cao Đài được gọi là "**Tam giáo quy nguyên**" (*Ba tôn giáo sẽ hợp về một mối*). Theo họ, ở thời kỳ phổ độ lần thứ 3, các tôn giáo lớn sẽ hợp nhất giáo lý thành một nền Đại Đạo duy nhất và được truyền bá bằng tiếng Việt^[18]

Bên cạnh đó, khái niệm "**Ngũ chi phục nhất**" (*Năm nhánh đạo sẽ trở thành một nền đạo lớn*) được đi kèm với "Tam giáo quy nguyên", với cùng ý nghĩa. Theo đó, "Ngũ chi" hàm chỉ các tôn giáo trên toàn thế giới, kể cả [Tam giáo](#), thực chất cũng chỉ là 5 nhánh đạo (*con đường*) gồm Nho đạo, Thần đạo, Thánh đạo, Tiên đạo, Phật đạo. Năm nhánh này thể hiện năm nấc thang tiến hóa từ thấp lên cao trong quá trình tu tập của các tín đồ, dù theo hướng nào thì cũng quy về một mối.^[19]

Thiên nhân

Quan điểm của các tín đồ Cao Đài thì Thiên Nhân biểu trưng cho con mắt của Thượng Đế nhìn thấy rõ tất cả những hành vi thiện ác của khắp nhân gian, để khen thưởng hay xử phạt một cách công bình. Trước Thiên nhân, không ai có thể che dấu hay chối cãi được.

Ngoài ra, biểu tượng Thiên nhân còn ý thức Đại đồng, vì dù bất cứ quốc gia, chủng tộc, hoặc tôn giáo nào, thì biểu tượng Thiên nhân đều giống nhau và không phản ánh đặc tính phân biệt nào.

Những tính chất khác



Bên trong [Tòa Thánh Tây Ninh](#)

Đạo Cao Đài nhấn mạnh sự bình đẳng giữa các tín đồ, giữa nam và nữ trong xã hội. Khi xưng hô với nhau, tín đồ Cao Đài sử dụng các từ "huynh", "đệ", "tỷ", "muội" (tức là anh chị em một nhà), tùy theo giáo phẩm, tuổi tác, giới tính. Khi kính cần, họ còn thêm "Hiền" phía trước những đại từ nhân xưng trên ("hiền huynh", "hiền tỷ"...).

Một Tộc đạo Cao Đài có 2 cơ thể thờ tự là "[Thánh thất](#)" và "[Điện thờ Phật Mẫu](#)". Mỗi Tộc đạo đều có chương trình truyền bá giáo lý.

Một số tín đồ nổi tiếng

- ⌚ [Ngô Văn Chiêu](#), môn đồ đầu tiên của Cao Đài, người hình thành Pháp môn [Cao Đài Chiếu Minh](#).
- ⌚ [Lê Văn Trung](#), chức phẩm Thượng Đẩu sư (1926), Quyền Giáo tông (1930), lãnh đạo tín đồ Cao Đài từ 1926 đến 1934.
- ⌚ [Phạm Công Tắc](#), chức phẩm Hộ Pháp, Chương quản Hiệp Thiên Đài Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ (1926) và Chương quản Nhị hữu hình đài Tòa Thánh Tây Ninh (1934), lãnh đạo các tín đồ Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh từ 1934 đến 1959.

- ⌚ [Nguyễn Ngọc Tương](#), chức phẩm Quyền Thượng Đầu sư. Năm 1934, ly khai Tòa Thánh Tây Ninh về [Bến Tre](#) thành lập hệ phái [Cao Đài Ban Chính Đạo](#), được phong phẩm Giáo tông.
- ⌚ [Cao Triều Phát](#), nhập đạo năm 1930, được bầu làm Chủ tịch Cao Đài Cứu quốc Mười hai phái hiệp nhất, được bầu làm Chương quản Cửu Trùng đài [Hội Thánh Cao Đài Duy Nhất](#).
- ⌚ [Trần Quang Vinh](#), chức phẩm Thượng Phối sư, quyền lãnh đạo các tín đồ Cao Đài 1941-1946, [Trung tướng](#), Tổng tư lệnh đầu tiên của Quân đội Cao Đài (1946-1951).
- ⌚ [Nguyễn Văn Thành](#) (1915-1972), [Trung tướng](#), Tổng tư lệnh Quân đội Cao Đài 1951-1955.
- ⌚ [Nguyễn Thi Hiếu](#), Nữ Đầu Sư chánh vị, Chương quản nữ phái Cửu Trùng Đài, chương quản nữ phái Phước Thiện, tác giả quyển "Đạo sử".
- ⌚ [Lê Văn Hoạch](#), phẩm vị Bảo Sanh Quân Tòa Thánh Tây Ninh, [Thủ tướng Cộng hòa tự trị Nam Kỳ](#) từ tháng 11 năm 1946 đến tháng 9 năm 1947.
- ⌚ [Nguyễn Văn Lộc](#), phẩm vị Bảo Học Quân Tòa Thánh Tây Ninh, [Thủ tướng Việt Nam Cộng hòa](#) từ tháng 11 năm 1967 đến đầu năm 1968.
- ⌚ [Phan Khắc Sửu](#), chức phẩm Thượng Đầu Sư [Cao Đài Tiên Thiên](#), [Quốc trưởng Việt Nam Cộng hòa](#) giai đoạn 1964–1965.
- ⌚ [Nguyễn Văn Ngợi](#), chức phẩm Ngọc Đầu Sư [Cao Đài Tiên Thiên](#), Ủy viên Đoàn chủ tịch Ủy ban Trung ương [Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam](#), Ủy viên Đoàn chủ tịch Ủy ban Trung ương [Mặt trận Tổ quốc Việt Nam](#).
- ⌚ [Tô Văn Pho](#), chức phẩm Thượng Đầu Sư [Cao Đài Ban Chính Đạo](#), Đầu Đạo Hà Nội (1954-1998), Trưởng Ban Thường Trực Hội Thánh Cao Đài Ban Chính Đạo (1997-1998).
- ⌚ [Hồ Tấn Khoa](#), chức phẩm Bảo đạo, Quyền chương quản Hội Thánh Hiệp Thiên Đài Tòa Thánh Tây Ninh (1976-1979). Chương quản Hội đồng Chương quản Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ (1979-1983).

Chú thích

1. [^](#) [Giới thiệu khái quát về đạo Cao Đài](#)
2. [^](#) [Đại lễ kỷ niệm 85 năm ngày hoằng khai ĐĐTKPD](#)
3. [^](#) Khác với cách cầu cơ của Đạo giáo, còn gọi là phương pháp cổ truyền, dùng Đại ngọc cơ, vốn giáng cơ qua bút tự của 2 người phò cơ; cách cầu cơ của Thông linh học, còn gọi là phương pháp tân thời, dùng bàn cơ (*a table tournante*), giáng cơ qua con trỏ từng chữ với sự hiệp lực của toàn bộ nhóm phò cơ.
4. [^](#) Còn gọi là phố Hàng Dừa, nay là đường Cống Quỳnh, TP.HCM.
5. [^](#) AĂĂ là 3 chữ cái đầu tiên của bảng chữ cái Quốc ngữ. A là chữ cái đầu tiên, tượng trưng đầu mối của vũ trụ vạn vật, tức [Thái cực](#). Ă và Â là biến thể của A, biểu tượng cho [Âm](#) và [Dương](#), tức [Lưỡng nghi](#) được sinh ra từ Thái cực. Vì vậy, danh hiệu AĂĂ được xem là Thái cực sinh ra càn khôn vũ trụ, biểu thị Thượng đế vô ngã (impersonal God).
6. [^](#) Vị trí gần ngã 3 đường Général Leman với đường Nguyễn Tấn Nghiệm, nay là ngã 3 Cao Bá Nhạ và Trần Đình Xu.
7. [^](#) Bộ đạo phục này ngày nay vẫn còn được thờ tại [Thánh thất Tây Ninh](#).
8. [^](#) Hoài Nhân, “40 năm lịch sử Đạo Cao Đài 1926-1966” trang 109, kể ra được 35 Chi phái. Dẫn theo Cao Đài Từ điển.
9. [^](#) Bản Cải án Cao Đài, 3 tháng 5 năm 1982

10. [^](#) "Bản tuyên dương công nghiệp ông Nguyễn Văn Thành", Tòa Thánh Tây Ninh, 24-11-1972.
11. [^](#) Giáo hội là cơ cấu tổ chức, bộ máy hành chính của tôn giáo và cũng là cơ quan quyền lực của tôn giáo, trong đó tập trung ở một số người. Giáo hội là tổ chức pháp nhân, không chỉ quan hệ trong đạo mà còn là mối quan hệ xã hội. Hội thánh là nói về phần thiêng liêng, một tập hợp rộng rãi cả chức sắc và tín đồ có mối quan hệ trong đạo, mang tính chất tôn giáo thuần túy. Trên thực tế hai khái niệm này rất gần nhau, thậm chí ở một số tôn giáo, đôi khi được hiểu là một và sử dụng như nhau. (Nguyễn Cao Thanh, ["Tìm hiểu tổ chức giáo hội và vấn đề pháp nhân tôn giáo"](#). Ban Tôn giáo Chính phủ.
12. [^](#) Theo định nghĩa của nhà nước Việt Nam, tư cách pháp nhân tổ chức tôn giáo khác với tư cách pháp nhân của tôn giáo. Theo quyền tự do tín ngưỡng, các tôn giáo hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam, phù hợp với luật pháp Việt Nam, mặc nhiên được thừa nhận tư cách pháp nhân. Tuy nhiên, một tổ chức tôn giáo được công nhận tư cách pháp nhân mới được hoạt động hợp pháp về mặt tổ chức như: duy trì quan hệ trên dưới về mặt tổ chức, có quyền sử dụng tài chính, tài sản theo quy định của pháp luật, tổ chức đại hội, hội nghị, mở trường đào tạo chức sắc, phong chức, điều chuyển chức sắc, in ấn xuất bản kinh sách, xây dựng nơi thờ tự...; duy trì các mối quan hệ dân sự với các tổ chức quan hệ với các tổ chức tôn giáo khác trong và ngoài nước, và tổ chức xã hội khác; chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hoạt động của tổ chức tôn giáo mình.
13. [^](#) Huỳnh Ngọc Thu, "Đời sống tôn giáo của tín đồ đạo Cao Đài trong bối cảnh văn hóa Nam Bộ", Luận án Tiến sĩ
14. [^](#) Cơ sở tiền thân hình thành thánh thất, vì không đủ số lượng tín đồ sinh hoạt.
15. [^](#) Do Cao Đài Chiêu Minh Tam Thanh không tổ chức giáo hội.
16. [^](#) [Công nhân Giáo hội Cao Đài Việt Nam \(Bình Đức\)](#)
17. [^](#) Huỳnh Ngọc Thu, [Đạo Cao Đài ở Nam Bộ](#).
18. [^](#) Hương Hiếu, "Đạo sử", Quyển 2, tr. 237: 29-7-B.D. "Bản in Hoa Kỳ".
19. [^](#) Nguyễn Văn Hồng, "Cao Đài Từ điển".

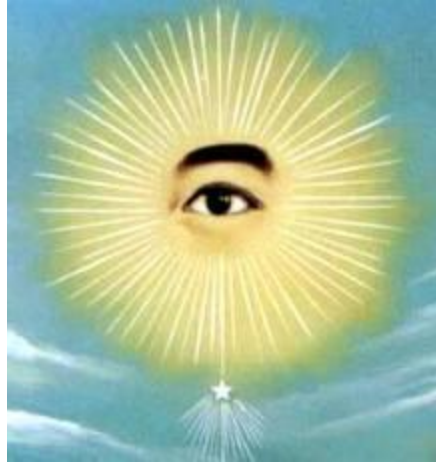
Tham khảo

- ⌚ Ngô Văn, *Việt Nam 1920-1945*. Montreuil: L'Insomniaque/Chuông rè, 2000.
- ⌚ Nguyễn Văn Hồng, "Cao Đài Từ điển" 2003.

Liên kết ngoài

- ⌚ [Tuổi Trẻ Đại Đạo](#)
- ⌚ [Cao Đài Đại Đạo](#)
- ⌚ [Đại Đạo Thanh Niên Hội](#)
- ⌚ [Centre for Studies in Caodaiism, Sydney](#)
- ⌚ [Dịch Lý Cao Đài](#)
- ⌚ [The British Cao Dai Community](#)
- ⌚ [Cao Đài site](#)
- ⌚ [Ý Thức](#)

Nguồn: Wikipedia.org



Cao -Đài Đại-Đạo

Lược-khảo căn-nguyên và giáo pháp Cương-yếu

Nơi phát nguyên Cao-Đài Đại-Đạo
Đệ tử đầu tiên của Đức Cao-Đài Thượng Đế
Người khai sáng Cao-Đài Đại-Đạo
Nhiệm vụ tính của Giáo-lý
Cơ Phổ-Độ (Ngoại Giáo Công-Truyền)
Cơ Tuyển-Độ (Nội Giáo Tâm-Truyền)

Cương-Yếu

Vào khoảng 1926, báo chí cùng nhà đương-quyền Pháp tại Đông-Dương đưa ra danh từ "LE CAODAISME" để gọi một Giáo-phái vừa chánh thức khai nguyên, chuyên tâm thờ phượng Đấng Thượng-Đế với Tôn-Hiệu:

Ngọc Hoàng Thượng Đế Nam Phương Giáo Chủ Cao-Đài Tiên-Ông, Đại Bồ-Tát, Ma-Ha Tát
Theo lệnh Đức Chí-Tôn, Môn Phái này xưng danh là "**Cao-Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ**", thờ "Thiên Nhân" làm biểu hiệu cho Đạo, và được đặc ân dùng Cơ-Bút (Đại Ngọc Cơ) làm phương thức để thừa tiếp Giáo Lý của Thiêng-Liêng.

Tín đồ, tùy theo trình độ tu hành, hoặc thủ trai kỳ, hay trường chay, hoặc tứ thời cúng kiến, hay tứ thời tịnh luyện. Phải tự mình khép vào ba phép hành trì:

Đối với Đạo, phải giữ tròn phận sự, lòng thành kính trong việc phượng-thờ, đó là Công-Trình

Đối với Đời, phải tùy theo sức mình, giúp đỡ người, chuyên lo việc từ thiện, đó là Công-Quả

Đối với bản thân, phải hằng ngày xét lòng, trao tria tinh thần hạnh đức đó là Công-Phu.

Chế độ tập đoàn và Tu viện chưa thiết lập.

Giáo lý "Cao-Đài Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ" có khuynh hướng "chiết trung", nên dung hòa nhưng không hợp tính:

Tiêu chuẩn nghiêm ngặt của **Khổng-Nho**.

Thuyết Từ-Bi và lý luận Siêu hình của **Thích giáo**.

Pháp qui đạo đức và học thuyết vô-vi của **Lão-Phái**.

Luân lý nhu hòa, cao nhã của **Gia-Tô-Giáo**.

Nơi phát nguyên Cao-Đài Đại-Đạo

Phần nhiều các Chi Phái chưa rõ Cao-Đài Đại-Đạo phát tích vào khoảng 1920 tại Dương Đông, Quận-ly đảo Phú-Quốc, trong một ngôi chùa xưa gọi "Quan-Âm-Tự" nằm theo triền núi Dương-Đông. Chính lúc đó tại "Quan-Âm-Tự" Đức Thượng-Đế nhiều phen khiêm xưng "Cao-Đài Tiên-Ông" giảng dạy nơi Đàn-cơ do một nhóm người nhiệt tâm với Thần-Linh-Học thường tổ chức. Trong nhóm ấy lại có Ngài Ngô-Minh-Chiêu đương thời Quận Trưởng Phú-Quốc, mà sau này sẽ là người lãnh trách nhiệm khai sáng Đạo Cao-Đài.

Điều này rất quan trọng, nhưng rất tiếc là ít khi được ghi trong lịch sử Cao-Đài Đại-Đạo.

Sơn cảnh "Quan-Âm-Tự" đã tìm lại được, và năm 1961, ngay khuôn nền cũ, một nhóm tín-đồ thuộc Cơ Tuyền-Độ dựng lên một ngôi thờ (lấy tên một đền thờ cũ gọi là: "Cao-Đài Hội-Thánh") để kỷ niệm nơi phát nguyên Cao-Đài Đại-Đạo.

Đệ Tử đầu tiên của Đức Cao-Đài Thượng-Đế

Trong Đàn Cơ lập ngày 8 tháng 2 dương lịch năm 1921, tại "Quan-Âm-Tự" Đấng Chí-Tôn tá danh Cao-Đài Tiên-Ông, thừa nhận Ngài Ngô-Minh-Chiêu là đệ tử đầu tiên và dạy dùng 2 chữ Thầy, Trò mà xưng hô.

Từ đó Ngài Ngô-Minh-Chiêu chuyên lo tu trì khổ-hạnh, dưới sự hướng dẫn u-huyền mà hăng tạt của Đức Cao-Đài Tiên-Ông trong những Đàn Cơ lập riêng. Ngoài ra, đoán theo một hai lời tiết lộ với vị Trưởng Tráng Cơ Tuyền-Độ (Ông Lê Minh Huân (sắc phong Đạo-Đức Kiên-Tiên)), Ngài Ngô-Minh-Chiêu có lẽ thường hưởng đặc-ân được liên-lạc trực-tiếp với Cao-Đài Giáo Chủ.

Đức Cao-Đài Tiên-Ông lại dạy Ngài Ngô-Minh-Chiêu phải chọn một biểu tượng để thờ phượng.

Ngài Ngô-Minh-Chiêu bạch xin thờ Thập-Tự.

Đức Cao-Đài Tiên-Ông nói đó là dấu hiệu riêng của một nền Đạo đã có rồi, và dặn phải suy nghiệm mà tìm cho ra, có Tiên-Ông giúp sức.

Qua một tuần, Ngài Ngô-Minh-Chiêu cũng chưa nghĩ ra. Bỗng một buổi sáng lúc đang ngồi trên võng tại Dinh Quận, Ngài thấy cách 2 thước lộ ra một con mắt thật lớn, chói rạng dị thường. Ngài lấy làm sợ hãi, lấy tay dụi mắt không dám nhìn, độ nửa phút, dỡ tay xem lại, con mắt cũng còn mà lại sáng hơn trước.

Ngài bèn chấp tay vái rằng: "Bạch Tiên-Ông, đệ-tử rõ biết huyền-diệu của Tiên-Ông rồi. Như phải Tiên-Ông bảo thờ Thiên-Nhân thì xin cho biến mất tức thì, để vậy đệ-tử sợ lắm."

Vái xong, con mắt lu lần lần rồi biến mất.

Tuy nhiên, Ngài Ngô-Minh-Chiêu cũng chưa thiết tin. Cách vài ngày sau, Ngài lại thấy y như lần trước nữa, Ngài nguyện để tạo Thiên-Nhân mà thờ, thì con mắt tự nhiên biến mất.

Thiên-Nhân thờ trong Giáo phái Cao-Đài Đại-Đạo đều họa theo như Ngài Ngô-Minh-Chiêu đã hai lần thấy đó: Mắt trái có tia sáng chung quanh.

Sau ba năm truyền dạy, Đức Cao-Đài Thượng Đế tỏ lời toại-ý về phần tiến bộ của đệ-tử đầu tiên và luôn dịp cho biết Thiên-ý định giao cho Ngài Ngô-Minh-Chiêu một trọng trách là: Công việc kiến tạo nền-tảng Cao-Đài Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ.

Người khai-sáng "Cao-Đài Đại-Đạo"

Cuối hạ năm 1924, Ngài Ngô-Minh-Chiêu được lệnh Chánh-phủ đổi về Sài-gòn. Về đây không bao lâu, Ngài mở đầu nhiệm-trách thiêng-liêng của mình, bằng việc điểm-đạo một số đệ-tử cấp nhứt thuộc "Cơ Nội-Giáo Tâm-Truyền" do Ngài bốn thân điều-khiển cho đến ngày nay, bao năm sau khi Ngài qui-liễu.

Qua năm 1925, từ tháng 7 dương lịch đến tháng 2 năm 1926, một nhóm người đang tập cầu-cơ ở Sài-gòn, được lệnh Đấng Chí-Tôn, đến tiếp-xúc với Ngài và nhờ Người chỉ bảo, để chuẩn bị việc khai-nguyên Cơ Phổ-Hóa của Cao-Đài Đại-Đạo.

Lúc đó Đức Cao-Đài Thượng-Đế có dặn: "Mọi việc phải do nơi CHIẾU là Anh Cả". Nhóm này có Quý ông Vương Quang-Kỷ, Lê-Văn-Trung, Cao-Quỳnh-Cư, Phạm-Công-Tắc, Cao-Hoài-Sang, Nguyễn-Trung-Hậu,..., là những người sau này đứng ra sáng lập Tòa-Thánh Tây-Ninh Đán mừng 1 Tết Bính-Dần (13-2-1926) Đức Thượng-Đế lại dạy Quý-vị trong nhóm này rằng: "Chư đệ-tử nghe: CHIẾU - Buổi trước hứa lời truyền đạo cứu vớt chúng-sanh nay phải y lời mà làm chủ mỗi đạo, dìu-dắt cả môn đệ TA vào đường đạo-đức đến buổi chúng nó thành-công, chẳng nên tháo-trúc. Phải thay mặt TA mà dạy dỗ chúng nó".

Kể khoảng đầu năm 1926, một nhóm khác cũng đến tiếp xúc với Ngài Ngô-Minh-Chiêu. Trong nhóm này có Quý ông Nguyễn Ngọc Tương, Lê Bá Trang là người sau này kiến tạo Tòa-Thánh Bến-Tre (An-Hội) Ban Chính-Đạo (1934). Trần-Đạo-Quang là người điều khiển Tòa-Thánh Ngọc-Minh Bạc-Liêu (Giồng-Bướm) Phái Minh-Chơn-Đạo (1928). Phối Sư Thái-Ca-Thanh Tòa-Thánh Mỹ-Tho phái Minh-Chơn-Lý (1930).

Và độ nọ như ngày Đại lễ Phật-Mẫu năm 1954, người ta không lấy gì làm lạ khi nghe Ông Phạm-Công-Tắc giới thiệu con trai của Đức Ngô-Minh-Chiêu cho mấy vị chức sắc lớn ở Tòa-Thánh Tây-Ninh bằng câu này: "Đây là con trai của Đức Ngô-Minh-Chiêu, Giáo-Chủ Đạo Cao-Đài.

Nhị nguyên-tính của giáo-lý

Có nhiều chi-phái chưa lãnh-hộ rõ-rệt điều này: đó cũng là một khuyết điểm cần điền-bổ.

Thực ra, như các Tôn-giáo ngày xưa trong thời-kỳ sơ-khai, Cao-Đài Đại-Đạo cũng có 2 Giáo Pháp:

Cơ Phổ-Độ thuộc Ngoại-Giáo Công-Truyền

Cơ Tuyển-Độ thuộc Nội-Giáo Công-Truyền. Hai cơ quan này chẳng những không di luận, không mâu-thuẫn nhau, mà lại còn tiếp nối nhau, vì đây là 2 giai-đoạn, mở đầu và chung tất, trong đường diễn-tiến của đạo-pháp:

Cơ Phổ-Độ hay Ngoại-Giáo Công-Truyền hay Tiểu-Thừa Tiệm-Giáo

(Không có tính cách "bảo thủ" như Cơ Tiểu-Thừa Phật-Giáo)

Ngoại-Giáo Công-Truyền có trách nhiệm truyền bá, tiếp xúc ngay với đại chúng, và gồm có một hệ thống Thánh-Thất trang nghiêm nghi-lễ long-trọng, mấy cấp bậc chức sắc, lại có tổ chức một phần do theo khuôn mẫu cơ quan hành chánh. Cơ Phổ-Độ lo lắng phần hóa dưỡng đạo-âm của tín-đồ mới nhập môn, chỉ vẽ, kiểm-đốc việc hành trì của bốn-đạo. Ngoài ra còn đảm nhiệm phần giao-tế với Đời. Đối với tín-đồ, đường siêu-thoát do chỗ thành-tâm hạnh đức của mình và phải nhờ có ân-thiên điểm-hóa.

Cơ Tuyển-Độ hay Nội-Giáo Công-Truyền hay Đại-Thừa Đốn-Giáo

(Không có tánh cách "phổ-hóa" như Cơ Đại-Thừa Phật-Giáo)

Cơ Tuyển-Độ không có Thánh-Thất, chức-sắc, nghi-lễ long trọng, tổ-chức về mặt hữu hình. Toàn thể môn-đồ đều do Đấng Chí-Tôn tuyển-chọn, sau một thời gian chuẩn bị nghiêm túc. Đầu là bậc nào trong xã hội, hễ sau khi được dung-nhận rồi thì theo lời nguyện của mình, không còn quyền-luyện hồng-trần, vinh-hoa, phú-quý, phải từ bỏ những vui sướng trên Thế, để sống một nếp thanh-đạm, theo luật Đạo.

Bề ngoài không biểu lộ một dấu chi khác thường, nhưng bên trong, hằng bữa phải đều đều, sáng suốt, công-phu tịnh-luyện đúng phép "tánh-mạng song-tu", để lần lần đến chỗ "diệt-ngã" mà qui về Đạo mầu, là cảnh hư-vô tuyệt-đối.

Ngày lịch sử, Đức Cao Đài lần đầu tiên giao phân công và giao trách nhiệm

Đàn giao thừa đón năm mới Bính Dần

Năm Ất Sửu hết, Tuân lời dạy của Đức Cao Đài chiếu 30 tết (12-2-1926), (theo Bà Hương Hiếu q.uyển Đạo sử tr. 56 .ngày 13-2-1926 là ngày khai Đạo) các môn đệ tề tựu lại, cùng nhau đi một vòng thăm các đạo hữu, mang theo ngọc cơ để lập đàn mỗi khi ghé lại từng nhà. Hôm ấy Ông Chiêu là pháp đàn. Đồng tử âm dương là hai Ông Cư, Tắc. Ông Hậu giữ phận sự đọc giả. Ông Tuyết Tân Thành phụ trách điển ký.

Đoàn lần lượt ghé vào nhà các Ông Võ Văn Sang, Cư, Kỳ, Giảng ,Hậu, Hoài, Tắc, Bản, Nguyễn Hữu Đắc, Trung và Quý. Mỗi Ông đều được Đức Cao Đài ban ơn cho một vé thơ bốn câu. Riêng vé thơ cho Ông Trung sau này có khi được hiểu là lời Đức Cao Đài tiên tri rằng cơ phổ độ sẽ phát triển, và môn đệ sẽ hoảng hóa từng địa phương khác nhau:

Đã thấy ven mây lối mặt dương,

Cùng nhau xúm xít dẫn lên đường.

Đạo cao phó có tay cao độ,

Gần gũi sau ra vạn dặm trường.

Đêm càng về khuya, phố xá chuẩn bị đón năm mới Bính Dần, các Ông vội trở về nhà Ông Trung lập đàn giao thừa. Đức Cao Đài đã phân nhiệm cho các môn đệ như sau:

"Chiêu, buổi trước hứa lời truyền đạo, cứu vớt chúng sanh, nay phải y lời mà làm chủ, diu dắt cả môn đệ Ta vào đường đạo đức đến buổi chúng nó lập thành, chẳng nên thối trút. Phải thay mặt Ta mà dạy dỗ chúng nó. "

"Trung, Kỳ, Hoài, ba con thay mặt Chiêu mà đi độ người. Nghe và tuân theo."

"Bản, Sang, Giảng, Quý, lo dọn mình đạo đức đăng truyền bá cho chúng sanh. Nghe và tuân theo."

"Đắc con phải hiệp một vào đây đăng giúp đỡ Trung. Nghe và Tuân theo."

"Đức, tập cơ."

"Hậu, tập cơ. Sau theo mấy anh con đặng độ người. Nghe và Tuân theo."

Lúc này, Ông Đắc đã có mặt hầu đàn. Nghe Đức Cao Đài dạy như vậy, Ông tỏ ý ngần ngại bởi lẽ Ông đang tu theo đạo Minh Lý. Đức Cao Đài giải thích: "[Minh Lý và Cao Đài] cũng một gốc. Tuý ý con định. Sau chớ trách Thầy"

Đàn giao thừa đón năm Bính Dần tại nhà Ông Lê Văn Trung Kết thúc thời gian nửa năm (mùng 4 tháng 6 đến 30 tháng Chạp Ất Sửu) mà Đức Cao Đài chuyển tâm và hóa Độ cho các vị trong nhóm Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc tìm đến cửa Cao Đài. Trong lời dạy không đề cập tới ba Ông Cư, Sang, Tắc, nhưng đã giao sứ mạng rõ ràng cho các vị khác:

-Khẳng định vai trò Anh Cả (theo Tân Luật của đạo Cao Đài, Anh Cả tức là Giáo Tông) của Ông Chiêu đối với đàn em.

-Dạy Ông Trung, Kỳ, Hoài, lo phần ngoại giáo công truyền (Phổ Độ) "thay mặt" cho Ông Chiêu, vì Ông Chiêu sẽ chuyên chú về mặt nội giáo tâm truyền (Tĩnh Luyện). Cùng dự vào công cuộc phổ độ, còn có các Ông Bản, Võ văn Sang, Giảng, Quý.

Song đồng âm dương thường là hai Ông Cư, Tắc. Đức Cao Đài tăng thêm hai Ông Đức, Hậu.

Nhưng cho đến lúc này, sự chuẩn bị cho nhóm Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc vẫn chưa hoàn tất. Còn phải đợi thêm tám tháng nữa nhóm Cao Quỳnh Cư, Cao Hoài Sang, Phạm Công Tắc mới thực sự trở thành nhóm Phổ Độ. Đó là những việc tám tháng đầu năm Bính Dần.

Tết Nguyên Đán Bính Dần trôi qua. Trong hương Xuân còn vương vấn, các ông thiết lễ Vía Trời lần đầu tiên tại nhà Ông Vương Quan Kỳ vào mùng 9 tháng Giêng (đêm thứ bảy rằm ngày chủ nhật 21-2-1926), Đức Cao Đài dạy:

Bầu tòa thơ thới trở thêm hoa,

Mấy nhánh rồi sau cùng một nhà.

Chung hiệp rán vun nền đạo đức,

Bền lòng son sắt đến cùng Ta.

Ông Chiêu bạch với Đức Cao Đài, xin một vé thơ điểm danh chung cho những người đang có mặt. Đức Cao Đài ban ơn:

Chiêu, Kỳ, Trung, dẫn độ Hoài sanh

Bản, đạo khai Sang, Quý, Giảng thành,

Hậu, Đức, Tắc, Cư, thiên địa cảnh,

Quần Minh, Mân, đáo thủ đài danh.

Trong bài điểm danh này, Quờn, Minh, Mân là ba người khách của Ông Vương Quang Kỳ. Còn Sang có thể là Cao Hoài Sang, trùng tên với Võ Văn Sang. Như vậy, tuy có mười hai tên, nhưng bài thư cũng được coi như điểm danh đủ số mười ba vị đệ tử đầu tiên, trong đó Ông Chiêu là Anh Cả (Anh Cả là Giáo Tông theo Tân Luật đạo Cao Đài).

Luật Pháp Đạo

Các luật căn bản đã được ban hành ngay từ khi mới khai Đạo (cuối năm 1926), đến nay vẫn còn hiệu lực, gồm Pháp Chánh Truyền và Tân Luật

1- Pháp Chánh Truyền do Đức Chí Tôn là Giáo Chủ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ giáng cơ truyền dạy, để qui định các cơ cấu hành đạo và thiết lập hàng giáo phẩm của Cửu Trùng Đài, Hiệp Thiên Đài.

Cửu Trùng Đài có Pháp Chánh Truyền ngày 16-10 Bính Dần(1926) tức là một ngày sau khi Hội Thánh Đại Đạo ra mắt nhân sanh ngày Rằm tháng 10 năm Bính Dần.

Hiệp Thiên Đài có Pháp Chánh Truyền ngày 13-01 Đinh Mão(1927)

2- Tân Luật

Về luật của Đạo, Đức Chí Tôn giao cho Hội Thánh lập ra rồi trình lên Ông Trên phê chuẩn để cho phù hợp với tinh thần dân chủ và Thiên Nhân hiệp nhất. Đó là Bộ Tân Luật ra đời khi mới khai Đạo (1927), đến nay còn hiệu lực. Tân Luật gồm có ba phần:

a- Phần đạo pháp:

Liên quan đến hành chánh đạo, trong đó trọn Chương I chép theo nội dung của Pháp Chánh Truyền Cửu Trùng Đài gồm có các vấn đề sau đây:

- Tổ chức hàng giáo phẩm Cửu Trùng Đài, cách thăng phẩm trật.
- Mối tương quan giữa Hội Thánh và nhân sanh.
- Cách hành đạo tại Hội Thánh và tại các địa phương.
- Nhiệm vụ của tín đồ.

b- Phần thế luật:

Liên quan đến đời, qui định cách xử thế của tín đồ, cốt ý để xây dựng lâu đài một xã hội đạo đức an lạc bằng tình thương yêu giữa đồng đạo với nhau

c- Phần Tịnh Thất:

Qui định nội qui Tịnh Thất và điều kiện áp dụng cho tịnh viên là những tín đồ muốn thực hành phần công phu tịnh định để giải thoát tâm linh.

Tân Luật và Pháp Chánh Truyền phác họa trên đây gồm chung lại thành luật pháp căn bản của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Trong lịch sử hoằng giáo của đạo Cao Đài, tuy đã phát sinh ra nhiều Chi Phái, nhưng tới nay, tất cả các Chi Phái đều vẫn tuân theo Tân Luật và Pháp Chánh Truyền. Sự kiện này cho thấy giữa các Chi Phái vẫn có một yếu tố thống nhất bất biến qua bao thời kỳ thăng trầm của đất nước và cơ đạo.

Nguồn: <http://www.caodaism.net/menu.htm>

Gương hướng đạo chơn-tu của Đức Trần Đạo Quang

Lời mở đầu

Đức Ngọc Chương Pháp Trần Đạo Quang một bậc chân tu Thánh-Đức, Ngài vốn là một vị Thái Lão Sư phẩm vị cao trong nhất của Đạo Tam-Giáo Minh-Sur, sắp được thọ truyền Tổ-Ấn từ Trung-Hoa thì gặp lúc Đạo Cao-Đài ra đời, Đức Cao-Đài Thượng-Đế giảng cơ khuyên Ngài qui hiệp với Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ mở rộng đường phổ hóa để tận độ nhân-loại buổi Tam-Kỳ Hạ-Ngươn này. Ngài về với Đạo Cao-Đài được Thiêng-Liêng phong Ngọc-Chương-Pháp một phẩm cao trọng bậc nhì trong Hội-Thánh Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ đầu tiên tại Tòa Thánh Tây-Ninh, trừ một phẩm đệ nhất là Giáo-Tông đương thời là Đức Lý Thái Bạch.

Vì vậy toàn Bôn-Đạo Cao Đài và Minh-Sur khắp hai miền Nam-Trung nước Việt không mấy ai không hiểu biết và kính trọng Ngài. Mỗi năm ngày 17 tháng 2 âm lịch khắp nơi trong toàn Đạo đều có cúng giỗ kỷ niệm ngày đăng tiên của Ngài, đặc biệt tại Linh-Quang-Tự Tổ Đình Đạo Minh-Sur của Ngài, nay các đệ tử dờn về Hóc-Môn và tại Hội-Thánh Minh-Chơn-Đạo miền Hậu-Giang và Hội-Thánh Truyền-Giáo Trung-Việt cử hành lễ kỷ niệm trọng thể.

Mùa cúng giỗ của Ngài năm nay nghỉ tình Sur-Đệ, vì nghĩa vụ kẻ hậu sinh, nhân có chút thì giờ xin chép lại tóm lược về tiểu sử Ngài những điều tôi đã hân hạnh ghi nhận được, để góp phần sưu tầm Sử Đạo tương lai và cũng để toàn thể Đạo Tâm chúng ta hiểu biết thêm về quá trình của một bậc Hướng-Đạo chân tu nêu gương sáng lạng muôn đời.

Mười ba tuổi phát-tâm nhập Đạo.

Đức Ngọc-Chương-Pháp Trần Đạo Quang tên thật Ngài là Trần Văn Quang, Ngài ra đời lúc bình minh, giờ Dần ngày mùng 10 tháng 11 năm Canh Ngọ (1870) tại Ban Dầy, quận Cai Lậy, tỉnh Định-Tường (Mỹ-Tho) (Lúc đi Trung-Kỳ truyền Đạo, Ngài chưa có giấy thuế, phải lấy tên Hà Văn Thuần của người trong làng xin căn cước mới được ra Trung vì vậy Ngài đứng tên bất-động-sản tại Đà-Nẵng hay những nơi khác là Hà Văn Thuần). Thân phụ Ngài Cụ Ông Trần Chí Hiếu, thân mẫu Ngài Cụ Bà Dương Mỹ Hậu. Ngài sinh trưởng trong một gia đình nông nghiệp, lại là một người con độc nhất nên cha mẹ tất quý yêu không cho đi xa, mỗi lúc đi đâu phân nhiều dắt theo, nên Ngài chỉ học được chữ Nho và Quốc-ngữ các trường quan làng. Tuy ít học nhưng bản chất Ngài thông minh đỉnh ngộ từ tuổi ấu thơ đã đầy lòng hiếu-kính cha mẹ, nhân-ái đối với kẻ khó người nghèo chứng tỏ đã có căn lành từ trước.

Thân sinh Ngài vốn ham mộ tu trì theo Đạo Tam-Giáo Minh-Sur nên Ngài thường được theo cha mẹ đến chùa nghe cầu kinh giảng Đạo. Năm mười ba tuổi Ngài phát tâm xin nhập Đạo, Song thân Ngài thuận cho. Năm mười sáu tuổi năm Ất-Dậu (1885) bỗng nhiên Ngài phát Đại nguyện xin phép dâng lễ cầu sám thọ giới trường trai, bước đầu vào đường giải thoát. Song thân Ngài thấy con giốc lòng mộ Đạo mà nửa mừng nửa lo, mừng vì con muốn làm điều thiện theo ý nguyện của mình, nhưng lo vì Ngài là con độc tự nếu giốc lòng tu cầu giải thoát thì lấy ai nối dõi tông đường. Nhưng nghĩ lại giới cầu sám vẫn còn nhập thế được nên bằng lòng cho Ngài dâng lễ, và nhờ Đức Thái Lão Sư Trần Đạo Cửu nhận làm bậc Thầy đứng khai thị.

Năm năm sau, năm Canh-Dần (1890) Ngài được 21 tuổi là năm khó khăn trên bước đường tu của Ngài, vì Ngài thì quyết tâm xin cầu lên Nhứt Bộ, trường trai tuyệt phế đời giải thoát, nhưng Song thân Ngài thì nhất định không cho, vì lẽ thừa tự nói trên. Vấn đề dẫn co mãi, sau cùng Đức

Lão Sư Trần Đạo Cửu lấy lễ duyên nghiệp đem chuyện Đức Phật Tổ bỏ ngai vàng đi tu mà khuyên can, và kết cuộc Song thân Ngài mới bằng lòng cho Ngài bước vào đường xuất thế. Rồi từ đó đường tu của Ngài cứ một mạch đi lên, năm 22 tuổi Ngài cầu lên Nhị Bộ, năm 23 tuổi Ngài cầu lên Tam-Bộ, thế là xong phần Nhứt Thừa Châu Viên. Đến năm 25 tuổi (Giáp-Ngọ), Ngài bắt đầu bước vào Nhị Thừa lãnh Thiên-Mạng gọi là Thiên-Ân. Năm 31 tuổi năm Canh-Tý Ngài được cầu Thọ-Thiên-Ân lên một bậc là "Chứng-Ân", chữ lót tên Ngài được đổi lại chữ "Minh", Trần Minh Quang, Năm 34 tuổi, Ngài được lãnh Thiên-Ân lên một bậc nữa là "Dẫn-Ân" thì chữ lót tên Ngài được đổi lại chữ "Xương", Trần Xương Quang. Năm 37 tuổi, Ngài được thọ lãnh Thiên-Ân lên một bậc nữa là "Bảo-Ân" thì chữ lót tên Ngài được đổi lại chữ "Vĩnh", Trần Vĩnh Quang. Đến đây đã xong phần Nhị-Thừa. Năm Ngài 41 tuổi, năm Canh-Tuất (1910) bắt đầu bước vào Tam-Thừa, Ngài được thọ phong Đảnh-Hàng tức phẩm-vị Lão-Sư, hàng chức sắc cao cấp của Đạo Minh-Sư, và chữ lót tên của Ngài được đổi lại chữ "Vận", Trần Vận Quang.

Trong hàng Lão-Sư lúc bấy giờ quý vị phần đông bán thế xuất gia. Đặc biệt Đức Thái-lão Trần Đạo Quang đồng chơn nhập Đạo, một bậc chơn tu đạo hạnh, nhập đạo từ năm 13 tuổi, nên Ngài rất được trọng Đạo, ngoài đời kính trọng. Vì vậy lúc thọ lãnh Thiên-Ân, Ngài đã đến nhiều nơi trong tỉnh nhà Định-Tường phổ độ người vào đạo rất đông. Đầu tiên Ngài đến Cả Hòa, bốn đạo hiền đất xây cất chùa, và tạo mãi ruộng vườn để làm phước điền. Rồi Ngài đến xã Thôm-Rôm cũng xây cất chùa, tạo phước điền. Sau Ngài về quê nhà, quận Cai-Lậy, phổ độ thêm nhiều bốn đạo và lan rộng đến nhiều nơi trong các tỉnh miền Nam như Gò-Công v.v..

Từ đó danh tiếng Ngài không những ở miền Nam, mà nhiều nơi tại Trung-Kỳ cũng đều ngưỡng mộ. Năm ấy không rõ năm nào, Ngài định ra Trung-Kỳ thăm dò đường mở Đạo, do một đệ tử mời Ngài ra Quảng-Ngãi, (theo lời một đệ tử khác thì người mời Ngài ra Quảng-Ngãi là Thầy Ba-Họa, Ông này thọ giáo lúc còn nhỏ ?) xin cầu tiến bậc Tiên Linh, nghĩa là cầu siêu cho ông bà cha mẹ. Nhưng Song thân Ngài không bằng lòng cho đi, vì cha mẹ tuổi già chỉ có mình Ngài là con nên không muốn cho đi xa. Ngài phát Đại nguyện khấn thiết xin Song thân cho Ngài đi, vì thọ truyền Tổ Mạng không thể không dẫn dắt nhơn sinh. Song thân Ngài khóc lóc khuyên can, nhưng Ngài quyết tâm xin ký thác Song thân cho chư đệ tử rồi Ngài nuốt lệ mà bái biệt.

Năm Ngài 45 tuổi, năm Giáp-Dần (1914) được cầu phong Thập-Địa Thái-Lão-Sư do Đức Tổ-Sư Trần-Đạo-Khánh (Tông Phò Tế) từ Trung-Hoa truyền thọ đại nhậm. Và chữ lót tên Ngài đổi lại chữ "Đạo" nên gọi Ngài là Thái-Lão-Sư Trần-Đạo-Quang cho đến mãi về sau. Như thế con đường tu-trì theo Đạo Tam-Giáo Minh-Sư của Ngài đã đi đến tột đỉnh chỉ còn truyền Tổ-Ân nữa là hết (Tổ-Sư Trần-Đạo-Khánh nguyên người Việt qua Trung-Hoa thọ giáo tu-trì từ thuở bé, được truyền phong Tổ-Ân.).

Thọ Tổ-Mạng xong, Ngài vẫn tiếp tục phổ độ nhiều nơi. Thời gian sau, được sự tín nhiệm của 12 vị Lão-Sư mời Ngài về Linh-Quang-Tự tại làng Hạnh-Thông-Tây, quận Gò-Vấp, tỉnh Gia-Định, chuyển thác chùa Linh-Quang và đạo nghiệp cho Ngài. Từ đây Linh-Quang-Tự được coi như là Tổ-Đình Tông-Phổ-Tế đạo Tam-Giáo Minh-Sư mà Ngài là người chủ trì.

Ra Trung lần thứ hai chính thức mở đạo Tam-Giáo Minh-Sư.

Khoảng năm Ất-Mẹo, Ngài trở ra Trung lần thứ Hai. Duyên do chuyển ra Trung lần này. Theo tài liệu của Ông Trần Chuân (tức Lão-Sư Trần-Đạo-Cơ) đệ tử thân cận Thái-Lão-Sư Trần-Đạo-Quang cung cấp tài liệu cho tôi viết thiên sử này, và sự ghi nhận của Bà Tham Tường con Cụ Trương Như Hối và Ông Nguyễn-Thượng-Khai con Cụ Nguyễn-Vĩnh-Từ (Nguyễn Thương Toại), hai vị chức sắc đạo Minh-Sư cùng đệ tử Đức Thái-Lão (Bà Tham Tường và Ông Nguyễn

Thượng Khải thì hiện là chức sắc của Hội-Thánh Truyền-Giáo Cao-Đài) thì sau chuyển ra Trung lần thứ 1 của Đức Thái-Lão có tiếng đồn đãi trong giới ham mộ tu trì về Ông Minh-Đường hay Ông Lão-Phật-Đường chân tu, nên nhiều người rất mong gặp Đức Ngài..

Lúc bấy giờ tại vùng Quảng Ngãi, Quảng Nam cũng có phong trào đồn đãi về nhà Sư Thạch Động tu đắc đạo, có phép lạ, cứu thế độ dân. Nhà Sư danh hiệu là gì, sự liên hệ với Đức Thái Lão ra sao sẽ khảo cứu sau. Chỉ biết Ông là người Quảng-Ngãi tu ở động đá, nên gọi là Sư Thạch-Động. Ông chỉ ăn toàn trái cây, rau rành và đậu xanh mà thôi. Thường ngày ngoài việc khuyên tu, giảng đạo và cho thuốc chữa bệnh rất nổi tiếng nên đệ tử khá đông. Tiếng đồn đến Huế, các quan lại trong triều và Hoàng Tộc cho mời Ông ra chữa bệnh trong nội cung, có lần đến một hai năm... Giới hâm mộ tu trì thời ấy, đặc biệt ở Quảng Nam có cụ Lãnh-Binh Trương Điem quê ở Thừa-Thiên, được triều-đình Huế bổ nhiệm vào trấn nhậm ở Quảng Nam. Lãnh-Binh, một chức quan võ cai quản quân cơ trong một tỉnh, một chức quan có quyền thế của Nam-Triều. Thời thái bình quan Lãnh-Binh trông nom việc mở mang đường xá trong tỉnh. Nhân đó Cụ Lãnh-Binh Trương Điem được dịp tiếp xúc nhiều giới thân sĩ. Cụ lại phát tâm muốn tìm đạo tu trì. Nên ngoài việc tiếp xúc với nhà Sư Thạch-Động, cụ tìm gặp các vị tu sĩ đạo Minh-Sư, đệ tử Đức Thái Lão Trần Đạo Quang để biết thêm về đường lối tu trì củ Đức Ngài. Và năm ấy, cụ Lãnh-Binh Trương Điem nhờ Ông Tú Trực, người làng Thanh Chiêm, phủ Điện Bàn Quảng Nam viết thư cung thỉnh Đức Thái Lão Trần Đạo Quang ra Quảng Nam, một mặt Cụ xin phép quan Tổng Đốc, lệnh truyền làng Thanh Chiêm dọn dẹp kang trang ngôi chùa cổ trong đầu làng để đón tiếp Đức Thái Lão.

Đức Thái Lão ra Trung lần này, ban đầu Ngài ở chùa làng Thanh Chiêm và nhà Ông Võ Chi Lương, đệ tử của Ngài, người làng Long Châu (Cải Thóc) cũng phủ Điện Bàn, nhờ Cụ Lãnh Binh thọ giáo và hộ trì nên Ngài thu nộp được nhiều môn đệ. Và đặc biệt nhất là Ngài thu nhận chùa Tây Thiên do bà Cụ Giám Đốc Lương Văn Tấn hiến cúng để làm cơ sở hành đạo, truyền đạo Tam Giáo tỉnh Quảng Nam.

Chùa Tây-Thiên ở làng Thọ Sơn, tổng Mậu Hòa, phủ Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam, do cụ Bà Giám Đốc Lương Văn Tấn tạo lập nên thường gọi chùa Bà Giám. Nguyên Cụ Lương Văn Tấn đỗ cử nhân được cụ Phạm Phú Thứ trấn nhậm Tổng Đốc Hải Dương (Bắc-Việt) đề cử giữ chức Bí Thư kiêm Giám Đốc thương cảng Hải Phòng. Vì vậy về sau mới có danh từ gọi Bà là Bà Giám ? Cụ Lương Văn Tấn qua đời, một thời gian sau, gia đình gặp nhiều biến cố, Cụ Bà buồn chán phát nguyện quy y theo nhà Sư Thạch Động và tạo chùa Tây Thiên hiến cúng để nhà Sư làm nơi giảng kinh, thuyết pháp.

Chùa Tây Thiên chuyển biến qua Đức Thái Lão Trần Đạo Quang duyên do từ Cụ Lãnh Binh Trương Điem thọ giáo Đức Thái Lão, nhưng từ trước vẫn thường học hỏi Giáo Lý với nhà Sư Thạch Động. Nhờ vậy mà nhà Sư Thạch Động cũng được hiểu biết nhiều về Đức Thái Lão Trần Đạo Quang, bậc chân tu đạo hạnh. Ta tạm gác lại huyền thoại về nhà Sư Thạch Động tiên tri nên ủy thác đạo nghiệp lại cho Đức Thái Lão, ở đây chỉ ghi lại (theo lời Ba Tham Tường) một buổi lễ nọ (không nhớ ngày) nhà Sư Thạch Động truyền môn đệ tập hợp đông đúc tại chùa Tây Thiên để nghe Ngài nói pháp, và hôm ấy nhà Sư cho thỉnh Đức Thái Lão Trần Đạo Quang và một số môn đệ Ngài. Sau thời pháp, nhà Sư Thạch Động đề cao Đức Thái Lão Trần Đạo Quang và nói với chúng đệ tử, Ngài hết nhiệm vụ ở thế độ dân nhơn sanh, Ngài phải trở về núi, nên chuyển thác đạo nghiệp lại cho Đức Thái Lão Trần Đạo Quang, khuyên chư đệ tử tuân theo lời Ngài mà tu trì với Đức Thái Lão. Rồi từ đó nhà Sư biệt tích.

Vì vậy bà Cụ Giám trở thành đệ tử Đức Thái Lão Trần Đạo Quang và chùa Tây Thiên chuyển biến cho Đức Ngài và trở thành chùa Tam Giáo Minh-Sư, đặc biệt nhất ở Quảng Nam để liên lạc với Linh Quang Tự ở Sài Gòn .

Để phát họa quang cảnh thủy tú sơn thanh của chùa Tây Thiên, trước có núi Thọ Sơn, sau có chi nhánh sông Thu Bồn, Tôi ghi lại mấy vần thơ của Bà Tham Tường cảm tác lúc Bà 18 tuổi, nhân về viếng chùa bà Ngoại (Cụ bà Giám là bà Ngoại của bà Tham Tường), mà bà Ngoại đã mất đi rồi:

"Bước đến Tây Thiên ngở núi Bồng
Cảnh chùa bà Ngoại phải đây không?
Sau lưng nước đón đưa người Đạo
Trước mặt non che khuất bụi hồng
Hương ngát thơm tho mùi Đạo lý
Chuông rung chuyển động phép thần thông
Người đây cảnh đây bao tình cảm
Cảnh có Bà không? Cháu tui lòng".

Đức Thái Lão ở Trung kỳ lần thứ hai về, bốn đạo miền Trung từ Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi thường xuyên liên lạc với Ngài tại chùa Linh Quang Tự để xin thọ giáo hoặc cầu phong. Ngài sắp xếp mọi việc an bày, lo mở rộng cơ Đạo tại miền Nam. Bốn Đạo ở Phước Long, tỉnh Rạch Giá rước Ngài đến hiến đất xây chùa và tạo mãi Phước Điền. Và khoảng mười năm sau, năm Giáp-Tý (1924), bốn đạo Quảng Nam cung thỉnh Ngài ra chùa Tây Thiên, Ngài ra Trung lần thứ ba này để tiếp xúc rộng rãi với toàn bốn đạo, cầu chứng cho một số bốn đạo không vào Nam thọ giáo được, và chứng nhận khoảng 20 phật đường do các vị thọ thiên ân lập để phổ độ nhơn sanh như Quảng Tế Đường, Viên Tế Đường, Phổ Tế Đường, Vĩnh Tế Đường v.v. ... Đức Thái Lão Trần Đạo Quang ra Trung phổ độ dưới chế độ cai trị của chánh quyền bảo hộ Pháp và Nam Triều, không phải không gặp những khó khăn, huống tại Quảng Nam, chí sĩ Trần Cao Vân cũng là một đạo sĩ đã gây nhiều phong trào chống Pháp và sau xúi vua Duy Tân khởi nghĩa, nên mấy lần quan địa phương phủ huyện đòi Ngài đến chất vấn. Ngài vẫn lời lẽ chân thật, đạo đức hiền hòa trình bày: "Tôi nghĩ chính phủ ta hay Bảo-hộ (Pháp) cai trị dân cũng muốn người dân lương thiện, biết tôn trọng luân thường đạo lý, tuân theo phép nước, làm tròn bổn phận người dân. Thì chính tôi đây độ dẫn người tu hành là khuyên dân làm những điều ấy. Còn hơn vậy nữa, người tu hành biết thương người thương vật, không sát hại đến loài cầm thú côn trùng nên tôi mong rằng chánh phủ và quan lớn không giúp đỡ tôi được thì cũng xin đừng ngăn cấm chúng tôi"

Lời lẽ Ngài đầy từ bi hoan hỷ, tướng mạo phi phàm của Ngài: râu dài quá rón, đạo cốt tiên phong. Các quan lại Nam Triều tuy khó khăn nhưng cảm phục, nên mọi việc rồi cũng bỏ qua. Qui hiệp với Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ.

Năm Ất-Sửu (1925), Đức Thái Lão lại chuẩn bị ra Trung-Kỳ Quảng-Nam hành đạo. Hành trang sắp xếp xong, lần này định mang kinh sách ra phổ độ. Ngài định ngày 09 tháng 09 âm lịch khởi hành, thì bất ngờ đêm mừng 08 quý Ông Bộ Tương, Ba Kinh (Ông Bộ Tương đây không rõ Ngài Lão Sư Tương sau được phong Thượng Chương Pháp, hay là Ngài Phủ Nguyễn Ngọc Tương, vì ông Trần Chuân không nhớ rõ!, Ba Kinh tức ông Giáo Sư Kinh) hướng dẫn quý ông Hội Đồng Lê Văn Trung, Đốc Phủ Lê Bá Trang, Vương Quan Kỳ, quý ông Cao Quỳnh Cư và ông Ba Sanh đến trình bày có lệnh Thượng Đế dạy đến xin lập đàn cơ để Ngài dạy Đức Thái Lão.

Giờ Tý ngày 09 tháng 09 năm Ất-Sửu, cơ đàn thiết lập tại Linh Quang Tự, Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế tá danh Cao Đài giảng dạy Đức Thái Lão nên qui hiệp về Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ để tận độ chúng sanh cho kịp cơ đại ân xá.

Lệnh truyền tuy đột ngột, nhưng Đức Lão nhận hiểu kịp Thiên Ý, vì trải bao năm tu Đạo Minh-

Sư, Ngài có nhiều lần đọc qua kinh sách giảng bút từ Trung-Hoa đã có nói: "Lục vạn dư niên Thiên khai Huỳnh Đạo nhứt kỳ. . . và mạc hậu Tam-Kỳ Thiên khai Huỳnh Đạo v.v. . ." nên Ngài có bạch hỏi một vài điều, được Đức Thượng-Đế Cao-Đài giải đáp và xin cho có thời gian để chuẩn bị tuân mạng . . .

Thế là cuộc đi Trung-Kỳ đình lại và thiên mạng Ngài nhận ở Tổ Sư Trần Đạo Khánh cũng kết thúc từ đây!

Rằm tháng Giêng năm Bính Dần (1926), Đức Thái Lão Trần Đạo Quang lên chùa Gò-Kén Tây-Ninh thọ mạng Thượng-Đế, qui hiệp Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ, và thời gian sau đó, Ngài được Đức Cao-Đài Thượng-Đế phong cho chức Ngọc Chương Pháp cùng với Ngài lão Sư Tương: Thượng Chương Pháp, Ngài Hòa Thượng Như Nhãn (chủ chùa Gò-Kén) Thái Chương Pháp, là những chức sắc cao cấp trong Hội Thánh Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ đầu tiên tại Tây-Ninh.

Tin Đức Thái Lão Trần Đạo Quang qui hiệp Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ không mấy lúc đã loan truyền khắp cả giới Đạo Minh-Sư Nam và Trung Kỳ, gây cho toàn Đạo Minh-Sư, chur đệ tử của Ngài một sự kinh ngạc, xúc động và hoang mang. Khắp nơi lập tức gọi người về Sài Gòn hỏi ý kiến, khuyên can Đức Ngài, không dẫn được bức tức đến hờn trách Ngài. Vì họ coi đây như là việc bỏ Đạo, giữa đường bỏ họ. Trường hợp như ông Ba Họa, người Quảng-Ngãi, xuất gia theo Đức Thái Lão từ thuở ông còn nhỏ, Ngài tin cậy Ông làm hộ pháp (Hộ-Pháp tức là hộ-tri Đạo-Pháp, theo hộ-tri Đức Thái Lão) cho Ngài. Tình Sư Đệ thẩm thiết dường ấy, ông Ba-Họa không ngăn cản Ngài được, quá bức tức, có lần Ông lên gỡ Thiên-Nhân, biểu hiệu thờ của Đạo Cao-Đài, xé đốt. Về sau Ông này khật-khùng chuyên nói quốc sự, viết thư gọi cho Toàn Quyền Pháp ở Hà-Nội, Thống Đốc Nam-Kỳ, đuổi phải về nước và viết thư cho chánh phủ Pháp đòi trả nước Nam lại cho Ông ta. Suốt ngày lẫn đêm, khi ăn lúc ngủ, cho đến lúc đi đường, Ông cũng luôn luôn cầm khăn gói theo mình, cho đó là túi binh thư đồ trận... , mãi cho đến ngày Ông qui liễu v.v.. .

Bởi Đức Thái Lão Trần Đạo Quang là linh hồn của họ, là bậc Thầy độc nhất của họ. Trong hàng Lão Sư Việt Nam, Ngài là vị lãnh đạo chân tu đạo hạnh, được phong Thái Lão Sư là phẩm vị cao nhất trong hàng chức sắc đạo Tam-Giáo Minh-Sư lúc bấy giờ. Khi truyền thọ thiên mạng Thái Lão Sư cho Ngài, Đức Tổ-Sư Trần Đạo Khánh bên Trung-Hoa có tặng cho Ngài câu đối, đầu câu lấy hai chữ "Đạo Quang", cuối câu lấy 2 chữ "Lão Nhân",

"Đạo cốt tiên phong duy thử Lão.

Quang tiền đủ hậu thị tư Nhân."

Nghĩa là : Đạo cốt tiên phong duy có Ông này, soi sáng đời trước, truyền nói lại đời sau cũng chỉ có Ông này. Ý nghĩa câu đối trên Đức Tổ-Sư Trần Đạo Khánh ngợi khen và đặc biệt tín nhiệm Đức Thái Lão Trần Đạo Quang và chuẩn bị sẽ truyền thọ Tổ-mạng "An-Nam Đệ Nhất Tổ" cho Ngài Đạo Quang, để về sau tổ-mạng đã có ở Việt Nam, các tu sĩ chức sắc Tam-Giáo Minh-Sư không phải qua Tàu xin cầu phong nữa, xa xôi huyền cách.

Sự việc như vậy bảo toàn thể chức sắc Đạo đồ Minh-Sư không đau buồn sao được? Chính Đức Thái Lão Trần Đạo Quang cũng xót xa trước tình sư đệ thiêng liêng, linh-sơn cốt nhục. Trước sự mạng trọng đại rao truyền tân pháp tận độ chúng sinh Đức Thượng Đế Chí Tôn giao phó, Ngài phải tuân mạng. Hơn nữa trong buổi đời Hạ-Ngươn mạt kiếp, mạt pháp này chỉ có Tân Pháp mới độ rồi được toàn thể sinh linh đó có cả chư đệ tử Ngài. Đó là điều Ngài thấy ở thiên cơ đã minh thị

Dầu vậy, chấm dứt đạo thống Minh-Sur, từ chối Tổ-Mạng An Nam Đệ Nhứt Tổ sắp được truyền, để qui hiệp với Đạo Cao-Đài, một việc làm phi thường đầy quả cảm của một tâm trường Bồ Tát, của bậc giác ngộ siêu nhân, đoán được thời cơ, biết được vận hội, cầm được cương lĩnh đạo pháp, thủ xả tùy duyên, pháp không định tướng, hợp cơ là hợp Đạo vậy (pháp vô định tướng hợp cơ vi diệu).

Với đức độ hoan hỷ Bồ-Tát, với lẽ Đạo nhiệm mầu dung thông vì chúng sanh mà có pháp. . .

Ngài đã giải thích cho toàn bôn Đạo Minh-Sur, đệ tử Ngài thông cảm. Ngài khuyên những vị nào nhận hiểu kịp thì theo đường qui hiệp của Ngài, bên muốn tự tu cầu giải thoát giữ nguyên đường lối Minh-Sur, Ngài sẽ chỉ giáo cho, hoặc nhờ các vị Lão Sư bảo cử dẫn-tấn hướng dẫn... Về sau trong hàng đệ tử Ngài, quý vị chức sắc thiên ân nhận hiểu được diu dắt bôn đạo theo đường qui hiệp với Ngài; một số giữ nguyên đường lối Minh-Sur như Ngài đã dẫn, còn một số gia nhập theo phái Nam-Tông do Ngài Lão Sư Đình, người Gò-Công, hướng dẫn, như hiện nay ở Quảng-Nam Trung-Việt có chùa "Nam-Tông Phật Đường" toàn là đệ tử Ngài trước kia.

Tạm giải quyết vấn đề nội bộ Minh-Sur, nhờ quý vị chức sắc thiên ân chuyển đạt ý kiến Ngài đến toàn bôn đạo, Đức Ngọc Chương Pháp Trần Đạo Quang lên Tây-Ninh, Một mặt lo phổ độ một mặt mua đất lập vườn trồng trúc, mít, nơi có qui tụ bôn đạo là sở thích nhất của Ngài. Ngày 23 tháng 8 năm Bính-Dần, tại Thánh Thất Cầu Kho Sài Gòn, Ngài cùng 27 vị Tiên Bối Khai Đạo đứng tên vào tịch đạo gọi lên Thống Đốc Nam Kỳ công khai mỗi đạo. Sự đứng tên của Đức Ngọc Chương Pháp Trần Đạo Quang lúc bấy giờ rất hệ trọng. Muốn cho người Pháp bớt nghi ngờ việc công khai mỗi Đạo phải có bậc chân tu đạo hạnh như Ngài.

Thời gian sau đó Ngài đi khắp nơi Định-Tường, Gò-Công, Phước-Long, Rạch-Giá, phổ độ được các giới đồng bào ngưỡng mộ nhập Đạo rất đông, và một số bôn đạo Minh-Sur cũng về với đạo Cao-Đài.

Phổ độ khắp nơi rồi lại về Tây-Ninh, cứ như vậy ít năm thì nội bộ Hội Thánh Tây-Ninh xảy ra việc Khảo đảo. Trước tiên sự thủ thách ở chùa Gò-Kén, sau về Long-Thành (Thánh Địa Tòa Thánh Tây-Ninh ngày nay). Vì bất đồng ý kiến giữa một số quý vị chức sắc cao cấp (phải chăng đây là Thánh ý ?), Ngài Thái Chánh Phối Sư Nguyễn Văn Ca (đốc phủ Ca) tách Tòa Thánh về Định-Tường, tỉnh nhà (Mỹ-Tho) lập phái Đạo Minh-Chơn-Lý với danh nghĩa "Minh-Chơn-Lý" Hiệp ngũ chi quy nguyên Đại Đạo bắt đầu chống lại Tòa Thánh, rồi lần dần cả hai chống nhau. Đức Trần Đạo Quang cảm thấy không hài lòng, Ngài về Linh Quang rồi xuống Định-Tường, mục đích muốn hòa giải nội bộ, nhưng mấy lần thấy vô hiệu và Thiên Sư Phùng có tâm đồ kỵ, Ngài thấy không hợp bèn cáo biệt về miền Hậu Giang phổ độ. Ở đây được nhiều giới mộ đạo nhập môn theo Ngài tại Xóm-Sở Cà-Mâu có một số đạo tâm hiến đất cho Ngài lập vườn xây cất chùa, và Ngài tạo thêm ruộng để làm phước điền, chùa tại Xóm-Sở lấy theo phái Ngọc của Ngài đặt tên chùa "Ngọc-Sắc". Hiện nay Hội-Thánh Minh-Chơn-Đạo đặt tại đây. Ngài Đốc Phủ Ca về Định-Tường một thời gian ít năm, Ngài Thượng-Chánh-Phối-Sư Nguyễn-Ngọc-Tương (Tri phủ Tương) cũng tách Tòa Thánh về Bến-Tre lập "Ban Chính Đạo", cơ đạo ở Tòa Thánh bước vào giai đoạn chia rẽ thực sự. Trước sự thế, Đức Ngọc Chương Pháp Trần Đạo Quang thấy không làm gì được nên Ngài ít về rồi đến không về Tòa Thánh nữa, Ngài thường ở Hậu Giang lo việc mở Đạo, ở Hậu -Giang, những nhân vật tên tuổi đầy nhiệt tình với quốc gia được Thiêng-Liêng thâu vào Đạo như Ngài Cao Triều Phát, Phan Văn Thiệu. . . Quý vị này thấy Đức Ngọc Chương Pháp bậc đạo đức chân tu mời các Ngài hợp tác và được Thiêng Liêng chấp nhận lập Hội Thánh Minh-Chơn-Đạo và giao phó Đức Ngọc-Chương-Pháp Trần-Đạo-Quang Quyền Chương-Quản Cửu-Trùng-Đài, Ngài Cao-Triều-Phát Bảo-Đạo Quyền Chương-Quản Hiệp-Thiên-Đài, Ngài

Phan Văn Thiệu Ngọc-Đầu-Sư và v.v. . .Sau này Tòa Thánh đặt tại Giồng-Bón cùng với "Ngũ-Hành-Tòa".

Tòa Thánh này bị chiến tranh Việt Pháp 1945- 1954 phá hủy nên hiện nay Hội Thánh Minh-Chơn-Đạo đặt tại chùa Ngọc-Sắc như đã nói trên. Ra Trung lần thứ 3, qui tụ bốn đạo Minh-Sư hợp tác công khai với Đạo Cao-Đài

Tạo lập Tòa Thánh Hậu-giang (Ngũ-Hành-Tòa) Giồng-Bón, khí thế đạo bành trướng tấp nập đến đã có câu truyền miệng nhau "Phản tiên vi hậu", ý nói lấy Hậu-Giang làm Tiên-Giang nghĩa là Hậu-Giang thay cho Tây-Ninh (?), Đức Ngọc Chương Pháp Trần Đạo Quang cùng Đạo trưởng Cao Triều Phát, Phan Văn Thiệu đương điều hành cơ Đạo thì có lệnh Thiêng Liêng dạy Đức Ngọc Chương Pháp ra Quảng Nam Trung Kỳ để quy tụ bốn đạo Minh-Sư qui hiệp về đạo Cao-Đài và hợp sức với các hướng đạo Quảng Nam mở rộng cơ đạo Trung, Bắc Kỳ. . .

Mùa Trung Thu năm Đinh-Sửu (1937), Vâng lệnh Thiêng liêng Đức Ngọc Chương Pháp Trần Đạo Quang ra Trung Kỳ có nữ đệ tử đạo tỷ Thanh Sang và hai tu sĩ nam: Ông Đạo Năm và ông Đạo Mt, hai tu sĩ này ở núi xuống, gốc người Quảng Nam, theo tu trì.

-Nhân việc hai thầy tu núi không biết tu đạo gì, ở núi Tây-Ninh hay Thất Quang Châu Đốc xuống theo hầu Ngài, ta cũng biết tại chùa Linh Sơn (Tổ đình Đạo Minh-Sư) của Đức Ngọc Chương Pháp, Ngài dung nạp mọi thứ thầy tu. Có lẽ họ nghe đồn đạo đức chân tu của Ngài tìm đến hoặc một phần dưới chế độ cai trị của người Pháp thời gian sau khi đạo Cao Đài ra đời có phần khắc khe với các chùa chiền, nhất là các tu sĩ ở núi không ai dám tiếp nạp, vì vậy chùa Linh Quang có đủ thứ thầy tu: Tịch cốc có, ăn ngọc cũng có, luyện pháp có, Minh-Vương Thánh Chúa có, Quan Thánh giáng trần, Phật nhập thế có, như trường hợp ông Trần Chấn Hưng chẳng hạn v.v. . Đức Ngọc Chương Pháp tiếp nhận cả, khuyến họ học hiểu chân lý mà tu đừng có dục vọng.

Việc tiếp nhận này, có lần chủ quận Gò-Vấp, Gia-Định mời Ngài đến hỏi lý do, Đức Ngài chân thành trình bày tất cả những người ấy họ thầy là con dân đất nước, chán đời họ đi tu, ở chùa hoặc ở núi, ở không được thì họ trở về, đến đâu cũng sợ không chứa, bây giờ bảo họ ở đâu ? Quan lớn bảo họ làm quốc sự, làm giặc, thì họ là những người ăn chay trường, một con vật nhỏ như loài côn trùng cũng không sát hại thì họ làm giặc sao được? Nếu bảo họ điên khùng cuồng tín thì cần phải nuôi dạy họ lần hồi sẽ hết. Tôi dung nạp những người ấy là cốt ý muốn cho họ trở nên người tốt v. v. . Thế rồi chính quyền cũng bỏ qua, nên chùa Linh Quang những tu sĩ ấy vẫn tiếp tục có mãi.

Đức Ngọc Chương Pháp ra Trung Kỳ, trước hết Ngài đến chùa Tây-Thiên (cơ sở chính của đạo Minh-Sư) tại quận Duy-Xuyên, tỉnh Quảng Nam. Lúc tàu lửa đến ga Chiên Sơn, thì ở đây có sẵn quý Đạo Trưởng Giáo-Sư Trần Công Bang, Nguyễn Quang Châu và Giáo-Hữu Nguyễn Đán, Quý vị hướng đạo Cao-Đài Quảng Nam và cũng vốn là đệ tử Ngài từ ở Minh-Sư nhập vào đạo ở Linh-Quang, đang đón đợi nghinh đón.

Đức Ngọc Chương Pháp trú ở chùa Tây-Thiên chưa đầy một tháng, bốn đạo Minh-Sư, Cao-Đài tấp nập đến thăm Ngài, trong số có vị hướng đạo Minh-Sư Trần Nguyên Chất, Huỳnh Ngọc Trác và v.v. . Nhân dịp Ngài trực tiếp giải thích lý do Ngài tuân mạng Thượng-Đế qui hiệp Cao Đài và khuyên tín hữu theo đường Ngài để phổ độ lập công. Vì bốn đạo đi lại đông đảo, chính quyền địa phương có ý làm khó dễ. Tri phủ Duy-Xuyên Nguyễn Sĩ Túc đến tận chùa xem xét, và

khuyến Ngài đừng tiếp xúc nhiều, vì địa phận Trung-Kỳ cấm truyền bá tu tập đạo Cao-Đài. Nhận thấy dưới chế độ Nam-Triều lúc bấy giờ cơ đạo rất khó bề phát triển, nên Ngài Quan-lộc tự-khanh Lê Trí Hiển một trong các vị hướng đạo Quảng Nam đến thăm Ngài, có cả quý vị Trần Công Bang, Nguyễn Quang Châu, Nguyễn Đán cùng hợp trình bày, Thánh ý Đức Trần Hưng Đạo khuyến nên ra Tourane (Đà Nẵng hiện nay), đất nhượng địa trực thuộc quyền Pháp cai trị như Sài Gòn, thành lập cơ sở công khai truyền Đạo làm nơi tiếp xúc với miền Nam, và chuẩn bị mở rộng ra Bắc, và cũng là nơi tàng trữ kinh sách. Từ đó phát cho bốn đạo chuyển lần về vùng quê các tỉnh. . Đức Ngọc Chương Pháp đồng ý chuẩn bị dọn ra Tourane, nhưng được tin điện Đạo Trưởng Cao Triều Phát sắp ra, Ngài ở lại Tây-Thiên chờ đón và ủy thác quý Đạo Trưởng Nguyễn Quang Châu, Nguyễn Đán ra trước Tourane sắp xếp chỗ tạm trú. Cuối mùa thu năm Ất-Sửu tại Tòa Thánh Hậu-Giang, Đạo Trưởng Cao Triều Phát được lệnh Thiêng Liêng dạy ra Trung-Kỳ thu xếp mặt ngoại giao giúp Đức Ngọc Chương Pháp và các hướng đạo miền Trung công cuộc mở cơ Đạo Trung, Bắc Kỳ. Đạo Trưởng suy nghĩ có lẽ Thánh ý biết Đạo Trưởng quen thân với Phạm Quỳnh ở Pháp lúc hai người cùng là thông ngôn cho lính m Việt Nam giúp Pháp đánh Đức hồi cuối đệ nhứt thế chiến khoảng 1916-1918. Và Phạm Quỳnh bấy giờ là Thượng Thơ Bộ Học kiêm Ngự Tiền Đồng Lý Cơ Mật viện Đại Thần, một vật uy quyền trong triều đình Huế.

Tuân lệnh Thiêng Liêng Cụ Cao Triều Phát ra Trung đem theo đồng tử Cao Minh Tuất và do Ông Nguyễn Hồng Phong một nhân sĩ Quảng nam và cũng là bốn đạo Đức Ngọc Chương Pháp hướng dẫn, đến Quảng Nam đã có quý vị hướng đạo đón tiếp đưa thẳng đến chùa Tây-Thiên để gặp Đức Ngọc Chương Pháp. Ở đây rồi Cụ Cao-Triều đến viếng Thánh-Tịnh Thanh-Quang cơ sở đầu tiên mở đạo Trung -Kỳ và Cụ cùng Đạo Trưởng Giáo Sư Nguyễn Quang Châu đi thuyền đến làng Đa-Hóa thăm Ngài Quan Lộc tự khanh Lê Trí Hiển.

Cụ Cao Triều Phát ra Trung lần này là lần đầu tiên, và Cụ rất hăng hái với công cuộc truyền đạo Trung, Bắc-Kỳ, nên tom góp chờ theo mấy kiện kinh sách để phân phát cho đồng bào bốn đạo, vì vậy Tri Phủ Duy Xuyên được báo trình, cấp tốc cho trát mời Cụ Cao-Triều đến phủ đường để cho biết theo đạo dụ số 10 của Hoàng Đế Bảo Đại thì tất cả kinh sách của Cao Đài không được truyền bá trong địa phận Trung-Kỳ (nhất thiết Cao Đài thư tịch bắt buộc truyền bá Trung-Kỳ). Việc này Cụ Cao-Triều đã biết trước và chuẩn bị trước từ ở trong Nam, nhân dịp Cụ cũng trách (khéo) Tri Phủ Nguyễn Sĩ Túc, viên Tri Phủ khét tiếng là hung bạo, phải nể Cụ. Và từ đó cũng có phần nể các vị Hướng Đạo Cao Đài. Khi đến Phủ đường Duy Xuyên Cụ Cao-Triều trao danh thiếp Hội Đồng Quản Hạt và trả lời với Tri Phủ: "Bẩm Quan lớn, Tôi lần đầu tiên ra Trung-Kỳ, trước thăm Đức Ngọc Chương Pháp chúng tôi ở chùa Tây-Thiên và cũng nhân dịp viếng xem phong cảnh một lần cho biết, Tôi ở trong Nam nghe nói Trung, Bắc-Kỳ là xứ Nho-Học đầy lễ giáo, Tôi đến đây thấy Quan lớn làm việc dễ dãi hơn chúng tôi trong Nam, Quan lớn đòi Tôi có mặt 2giờ 30 chiều mà bây giờ 3giờ 30 Quan Lớn mới ra khách tiếp Tôi, thì giải quyết việc cho dân có lẽ trễ tràng lắm? Về việc kinh sách Cao Đài không được truyền bá Trung-Kỳ, thì Tôi có truyền bá địa phận Quan Lớn đâu? Có lẽ Quan Lớn nói về mấy kiện kinh sách hiện ở chùa Tây-Thiên? Mời Quan Lớn lại xem Tôi đã ghi rõ ở mỗi kiện hàng: "Mr Cao-Triều-Phát à Tourane". Địa chỉ của những kiện hàng ấy là Tourane nhưng hành lý của Tôi thì Tôi ở đâu phải mang theo đó v.v.. Tri Phủ Duy-Xuyên chỉ còn xin lỗi rồi huê. . .

Đêm hôm ấy ở chùa Tây-Thiên có đàn cơ, Thiêng Liêng giảng dạy các việc, Đức Ngọc Chương Pháp, Cụ Cao-Triều, quý hướng đạo Quảng Nam họp bàn chương trình tiến hành, rồi Cụ Cao-Triều, ông Nguyễn Hồng Phong, đồng tử Cao Minh Tuất từ biệt đi Huế thăm Phạm Quỳnh và

nhờ giúp đỡ công cuộc truyền đạo Trung, Bắc. Mấy hôm sau, Cụ Cao-Triều và đồng tử từ Huế trở về Sài Gòn, ông Nguyễn Hồng Phong về Tourane trình bày mọi việc với Đức Ngọc Chương Pháp.

Lúc bấy giờ Ngọc Chương Pháp từ chùa Tây-Thiên cũng đã dọn ra Tourane mượn nhà tạm chùa Bửu-Nghiêm, đường Đỗ Hữu Vị (nay đường Hoàng Diệu) làm nơi tạm trú để mua đất xây cất Thánh Thất lớn làm cơ sở truyền bá đạo Trung-Kỳ như Thánh ý đã dạy và các vị hướng đạo Nam Trung đã họp bàn.

Ở Tourane đất nhượng địa chế độ cai trị như Sài Gòn nên kinh sách được phát hành, bốn đạo nhà quê ra tu tập tự do. Các giới đồng bào công tư chức ở Tourane đồn nhau Đức Thái Lão (ở Trung, vì đệ tử Ngài đạo Minh-Sur nên hầu hết chỉ gọi Ngài Đức Thái Lão) ông Tiên ở Sài Gòn ra mở đạo Cao Đài, họ rủ nhau đi coi Ngài, nên ngày nào cũng có khách tìm tập nập. Khu chùa Bửu Nghiêm trước kia tịch mịch bao nhiêu thì từ ngày Đức Ngọc Chương Pháp đến tạm trú trở nên náo nhiệt bấy nhiêu. Phật Giáo Trung Kỳ lúc này đang phát triển, hội Nam Phật Giáo Trung-Kỳ ra đời phát triển tân học tham gia đông để cùng tổ chức thuyết pháp, diễn thuyết thường xuyên, và tại Tourane Giáo Hội Tin Lành cũng coi như Hội Thánh trung ương đặt tại đây. Trước tình thế trăm hoa đua nở, nhất là đối với một nền Đạo mới, những cuộc tranh luận giáo lý thường xảy ra hằng ngày, việc này có Cụ Nguyễn Hồng Phong và Đạo Trưởng Nguyễn Quang Châu đối phó.

Đức Ngọc Chương Pháp đến Tourane được hai tháng, nhờ bốn đạo tìm mua được khu đất gần một mẫu ta cùng đường Đỗ Hữu Vị, cách mặt đường 100 thước, Ngài kêu gọi bốn đạo miền quê ra hợp sức xây cất một ngôi nhà tranh để có một nơi thờ phượng lễ bái, qui tụ bốn đạo chuẩn bị xây cất Thánh Thất.

Cuối tháng 11 năm Đinh-Sửu, ngôi nhà tạm cất xong, Ngài trả chùa Bửu-Nghiêm dọn về nhà mới thiết Thiên Bàn, tạm đặt tên Ngọc Vân Thánh Thất (lấy chữ Ngọc của Phái Ngài) triệu tập quý vị hướng đạo Quảng Nam và bốn đạo miền quê ra dự để bàn việc xây cất Thánh Thất mới. Buổi họp này có cả Cụ Lê Trí Hiền cùng góp ý muốn cất một Thánh Thất qui mô để làm cơ sở truyền Đạo và giao tiếp Trung Nam như Thánh ý đã truyền dạy. Nhưng nếu như vậy thì Đức Ngọc Chương Pháp phải về Sài Gòn vận đng tài chánh thì e còn trễ nhiều.

Ý kiến chưa ngã ngũ, đêm ấy thiết lập đàn cơ, Đức Tổng Lý Trần Hưng Đạo giảng dạy, khuyên nên xây cất một Thánh Thất qui mô, đủ ba đài Bát Quái Đài, Cửu Trùng Đài, Hiệp Thiên Đài, lầu chuông trống. Ngài phát họa luôn thước tấc và cho hiệu Thất là "Trung Thành" để làm nơi rao truyền sứ mạng Trung-Hung. Ngài khuyên Đức Ngọc Chương Pháp yên tâm đừng tính chuyện về Nam, ở lại chủ trì tinh thần, qui tụ nhân tâm, mở cửa tiếp nhận những người mới xin nhập Đạo? Việc xây cất thì Đức Ngọc Chương Pháp và toàn Đạo làm hết sức mình còn Ngài sẽ vận chuyển. . . Đàn cơ hôm ấy mọi người đều phấn khởi. Bây giờ chỉ lo việc họa đồ và mua sắm vật liệu chuẩn bị khởi công.

Thánh-Thất Trung-Thành chính thức ra đời tuy còn tạm ngôi nhà tranh, nhưng ngày nào cũng có người nhập môn, đặc biệt quý ông Ba Thới, Hai Xứng, Năm Cảnh. . . là những tay anh chị ở Tourane, vì cảm phục Đức Ngọc Chương Pháp thấy đồng nhập đạo, nhất là Carlot, tây lai trước nhân viên quan thuế (thương chánh) sau là người của sở mật thám đến để theo dõi nhưng rồi cũng vào đạo.

Mọi việc tiến hành thuận lợi thì một trở ngại đưa đến, Công Sứ Tourane không cho phép xây cất

Thánh Thất, Rằm tháng Giêng năm Mậu-Dần (1938) buổi họp đủ quý vị hướng đạo Đức Ngọc Chương Pháp, Ngài Lê Trí Hiền, Nguyễn Quang Châu, Trần Công Bang, Nguyễn Đáng, Nguyễn Hồng Phong, v.v. . . thảo luận vấn đề phép xây cất, nhưng kết luận chỉ cách nhờ trong Nam can thiệp, vì Tourane là nhượng địa chánh phủ Nam Triều không thẩm quyền. . . Vấn đề còn toan tính thì đêm ấy có đàn cơ Đức Trần Hưng Đạo Vương đến truyền lệnh hãy bình tâm để Ngài sẽ chuyển người lo liệu. . .

Phép tắc xây cất chưa xong, đầu tháng hai năm ấy (Mậu-Dần) quý vị chức sắc Phái Đạo Tiên-Thiên Ngài Ngọc Chương Pháp Nguyễn Thế Hiền, Thượng Đầu Sư Nguyễn Bửu Tài ra Trung mang theo Thánh lệnh của Liên-Hòa Tổng-Hội, Thiêng Liêng dạy phải xây cất Trung-Thành Thánh-Thất cho xong đến ngày mùng 8 tháng 4 năm Mậu-Dần khánh thành, khai hội Long-Vân đệ bát, chính thức công khai Đại Đạo Trung Bắc Kỳ.

Thật là rắc rối nổi mừng nổi lo dồn dập đưa đến, Ngài Nguyễn Thế Hiền, Ngài Nguyễn Bửu Tài gặp Đức Ngọc Chương Pháp Trần Đạo Quang biết rõ sự tình, hai Ngài vào quê thăm Thánh Tịnh Thanh Quang, Thánh Thất Từ Quang và đến thăm Ngài Lê Trí Hiền (Quan lộc tự Khanh) rồi vội vã trở về Nam nhận lãnh trách nhiệm vận động tài chánh và phép tắc. . .

Cuối tháng 2 Mậu-Dần, Đạo Trưởng Lê Kim Ty Thượng Chương Pháp Phái Đạo Tiên-Thiên được lệnh Thiêng Liêng phải ra gặp Tourane Trung-Kỳ cùng Ngọc Chương Pháp Trần Đạo Quang xây dựng Trung-Thành Thánh Thất cho kịp ngày đã định.

Đạo Trưởng Lê Kim Ty đến Tourane ngày mùng 6 tháng 3 Mậu-Dần, chỉ còn đúng 1 tháng 2 ngày là đến ngày khánh thành. Đạo Trưởng lập tức họp các vị Hướng Đạo thành lập Ban Tạo Tác phân phối công việc, chia nhiều ban, mỗi người một việc, một mặt đến thăm xá giao Công Sứ Tourane dò xem tình hình, thấy có phần khó khăn, Đạo Trưởng ủy thác mọi việc cho Ban Tạo Tác, Ông đáp tàu tốc hành đi thẳng Hà Nội nhờ De Beaumont (một thân sĩ Nam-Kỳ) đánh điện cho Công Sứ Tourane yêu cầu cho phép xây cất Thánh-Thất.

Được De Beaumont sốt sắng giúp đỡ nên Đạo Trưởng vui mừng vội trở về, nhân dịp ghé thăm Cụ Phan Bội Châu và tặng Cụ 20\$ rồi mới đón tàu khác về Tourane.

Trước hoàn cảnh cấp bách bối rối, xây cất Thánh Thất qui mô, mà thời gian chỉ còn không đầy một tháng, mà vẫn tưởng nhớ đến bậc chí-sĩ ái-quốc Cụ Phan-Bi-Châu để ghé thăm, thật tinh-thần một người hướng đạo Cao Đài lúc nào cũng nặng tình với quốc gia dân tộc.

Đạo Trưởng Lê Kim Ty về đến Tourane tính ra chỉ còn có 22 ngày nữa là đến ngày khánh thành, nên cấp tốc chia công tác ra 3 ban, 1 ban làm ban ngày, 2 ban đốt đèn măng-sông làm ban đêm (từ 19 giờ đến 01 giờ, từ 01 giờ đến 7 giờ sáng) đồng thời xây Thánh-Thất và xây bờ thành, ngõ cùng một lượt. Bốn đạo nhà quê thợ xây hồ, thợ mc, lao công thay đổi nhau kéo ra, gạo thóc, bí, bầu, mít, chuối tấp nập chở về bằng thuyền, bằng xe lửa, xe hơi hoặc đi bộ, nhờ vậy mà nhân công, lương thực rất dồi dào. Tài chánh thì bốn đạo Quảng Nam đóng góp phần nào, còn về trong Nam vận động gởi ra. Công việc thật hào hứng sôi nổi, tiếng đồn vang đến khắp thôn quê. Lớp người đến xin nhập Đạo, lớp người đi coi lẫn lộn với người làm, trật tự kiểm soát thật là mệt nhọc, dịp ấy có một số đồng bào nghèo hoặc lao công thành phố đến bữa vào ăn uống như bốn đạo, Đức Ngọc Chương Pháp biết rõ nhưng khuyên ban trật tự đừng xua đuổi họ, vì chỉ có một dịp thôi và đó cũng là phổ độ, một người ăn sẽ có năm ba người trả, không sao!

Đức độ từ bi hỷ xả của Đức Ngọc Chương Pháp làm cho mọi người cảm phục. Từ đó một đồn ra năm, ra mười gây ảnh hưởng tốt cho việc mở đạo, truyền đạo sau này vậy.

Thăm thoát hai tuần lễ qua, còn một tuần nữa đến ngày mùng 8 tháng 4 Mậu-Dần (1938) ngày lễ khánh thành Thánh Thất Trung-Thành. Tại Sài Gòn có Thánh lệnh từ trước dạy Cụ Nguyễn Phan

Long, Tổng Trưởng Liên Hòa Tổng Hội, ra chủ tế khai mạc Đại Hội Long Vân Đệ Bát và đọc diễn từ bằng Pháp văn chính thức công khai mỗi Đạo tại Trung Kỳ. Quý vị bác sĩ Trương Kế An, Giáo Sư Trần Văn Quế, Phan Trường Mạnh, Nguyễn Văn Kinh ra thuyết đạo, Quý chức sắc hướng đạo và bốn đạo Tiên-Thiên, Minh-Chơn Đạo, Liên-Hòa Tổng-Hội ra dự Đại Hội rất đông đảo. Dịp này Cụ Nguyễn Văn Phùng điều đình với sở hỏa xa mượn luôn một wagon-đôi xe lửa đưa gần 400 bốn đạo ra Tourane.

Tại Quảng Nam cũng có lệnh Thiêng Liêng dạy Đạo Trường Lê Kim Ty cùng quý vị Nguyễn Quang Châu, Trần Công Bang, Nguyễn Đán, Nguyễn Hồng Phong hướng dẫn hàng trăm bốn đạo lên tận ga lớn Tourane để đón phái đoàn, Đức Ngọc Chương Pháp và Ngài Lê Trí Hiền thì đón tại Trung Thành Thánh Thất, và hàng ngàn bốn đạo nam nữ sắp hàng hai bên đường từ Thánh Thất đến nhà ga để đón mừng.

Đúng 19 giờ ngày mùng 7 tháng 4 Mậu-dần chuyển tàu hỏa tốc hành từ Sài Gòn đến, hướng dẫn phái đoàn Cụ Nguyễn Phan Long bận quốc phục đi dưới Đạo kỳ, kể đến quý chức sắc hướng đạo và bốn đạo miền Nam. . . Tại sân nhà ga, Đạo Trường Lê Kim Ty cũng bận quốc phục áo dài trắng, khăn đóng đen túc trực sẵn dưới Đạo kỳ hướng dẫn toàn đạo miền Trung nghinh đón. Hai bên gặp nhau mừng vui khôn xiết, và sắp xếp thành hai hàng, Đạo Trường Lê Kim Ty và Nguyễn Phan Long đi đầu song song dưới hai Đạo kỳ, đến quý chức sắc hướng đạo, bốn đạo Nam và Trung tiếp theo sau.

Lúc ấy tháng tư ta, nhần đầu mùa hè, tiết trời miền Trung nắng ráo, đêm ấy lại nhằm bữa có trăng non, quang cảnh gió mát, trăng thanh, giúp lòng người càng thêm phấn khởi. Từ nhà ga xe lửa Tourane về đến Thánh Thất Trung-Thành khoảng đường bộ 2 cây số rưỡi, hàng hàng chức sắc hướng đạo và đạo đồ Nam Trung tuần tự diễn hành làm nổi bậc thành phố Tourane một màu trắng xóa dọc theo hai bên đường, bốn đạo miền Trung kẻ cờ người lồng đèn phát phới chào mừng, ngoài ra hàng vạn đồng bào các giới chen lẫn nhau xem "rước lễ Cao Đài" làm huyền ảo cả phương trời.

Giờ Tý đêm mùng 7 rạng mùng 8, Đức Ngọc Chương Pháp Trần Đạo Quang chủ lễ dâng sớ khánh thành Thánh Thất Trung Thành. Ngày mùng 8 buổi sáng từ 8 giờ tiếp rước quan khách, có Công Sứ Tourane đến dự, 12 giờ trưa Cụ Nguyễn Phan Long chủ lễ khai hội Long-Vân đệ bát, 21 giờ Cụ Nguyễn Phan Long nhân danh Tổng Trưởng Liên Hòa Tổng Hội đọc diễn từ Pháp văn chính thức công khai mỗi đạo tại Trung-Kỳ, tiếp đến quý vị Phan Trường Mạnh, bác sĩ Trương Kế An thay nhau thuyết đạo. Đêm ấy khán thính giả thật là đông đảo cả đời lần đạo khoảng trên ba ngàn người, đặc biệt vì nghe đồn có Cụ Nguyễn Phan Long thuyết đạo bằng tiếng Pháp nên đa số công tư chức Pháp và Việt đều đến dự thính.

Đến mùng 9 lại một buổi thuyết đạo nữa do quý vị hướng đạo miền Nam thuyết giảng, số người đến dự nghe cũng tấp nập đông đảo như trước. Bởi lần đầu tiên đạo Cao Đài được công khai tổ chức và diễn giả là quý vị trong Nam, đạo mới người mới, đạo Cao Đài bị cấm nay được công khai, đó là lý do khiến mọi người mọi giới một đồn trăm, trăm đồn ngàn đua nhau chen lẫn đi nghe và cũng đi coi.. Người ta đông đến sân rộng Thánh Thất Trung Thành cả ngoài đường không chứa đủ, lần đến dậm nát cả nửa mẫu khoai mì trước Thánh Thất, chủ đất phải vào thưa ban tổ chức, Đức Ngọc Chương Pháp khuyên chủ đất hãy yên tâm để đồng bào đứng nghe, nếu

có thiệt hại bao nhiêu sau khi khánh thành xong Ngài sẽ bồi hoàn, lễ xong, chủ đất chỉ nhật bồi thường chút ít và sau gia đình ấy cũng nhập đạo.

Lễ chính thức cử hành xong, Ngày mồng 9 Cự Nguyễn Phan Long về Sài Gòn trước, Mồng mười quý chức sắc và bốn đạo mới về sau, Đạo Trưởng Lê Kim Ty một tuần lễ sau nửa sắp đặt mọi việc rồi cũng về, chỉ còn Đức Ngọc Chương Pháp Trần Đạo Quang ở lại.

Dịp lễ khánh thành mùng 8 tháng 4 này Đức Ngọc Chương Pháp chứng minh buổi lễ đặc biệt lịch sử cho quý vị hướng đạo Minh Sư Trần Nguyên Chất, Huỳnh Ngọc Trác qui hiệp về Đạo Cao Đài và về sau quý vị này trở thành bậc hướng đạo cao cấp trong Hội Thánh Truyền Giáo, và tiếp theo một số quý chức sắc bốn đạo Minh Sư cũng xin về qui hiệp.

Sau lễ khánh thành Thánh Thất Trung-Thành và Long Vân đại hội tổ chức rầm rộ như nói trên, những nhân vật miền Nam danh tiếng miền Nam tham dự như quý Cự Nguyễn Phan Long, Cao Triều Phát, Lê Kim Ty, Nguyễn Thế Hiển, Nguyễn Bửu Tài, Trương Kế An, Trần Văn Quế (mặc dù cụ Trần Văn Quế hồi ấy không ra Trung) v.v. . . Đặc biệt Đức Ngọc Chương Pháp Trần Đạo Quang, một bậc chân tu đức hạnh phi phàm như một vị Bồ Tát tại thế, tạo nên không khí bừng dậy cho cơ đạo miền Trung, chẳng những ở Tourane mà khắp miền quê các tỉnh Thừa-Thiên, Quảng-Nam, Quảng-Ngãi, Bình-Định tiếng đồn vang dội, lần hồi người theo đạo ngày càng đông. Đặc biệt tại Quảng Nam (lúc bấy giờ chưa có Quảng Tín) phần lớn bốn đạo Minh-Sư đều về với Cao-Đài, nên sau ngày lễ 3 tháng, số bốn đạo từ trên 3000 vọt lên trên 7000 người. Nhất là hình ảnh Đức Ngọc Chương Pháp in sâu vào lòng người dân miền Trung trong đạo cũng như ngoài đời cho đến ngày nay vẫn thường ca ngợi.

Đức Ngọc Chương Pháp ra Trung lần này lâu nhất, Ngài ở đến 9 tháng, sứ mạng Thiên Liêng của vị Sư-Tổ đối với bốn đạo Tam-Giáo Minh-Sư Ngài đã giải quyết chu toàn, sự nghiệp công khai mới Đạo Trung, Bắc-Kỳ, Ngài đã góp phần khai sáng và lãnh đạo đặc lực. Ngài sắp xếp mọi việc xong giao lại cho quý vị hướng đạo Quảng Nam, Ngài định ra Huế thăm do lời mời của Cụ Cả Cao Như Hối, cao đồ của Ngài rồi sẽ về Nam.

Nhưng bất ngờ có lệnh Thiên Liêng từ Tòa Thánh Minh Chơn Đạo Hậu Giang triệu hồi Ngài về gấp đề lo việc tạo tác Bát Quái Đồ Thiên ở Hà Tiên, làm Ngài phải thôi việc đi Huế, cùng với đệ tử tâm phúc Đạo Tử Thanh Sang về Nam, để hai đệ tử Đạo Năm Trần Công Nghiễm, và Đạo Mít ở lại lập công tại Trung Thành.

Lễ tiễn đưa Đức Ngọc Chương Pháp về Nam thật là đông đảo, đủ mặt quý vị hướng đạo Nguyễn Quang Châu, Trần Công Bang, Nguyễn Đán, Ngài Lê Trí Hiển, Trần Nguyên Chất, Huỳnh Ngọc Trác, Nguyễn Hồng Phong một số công tư chức Tourane và đạo hữu. Giả từ bốn đạo, Đức Ngọc Chương Pháp để lại những kỷ niệm sâu xa, những lời lẽ ngậm ngùi như Ngài đã dự trù lần này là lần cuối cùng Ngài sẽ không ra Trung nữa.

Tại miền Nam những ngày sau cùng.

Cuối tháng 4 Năm Mậu-Dần (1938), từ biệt chức sắc bốn đạo miền Trung, Đức Ngọc Chương Pháp Trần Đạo Quang cùng đệ tử Thanh San về Sài Gòn, nghỉ ngơi tại Linh Quang Tự một tuần sau Ngài thẳng đến Hội Thánh Minh Chơn Đạo Hậu Giang thọ tuân Thánh lệnh, trao đổi ý kiến cùng Đạo Trưởng Cao Triều Phát rồi Ngài qua Hà Tiên lo việc tạo tác Bát Quái Đồ Thiên. Bát Quái đồ Thiên, Tôi chưa được hân hạnh đến xem nhưng đọc qua Thánh Giáo nói về ngôi Bát

Quái này, và lời trình bày của quý vị hướng đạo, quý đạo tâm đã đến làm công quả thì thật theo dự đồ là một Thánh Đường kỳ vĩ. Về hình thức xấp xỉ với Hội Thánh Tây Ninh, về cảnh trí thì đặc biệt hơn nhiều.

Hà Tiên một tỉnh nhiều thắng cảnh danh lam nhất miền Nam nước Việt. Ở đây không tiện diễn tả hết, chỉ nói về vị trí Bát Quái Đồ Thiên đặt giữa hai núi Đại Tô Châu và Tiểu Tô Châu, chánh điện trông về hướng bắc có Đông Hồ, quang cảnh thủy tú sơn thanh, về đêm có sao Bắc Đẩu soi sáng. Hậu điện xây về phía Nam vịnh Thái Lan, trời bể mênh mông nhìn ra năm châu thế giới, thật đáng là một kỳ quang phối hợp giữa thiên nhiên và nhân tạo vậy.

Vị trí Bát Quái Đồ Thiên nguyên trước kia là dòng suối cạn giữa hai núi Đại Tô Châu và Tiểu Tô Châu suốt từ Đông Hồ ra bể. Vâng Thánh Lệnh toàn đạo Hậu Giang (Minh Chơn Đạo và Tiên Thiên) mỗi ngày hàng ngàn người công quả nỗ lực xe đất lấp bằng dòng suối ấy để xây cất Bát Quái Đồ Thiên.

Bát Quái Đồ Thiên được mô tả hình dáng vĩ đại, có 8 tòa gọi là Bát Quái Đồ, xây cao 3 tầng lầu, vật liệu bằng ciment cốt sắt. Công cục kiến thiết qui mô này toàn bốn đạo Hậu Giang Minh Chơn Đạo và Tiên Thiên đều tham gia, nhất là sự đóng góp tích cực của quý vị chủ sắc hướng đạo có danh vị to, tài sản lớn trong Đạo cũng như ngoài đời, như Cao Triều Phát, Phan Văn Thiệu, Phan Văn Tông, Nguyễn Thế Hiển, Nguyễn Tấn Hoài, Hội đồng Thứ, Lê Kim Ty v.v. . . Đặc biệt có ông Lê Văn Thanh đương kiêm chủ quận Châu Thành Hà Tiên tận tình giúp đỡ, nếu không có ông Phủ Thạnh cũng khó mà làm được. Về sau Thiêng Liêng hóa độ ông này nhập đạo.

Đức Ngọc Chương Pháp đến Hà Tiên vào cuối tháng 5 Mậu-Dần (1938) nhiệm vụ của Ngài, Thiêng Liêng gọi đến để chủ trì tinh thần kêu gọi toàn đạo tham gia công quả, vận động các nhà hảo tâm trong và ngoài đạo góp phần vào công cuộc kiến thiết qui mô này. Ngài ở Hà Tiên một thời gian, rồi lại về Bạc Liêu Hội Thánh Minh Chơn Đạo để có gì hội ý Đạo Trưởng Bảo Đạo Cao Triều Phát và Ngọc Đầu Sư Phan Văn Thiệu, vì lúc bấy giờ Tòa Thánh Hậu Giang tại Giồng Bốn còn đang mở mang thêm.

Ở Minh Chơn Đạo Bạc Liêu, rồi Ngài lại qua Bát Quái Đồ Thiên Hà Tiên, rồi Ngài lại đi các nơi vận động tài chánh, lương thực, công quả cho công cuộc tạo tác, thỉnh thoảng Ngài mới về Linh Quang Tự an nghỉ. Như thế được hơn hai năm, đến cuối năm 1940, Bát Quái Đồ mới xây cất được 4 tòa chưa xong, ước lượng toàn diện được 40% thì gặp lúc tình thế khó khăn. Đệ II thế chiến bùng nổ đến hồi quyết liệt, quân Đức, Ý uy hiếp Âu Châu. Chính quyền bảo hộ Pháp ở Việt Nam cũng khủng bố Đạo quyết liệt. Không riêng ở Trung-Kỳ, mà khắp cả Nam-Kỳ các Thánh Thất, Thánh Tịnh đều bị đóng cửa niêm phong, triệt hạ chữ Vạn, lấy cớ là chữ Vạn là dấu hiệu cờ Đức Quốc Xã. Ở Trung-Kỳ lại triệt hạ luôn Thiên Nhân, vì bảo Thiên Nhân là biểu hiệu mặt trời Nhựt Bản, Quý chức sắc cao cấp từ Tòa Thánh Tây-Ninh: Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc, Khai Pháp Trần Duy Nghĩa, Sĩ Tái Hiển, Phối Sư Nguyễn Văn Phấn, Trần Ngọc sáng, Giáo Sư Thái Văn Gấm. Hội Thánh Tiên Thiên: Chương Pháp Lê Kim Ty, Nguyễn Thế Hiển, Phan Văn Tông, Hội đồng Thứ, Đoàn Văn Chiêu, Huỳnh Văn Ngải, Trung Kỳ thì có quý vị Nguyễn Quang Châu, Trần Nguyên Chất, Huỳnh Ngọc Trát, Nguyễn Đán, Trần Nguyên Chi và số đông chức sắc trung cấp, bốn đạo không kể hết đều bị bắt bớ lưu đày khắc các trại an trí trong nước và cả Madagascar Phi Châu. Vì vậy mọi sinh hoạt đạo có tính cách hình thức đều phải đình chỉ, công việc tạo tác Bát Quái Đồ Thiên cũng đành tạm gát lại.

Bậc hướng đạo ra đi.

Từ năm 1941 (Tân-Ty) về sau, Đức Ngọc Chương Pháp thường trú tại Linh Quang Tự vì lý do sức khỏe cần nghỉ ngơi, một phần chính quyền Pháp cũng ngăn cản mọi sự đi lại của người Đạo. Các Thánh Thất, Thánh Tịnh thường xuyên bị kiểm soát tuy đã đóng cửa, Linh Quang Tự của Ngài cũng bị theo dõi. Mọi việc đạo thì các nơi thường xuyên cho người về Linh Quang Tự xin giáo thị của Ngài hoặc Ngài cho người liên lạc các nơi dặn dò bổn đạo quyết tâm trì thủ chờ ngày hạnh thông sẽ đến.

Năm 1945, Nhật đảo chánh Pháp, toàn đạo reo mừng tự động mở cửa các Thánh Thất, Thánh Tịnh. Ngài khuyên hãy bình tĩnh trong cương vị tu hành, đời còn nhiều khó khăn thử thách, hãy kiên tâm nhẫn nại giữ lấy "Bộ thiết giáp đạo đức" của Thầy mà che thân. Người tu hành lúc đặc thế không kiêu căng, khi thất thế cũng không chán nản.

Quả thật, mấy tháng sau nhiều biến cố xảy ra, tiếp đến chiến tranh Việt-Pháp khai diễn. Mùa xuân năm Bính-Tuất, chiến loạn bộc phát khắp miền Nam, bổn đạo đồng bào bước vào cảnh lầm than cơ cực, thêm tin bổn đạo miền Trung lại bị sát hại, Ngài vô cùng đau xót, nhưng biết mình sắp từ giả cõi đời, nên gọi các đệ tử thân cận bên Ngài căn dặn "Thế sự vô thường, đạo đức duy nhơn", nhớ rằng khi đạt thì cùng với thiên hạ san sẻ điều lành, lúc cùng thì tu luyện lấy thân tâm, tránh điều khổ lụy và cầu đến đạt đạo giải thoát". Dặn dò các đệ tử mọi việc, giờ Dậu ngày 17 tháng 2 năm Bính-Tuất (1946) Đức Ngọc Chương Pháp Trần Đạo Quang đăng Tiên, Ngài hưởng thọ 77 tuổi. Và sau đó, Ngài giảng cơ tại Tòa Thánh Hậu-Giang chứng quả "Vạn Đức Đại Tiên".

Đức Ngọc Chương Pháp đăng Tiên nhằm lúc chiến tranh Việt-Pháp đang khốc liệt, quý chức sắc và bổn đạo khắp nơi không liên lạc được, chỉ những bổn đạo trong phạm vi Sài Gòn-Gia Định gặp gỡ nhau nhưng rất khó khăn, nên Thánh lễ an táng nhục thể Ngài cử hành lặng lẽ và an táng tại mộ địa của chùa Linh Quang ở gần chùa.

Lúc bấy giờ chùa Linh Quang ngoài số bổn đạo tới lui, chỉ còn các đệ tử thân cận nhứt của Ngài, quý đạo cô Võ thị Thại, Võ thị Nhạn (hiện nay qui liễu), Đạo sĩ Trần Chuân (hiện nay Lão Sư Trần Đạo Cơ) và quý đạo Tỷ Nguyễn Diệu Trinh, Lê Tịnh Đăng và Nguyễn Diệu Sen v.v.. vẫn giữ theo đường lối tu trì Tam Giáo Minh-Sư trong nôm chùa chiền, hương khói phụng sự Ngài, và cũng giữ gìn đạo nghiệp Linh Quang Tự do 12 Lão Sư chuyển thác cho Đức Ngài từ trước.

Năm 1953, chiến tranh lan tràn, trường bay Tân Sơn Nhất càng mở rộng, chùa Linh Quang và mộ địa bắt buộc phải dời ra khỏi phạm vi sân bay. Trước tình thế không làm sao hơn được, Đạo sĩ Trần Chuân cùng các đệ tử Đức Ngài phải dời chùa Linh Quang lên Hố Môn kiến thiết lại tuy nhỏ bé nhưng cũng cố duy trì để giữ lại di tích của Đức Ngài. Về phần mộ Đức Ngài thì Đại sĩ Trần Chuân và quý chức sắc Cơ Quan Truyền Giáo tán trợ tạm thời thiên táng về nghĩa địa Gia Định họ Lê sau Minh-Kiến-Đài tại Thông Tây Hội, Gò Vấp, tỉnh Gia Định và mong một dịp nào thuận lợi quý Hội Thánh Truyền Giáo và Minh Chơn Đạo hợp cùng chư đệ tử sẽ xin di táng mộ phần Ngài một lần nữa đưa về Tòa Thánh Tây-Ninh hoặc đến nơi Thánh-Lâm mộ địa kang trang xây dựng một bửu tháp uy nghi để kỷ niệm bậc hướng đạo chân tu thánh-đức suốt đời vì Giáo-Hội, xã hội nhân sinh.

Kết luận.

Đọc qua lược sử Đức Ngọc Chương Pháp Trần Đạo Quang, chúng ta người đi sau không khỏi ngậm ngùi bái phục, một bậc chân tu thánh-đức phi phạm, một Bồ Tát tại thế, từ thuở bé thơ đã phát tâm mộ đạo. Năm 13 tuổi Ngài đã xin thọ giáo nhập đạo Tam Giáo Minh Sư, năm 16 tuổi Ngài đã phát đại nguyện tu cầu giải thoát cho đến năm 45 tuổi, 33 năm trời trên con đường tu kỷ độ nhân, Ngài đã lập nhiều đạo nghiệp vẻ vang qui tụ nhiều đệ tử khắp hai miền Nam và Trung-kỳ, Ngài đã thọ phong qua chín cấp Giáo-Phẩm đạo Minh-Sư, và lần này Tổ-Sư Trần-Đạo-Khánh phong cho Ngài Thập-Địa Thái-Lão-Sư là phẩm vị cao nhất của đạo Minh-Sư với lời khen bất hủ:

"Đạo cốt tiên phong duy thủ Lão
Quang tiền dữ hận thị tứ Nhân"

Lời khen này nói lên thâm ý của Tổ-Sư Trần-Đạo Khánh chuẩn bị trao truyền tổ-mạng "An-Nam Đệ Nhất Tổ" cho Ngài. . .

Trước đạo nghiệp hiển hách như vậy, Bất ngờ đêm mừng 9 tháng 9 năm Ất-Sửu (1925) Đức Thượng Đế tá danh Cao Đài giảng cơ khuyên Ngài qui hiệp về Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ để mở đường tận độ chúng sanh. . . Ngài suy nghĩ rồi tuân mạng.

Thật là một hành động phi thường, nếu không phải bậc đại giác ngộ, quán thông lẽ Đạo cơ Trời, đạt được cái lẽ Thủ, Xã, Tồn, Vong tất cả các pháp đều phi pháp, bởi có pháp vì có Chúng Sinh, bởi có Chúng Sinh mà có Pháp vậy: chỉ có Bậc Giác Ngộ ấy mới có hành động phi thường ấy!

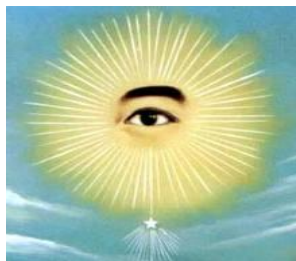
Cao cả thay Đức Ngọc Chương Pháp Trần Đạo Quang!

Đời Ngài là một cuộc đời vị-tha nhân, từ lúc vào cõi đời cho đến khi từ giả cõi đời ra đi, 77 năm trời hoàn toàn vì Giáo Hội, Xã hội và nhân sinh. Ngài là viên ngọc toàn bích ở trong trần mà chẳng nhộm mùi trần? Ngài là bậc hướng đạo gương mẫu, là bó đuốc soi sáng cho cõi đời muôn thưở về sau.

Hành Sơn

Hội-Thánh Truyền-Giáo
Đà-Nẵng

Nguồn: <http://www.caodaim.net/menu.htm>



Tiểu Sử Các Tiền Khai Đại Đạo

Lược sử Đức Ngô Minh Chiêu



1- Lược sử đời Ngài Ngô Minh Chiêu

Sanh ngày mùng 7 tháng giêng, năm Mậu Dần, nhằm ngày 08/02/1878, tại quận Bình Tây, tỉnh Chợ Lớn. Liểu đạo ngày 13 tháng 3 năm Nhâm Thân, tức ngày 18 tháng 04 năm 1932 tại Cần Thơ, hưởng dương 54 tuổi. Ngài đã được bốn đạo an táng và xây bảo tháp tại nghĩa trang Chiêu Minh tọa lạc trước Thánh đức Tổ Đình cách châu thành Cần Thơ lối 3 cây số.

Sanh trưởng trong một gia đình nghèo, đông con, Ngài có 9 anh chị em, nhưng không may có 2 người mất sớm, còn lại kể cả Ngài gồm 2 gái và 5 anh em trai. Bận kế sinh nhai, cha mẹ Ngài phải rời bỏ nhà máy Bình Tây (Chợ Lớn) để theo chủ ra tận Hà Nội, miền Bắc Việt Nam nên phải gửi các con lại cho người em gái nuôi dưỡng.

Xa tình phụ mẫu rất sớm từ khi lên bảy, Ngài đã được người cô dưỡng nuôi và cho đi học tiểu học tại Mỹ Tho. Nhờ bẩm chất thông minh, Ngài nhận được học bổng để tiếp tục học tiếp chương trình trung học tại trường Chasseloup Laubat tại Sài Gòn, và đỗ bằng Thành Chung vào năm 21 tuổi.

31/12/1902, Ngài được bổ nhiệm làm việc tại sở Tân Đáo (sở di trú), sau đó đổi về dinh Thượng Thơ thành phố Sài Gòn. Thuyên chuyển về làm việc tại Tòa bố tỉnh Tân An ngày 01/05/1909, Ngài tiếp tục học sự và thi đỗ Tri huyện năm 1917.

Bất đồng ý kiến và không muốn liên can đến việc làm không liêm chính của một số bạn đồng liêu, Ngài xin đổi đi Hà Tiên, một tỉnh ở cực nam nước Việt, cạnh biên giới Việt Miên và vùng vịnh Thái Lan.

Nhờ vào cảnh trí xinh đẹp, trời nước mênh mông, núi non thanh lịch hữu tình, nên Ngài thường hay đến thạch động để cầu Tiên và đã được các đấng Thiêng Liêng dẫn dắt đưa về nẻo Đạo huyền vi.

Trần nhậm quận Dương Đông, trên đảo Phú Quốc, trong vịnh Xiêm La (Thái Lan). Ngài đã ngộ được Đạo Trời và đã được Đức Cao Đài Tiên Ông trực tiếp truyền trao bí pháp tu luyện cho đến khi đắc đạo. Cũng tại giữa huyện đường Dương Đông, Ngài đã 2 lần tiếp kiến ánh nhiệm mầu Thiên Nhân xuất hiện với hào quang chói lòa rực rỡ, để rồi khiến Ngài tiếp nhận để làm biểu tượng mà thờ phượng Đức Chí Tôn, giáo chủ của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, tức tôn giáo Cao Đài.

2- Đức độ của Ngài Ngô Minh Chiêu

Vốn là người con chí hiếu với mẹ cha, phụng dưỡng phụ mẫu chí tình, nhất là đối với bà mẹ già thường hay đau yếu. Ngài hay đi hầu Đàn Tiên để xin toa thuốc trị bệnh cho mẹ, có khi ở Thủ Dầu Một, có lần tại Cái Khế, tỉnh Cần Thơ. Nhân dịp này, Ngài thường được các đấng Thiêng Liêng giảng cơ nhắc nhở, khuyến khích Ngài con đường tu hành.

Với vợ con, Ngài đối xử trọn vẹn bốn phận chồng, cha, cấp dưỡng lương phạn đầy đủ hàng tháng và chăm lo dạy dỗ con cái theo truyền thống đạo đức dân tộc. Trong hoàn cảnh thanh bần của một vị quan thanh liêm, mẫn cán, thương dân và thường hay giúp đỡ người nghèo khó, Ngài thường du hành ban đêm để tìm hiểu đời sống của người dân. Ở Tân An, người ta kể rằng Ngài thường hay giúp đỡ dân nghèo bằng cách chờ tối, đến nhét tiền vào cửa mà không cho người khác thấy, Ngài luôn bình vực người nghèo thế cô, trong việc quan, Ngài hay hòa giải và khuyên dân chẳng nên kiện cáo để tránh thừa kiện đến công đường.

Cũng vì đối xử dễ dãi với tù nhân chánh trị nên Ngài đã bị Pháp nghi kỵ, theo dõi, sau cùng thuyền chuyển về Sài Gòn vào tháng 07 năm 1924.

3- Cách Tu Thân của Ngài

Vừa làm việc để trả nợ đời, vừa dốc lòng vào việc đạo, phép tu luyện của Ngài Ngô Minh Chiêu dựa vào lý thuyết: hễ Nhơn Đạo chu toàn thì Thiên Đạo cũng sẽ hoàn thành cùng một lúc. Vâng lời dạy Đấng Thiêng Liêng do bởi: "Kín ngoài rồi lại kín trong", Ngài ít khi cho biết phương pháp tu hành của mình.

Tại Dương Đông Phú Quốc, sau 3 năm chịu nhiều kham khổ được Đức Cao Đài Tiên Ông chân truyền đạo pháp và kiên trì tu luyện, Ngài đã được Đức Cao Đài Tiên Ông ban cho 4 câu thơ

Ba năm lao khổ độ nhứt nhơn,
Mắt Thầy xem rõ lòng dạ chắc,
Thương vì con trẻ hầy còn thơ,
Gắng chí tâm phương biết đạo mau.

Tu luyện theo phép Thượng Thừa, chịu trường trai tuyệt dục, không tham luyến sắc, tài, danh, lợi, Ngài còn phải hàng ngày bốn buổi khó nhọc công phu, không hề xao lãng. Có người hỏi, Ngài dạy rằng: hễ tu thì phải chịu cho ma nó khảo thì mới đặng thành vì vô ma khảo, bắt thành Đại Đạo và Đạo cao nhứt xích, thì Ma cao nhứt tượng, mà nếu Đạo cao nhứt tượng thì Ma cao đầu thượng, có vào lửa đỏ mới biết đặng vàng cao.

Ngài sống giản dị và thanh đạm. Mặc dù làm quan phủ phải phục sức mũ áo chính tề nơi công chúng, nhưng tại gia, Ngài chỉ mặc áo thô, đi giày vải, không thích dùng cao lương, mỹ vị, chỉ ăn tương chao, rau cải, dưa muối đạm bạc. Trong nhà Ngài chỉ đặt vồn vẹn một chiếc bàn thờ Thầy (Đức Chí Tôn), một cái bàn khác để dùng cơm, và một chiếc ghế để ngồi thiền. Tiền bạc có dư, Ngài đem giúp đỡ người nghèo khó, Ngài còn dạy đệ tử rằng: nếu có phước, thì chớ nên hưởng tận, phải biết làm phước, bố thí âm chất, nhưng có làm thì chớ khoe khoang, mong được người trả ơn hay để cầu phước cho con mình... Ngài cũng còn dạy đệ tử: hễ có tu, thì đừng cho người biết mình tu, bằng cách này hay cách khác, vì cái áo không phải là thầy tu. Luôn biết nhẫn nhục, nhẫn nại đi cho đến nơi, đến chốn, phải noi gương người quân tử, tánh như nước, lúc nào cũng phải hạ mình dưới thấp, lấy thấp làm cao, lấy dở làm hay, không

luận người khen chê cao thấp, phải giữ sao cư trần mà bất nhiễm trần, như sen mọc giữa bùn mà không lấm mùi bùn.

Ngài truyền Đạo chỉ có một kinh (kinh Cẩn Ứng) và một pháp (pháp Vô Vi) mà thôi.

Một kinh Cẩn Ứng để hằng đọc hằng ngày và noi theo đó để mà sửa đi điều sai trái. Một pháp Vô Vi thanh tịnh, lấy một chữ không làm gốc, có nghĩa không ham không muốn, không tính không toan, không giận không hờn.

Ngài không tự tôn, tự cao, không chịu cho người gọi bằng Thầy, không chịu cho người tôn thờ, lạy lức. Muốn thọ pháp, Ngài khuyên đến bàn thờ Đức Chí Tôn mà xin keo, khi được keo và đã cam kết giữ đúng giới luật thì Ngài mới chỉ Đạo cho.

Ngài chọn lọc người có căn cơ mới truyền đạo, Ngài thường bảo các đệ tử rằng: Chiêu học Đạo nơi Thiên Thai, ăn lộc nước, giữ bổn phận làm tôi con lo tu tâm dưỡng tánh, không xưng ngang vai với người. Cao Tiên truyền dạy một kinh Cẩn Ứng và cách tu thân, nào có gạt người để cho mình vui hưởng trên sự cực nhọc của người khác. Một kinh một pháp đủ rồi.

4- Gương Tu Chứng Tại Tiên

Ngài ngồi liểu Đạo trong lúc qua phà trên sông Tiền Giang, một trong 9 nhánh của sông Cửu Long (Mekong), vào lúc 3 giờ chiều ngày 13 tháng ba, năm Nhâm Thân, đúng theo như vãn thơ 4 câu mà Đức Cao Đài Tiên Ông đã tiên tri cho Ngài biết trước:

Giờ này Thầy điểm thâm công,
Ngày sau con sẽ cõi rồng về nguyên.
Ngoài trong sạch tợ Bạch liên
Khá lòng gìn giữ mối giếng chớ xao

Các đệ tử đưa nhục thể Ngài về tại thảo lư Cần Thơ, nơi xây dựng Thánh Đức Tổ Đình Chiêu Minh sau này. Điều kỳ lạ dù liểu Đạo đã 3 ngày mà nhục thể Ngài vẫn còn mềm mại và tươi như hồi còn sống, điều đặc biệt là mắt trái của Ngài vẫn mở rộng và tinh anh như còn tại thế, còn mắt phải thì khép như người bình thường. Vì lý do có quá nhiều người trong vùng đến chiêm ngưỡng trước ấn chứng tại tiên của bậc chân tu, nên gia đình và các đệ tử đành phải tẩn liệm và chôn theo như phép nước.

Nhục thể Ngài được liệm ngồi, để trong một quan tài hình tháp, có sáu cạnh (6 mặt là ý nghĩa của: Lục Tự Chơn Ngôn đó là Thuần Dương Nhất Mục hay còn do ở 6 chữ Nam Mô Cao Đài Tiên Ông) chứng minh Ngài đã đắc thành chánh quả.

Theo như đệ tử của Ngài thuật lại, thì Ngài đã đắc đạo ngay khi còn sanh tiền, Ngài đã xuất thần để giáng cơ cho một vài Đoàn giữa ban ngày và tại Cần Thơ, bằng cách bảo cho các đệ tử biết trước những gì họ muốn và định làm trong lúc Ngài đang ngồi tịnh ở tư thất tại Sài Gòn (xem lịch sử Cao Đài, phần Vô Vi của Đồng Tân, và lịch sử Đức Ngô Minh Chiêu của phái Chiêu Minh xuất bản)

5- Cơ Phở Độ

Khi được đổi về làm việc tại Sài Gòn, vào cuối năm Ất Sửu (1925), Đức Cao Đài Tiên Ông mới dạy Ngài đem mối Đạo truyền ra. Trước tiên Ngài độ dẫn được: ông Phủ Vương Quang Kỳ, ông phán Nguyễn Văn Hoài, ông Võ Văn Sang và ông Đốc học Đoàn Văn Bản (sau này cai quản Thánh Thất Cầu Kho, là Thánh Thất Cao Đài đầu tiên). Kế đến, Ôn trên (qua tá danh của Đức Cao Đài Thượng Đế là A, Ẫ, Ầ lúc ban đầu) đã khuyên nhóm xây bàn cầu cơ gồm có các ông: Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang, Nguyễn Trung Hậu đến gặp Ngài Ngô Minh Chiêu để được Ngài hướng dẫn cách thờ Thiên Nhân như ngài đã 2 lần tiếp kiến ở Phú Quốc.

Nhằm đêm Giáng Sinh, năm 1925, Đức A, Ẫ, Ầ tá danh từ lâu nay mới cho các người hầu đàn biết rằng: Người chính là Đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế, viết Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát Giáo Đạo Nam Phương. Bảy lâu nay Thầy ẩn danh là để mục đích diu dắt các con đường đạo đức hầu sau này sẽ giúp Thầy khai Đạo.

Tiếp đó, một hôm vào hạ tuần tháng chạp năm Ất Sửu, Đức Cao Đài Thượng Đế dạy các ông Trung, Cư, Sang, Hậu phải vâng lệnh chung hiệp với Ngài Ngô Minh Chiêu lo khai Đạo và còn dặn các vị trên rằng: Trong mọi việc phải do nơi Chiêu là anh cả. Đàn cơ Tý thời ngày mừng một Tết năm Bính Dần (13/02/1926), Đức Cao Đài Thượng Đế có giảng dạy rằng: Chiêu buổi trước có lời hứa truyền Đạo để mà diu dắt chúng sanh. Nay phải y lời mà dẫn dắt các môn đệ ta vào đường đạo đức cho đến lúc đắc thành, chẳng nên tháo trút. Phải thay mặt ta mà dạy dỗ chúng nó. Trung, Kỳ, Hoài, các con hãy thay mặt Chiêu mà đi độ người. Nghe và tuân theo.

Đêm vía Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế mừng 9 tháng giêng năm Bính Dần (21/02/1926). Ngài Ngô Minh Chiêu mới xin Đức Cao Đài Thượng Đế lấy tên mấy người môn đệ đầu tiên để cho một bài thơ kỷ niệm. Đức Chí Tôn đã ban cho 4 câu như vầy:

Chiêu, Kỳ, Trung, độ dẫn Hoài sanh,
Bản đạo khai Sang, Quý, Giảng thành
Hậu, Đức, Tắc, Cư thiên địa cảnh
Hườn, Minh, Mân đáo thủ đài danh

** Các vị Chiêu, Kỳ, Trung, Hoài, Bản, Sang, Quý, Giảng, Hậu, Tắc, Cư là 12 vị tông đồ đầu tiên, còn 3 vị sau Hườn, Minh, Mân là các vị mới vào hầu Đàn

Vâng lệnh Đức Chí Tôn, ngày 23 tháng tám năm Bính Dần (29/06/26), ông Lê Văn Trung hiệp cùng 247 môn đệ khác đứng ra lập tờ khai Đạo gửi đến chánh phủ Pháp qua Thống Đốc Nam Kỳ là ông Le Fol (trao toàn quyền Pasquier ngày 07/10/26).

Đến đây Ngài Ngô Văn Chiêu nhận thấy đã xong nhiệm vụ xây dựng giềng mối cho cơ Phở Độ, nhường lại cho ông Trung quyền Giáo Tông, để trở về ẩn tu, tịnh luyện cho được thành công viên mãn. Sau đó ông đã khai mở cơ tuyến độ Chiêu Minh Vô Vi Tam Thanh, để dẫn độ cho một số người đại nguyên căn quyết cầu tu giải thoát, hầu tu chứng tại tiền cho nhơn sanh tin tưởng nơi Tân Pháp Cao Đài do Đức Thượng Đế truyền trao cho Ngài hồi còn ở Dương Đông (Phú Quốc) năm Tân Dậu (1920).

Chi Tín

Nguồn: http://caodaivn.com/home/index.php?option=com_content&view=article&id=119%3Aluoc-su-duc-ngoc-minh-chieu&catid=39%3Asu-lieu&Itemid=45&lang=vi

Đức Phạm Công Tắc

Bách khoa toàn thư mở Wikipedia



Di ảnh Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc

Đức Hộ pháp **Phạm Công Tắc** ([1890-1959](#)), tự là **Ái Dân**, biệt hiệu **Tây Sơn Đạo**, là một trong những lãnh đạo quan trọng nhất trong việc hình thành, xây dựng, phát triển và kiện toàn hệ thống [tôn giáo](#) của [đạo Cao Đài](#).

Mục lục

- 🕒 [1 Cuộc đời](#)
 - [1.1 Thân thế](#)
 - [1.2 Hoạt động xã hội](#)
 - [1.3 Đạo nghiệp sơ khai](#)
 - [1.4 Xây dựng Hội Thánh](#)
 - [1.5 Chương quản Nhi hữu hình đài](#)
 - [1.6 Nổi lòng tha hương](#)
- 🕒 [2 Đạo nghiệp](#)
 - [2.1 Một chức sắc quan trọng](#)
 - [2.2 Một giáo sĩ nhiệt thành](#)
 - [2.3 Một nhà quy hoạch xây dựng](#)

- [2.4 Kết luận một cuộc đời gắn liền với thăng trầm nền Đạo](#)
- ⌚ [3 Huyền diệu khi quy Thiên](#)
- ⌚ [4 Tác phẩm](#)
- ⌚ [5 Chú thích](#)
- ⌚ [6 Tham khảo](#)



Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc
(ảnh của phucquyenhoithanh.net)

Cuộc đời

Thân thế

Ông sinh ngày [21 tháng 6](#) năm [1890](#) (tức mùng 5 tháng 5 năm [Canh Dần](#)) tại làng Bình Lập, quận Châu Thành, tỉnh [Tân An](#) (nay thuộc thành phố [Tân An](#), tỉnh [Long An](#)). Ông là người con thứ 7 trong gia đình 8 người con.

Thân phụ của ông là ông Phạm Công Thiện, là một công chức chính quyền thuộc địa, quê quán ở làng An Hòa, quận [Trảng Bàng](#), tỉnh [Tây Ninh](#). Thân mẫu ông là bà La Thị Đường, cũng là người làng An Hòa.

Năm 1896, ông bắt đầu đi học [tiểu học](#) tại Tân An, nơi thân phụ ông công tác, nhưng sau đó thân phụ ông nghỉ việc, đưa cả gia đình về nguyên quán. Ông được [rửa tội](#) tại nhà thờ Tây Ninh vào

năm 1900^[1]. Hai năm sau, thân phụ ông qua đời^[2]. Dù gia cảnh rất khó khăn, năm 1906, ông vẫn tiếp tục theo học ở [trường Chasseloup-Laubat](#) tại [Sài Gòn](#)^[3]. Năm 1907, ông đậu bằng [Thành chung](#)^[2].

Hoạt động xã hội

Thời gian học trung học, ông có tham gia tích cực trong [phong trào Đông Du](#) tại [Sài Gòn](#) do hai ông [Gilbert Trần Chánh Chiêu](#) và [Đương Khắc Ninh](#) lãnh đạo. Năm 1908, ông được Hội Minh Tân, một tổ chức con của phong trào Đông Du, chuẩn bị đưa đi nước ngoài; nhưng sau đó, bị bại lộ không đi được. Do bị chính quyền chú ý theo dõi, ông phải bỏ học.

Do có trình độ Thành chung, ông được nhận vào một hãng buôn làm công. Thời gian này, ông tham gia cộng tác với các báo như Công luận, [La Cloche Fêlée](#) (*Chuông rề*) của [Nguyễn An Ninh](#), La Voix Libre (Tiếng nói tự do), [Lục Tinh Tân Văn](#) của ông Pierre Jeantet, ông Gilbert Chiêu làm chủ bút... với bút danh [Ái Dân](#). Đây là những tờ báo ít nhiều cổ vũ tinh thần dân tộc nên trở thành những cái gai trong mắt chính quyền thực dân. Sau khi ông [Gilbert Chiêu](#) bị bắt, tờ báo đình bản, ông lại về quê.

Đến năm 1910, [gia đình](#) lâm vào cảnh túng thiếu, nên ông phải xin vào làm tại [Sở Thương Chánh Sài Gòn](#). Sau khi có việc làm, ông lập gia đình với bà Nguyễn Thị Nhiều. Ông bà có với nhau 3 người con (1 trai, 2 gái) nhưng người con trai mất sớm khi mới 4 tuổi. Tuy là công chức, nhưng gia cảnh của ông vẫn rất chật vật.

Vì là công chức, ông được chuyển công tác đi nhiều nơi, đầu tiên là [Cái Nhum](#) ([Hậu Giang](#)), [Qui Nhơn](#) rồi lại chuyển về [Sài Gòn](#), cuối cùng là chuyển sang [Nam Vang](#) (Phnom Penh). Suốt thời gian làm công chức cho chính quyền [thuộc địa Pháp](#), ông chỉ giữ một chức vụ cấp thấp là thư ký sở Thương Chánh.

Đạo nghiệp sơ khai

Sau khi thân mẫu qua đời, ông bắt đầu quan tâm đến cuộc sống tâm linh nhiều hơn. Đầu thập niên 1920, phong trào Thông linh học (*Spiritisme*) bắt đầu phổ biến tại [Nam Kỳ](#)^[4]. Vào khoảng tháng 7 năm 1925, ông cùng với các bạn hữu công chức gốc Tây Ninh là [Cao Quỳnh Cư](#) và [Cao Hoài Sang](#) cùng thử nghiệm lập bàn tại nhà ông Cao Hoài Sang ở đường Arras^[5]. Do các thành viên ban đầu mang họ Cao và họ Phạm, nên còn được gọi là nhóm Cao - Phạm. Nhóm còn có một thành viên nữ là bà [Nguyễn Thi Hiếu](#), vợ ông [Cao Quỳnh Cư](#).

Nhóm được cho là tiếp xúc với Thượng đế qua danh hiệu AẤA vào khoảng tháng 7 năm 1925^[6]. Đến khoảng trung tuần tháng 9 năm 1925, nhóm chuyển sang dùng đại ngọc cơ để cầu cơ. Theo các tài liệu đạo Cao Đài, thì giữa tháng 12 năm đó, nhóm được Thượng đế xưng danh Cao Đài lần đầu tiên.

Nhóm về sau phát triển thêm nhiều người, quan trọng nhất là việc thu nhận thêm [Lê Văn Trung](#), cựu Nghị viên [Hội đồng Quản hạt Nam Kỳ](#), người về sau giữ vai trò quan trọng trong việc phát triển [đạo Cao Đài](#).

Xây dựng Hội Thánh

Với sự liên hệ của ông Vương Quang Kỳ, giữa các nhóm hầu cơ bắt đầu có sự liên hệ qua lại. Ngày 21 [tháng 2](#) năm [1926](#) (tức ngày 9 tháng Giêng năm [Bính Dần](#), trong một buổi [cầu cơ](#) tại nhà ông Kỳ, có mời các nhân vật có danh tiếng của các nhóm cầu cơ cùng đến dự, một bài thơ được lưu truyền là cơ giảng của [Thượng đế](#), trong đó có tên của 13 người, về sau được tín đồ Cao Đài xưng tụng là những tín đồ đầu tiên của đạo, với ông [Ngô Văn Chiêu](#) được tôn xưng Anh Cả. Tên ông được xướng ở vị trí thứ 11.

Trong một buổi hầu cơ ngày [17 tháng 4](#)^[7] năm [1926](#) (tức 6 tháng 3 năm [Bính Dần](#), ông cùng với các ông [Lê Văn Trung](#), [Cao Quỳnh Cư](#) và bà [Nguyễn Thị Hiếu](#), đã nhận cơ giảng chuẩn bị đạo phục Giáo tông để phong cho ông Ngô Văn Chiêu^[8]. Tuy nhiên, ông Chiêu đã từ chối và trả lại tiền may bộ đạo phục này^[9], từ đó không tham gia vào hoạt động phổ độ nào nữa, mà chỉ tuyển chọn một số ít tín đồ riêng để tu tập theo lối Nội giáo tâm truyền^[10], tách ra thành một hệ phái tu riêng, hình thành [hệ phái Cao Đài Chiêu Minh](#).

Việc hình thành Hội Thánh không vì thế mà dừng lại. Từ ngày 22 đến ngày [26 tháng 4](#) năm [1926](#), trong các buổi cầu cơ, các tín đồ chủ chốt đã được cơ giảng phong chức phẩm cao cấp để hình thành Hội Thánh, gồm:

- ⌚ Ông [Lê Văn Trung](#) phong Đầu sư Thượng Trung Nhựt.
- ⌚ Ông Lê Văn Lịch phong Đầu sư Ngọc Lịch Nguyệt.
- ⌚ Ông Phạm Công Tắc phong Hộ giá Tiên đồng Tá cơ Đạo sĩ
- ⌚ Ông [Cao Quỳnh Cư](#) phong Tiên Hạc Tá cơ Đạo sĩ^[11]
- ⌚ Các ông Trương Hữu Đức và Nguyễn Trung Hậu phong Tiên Hạc Phò cơ Đạo sĩ
- ⌚ Ông Vương Quang Kỳ phong Tiên Sắc Lang Quân nhậm Thuyết Đạo Giáo sư
- ⌚ Ông Đoàn Văn Bản phong Tiên Đạo Công Thần nhậm Thuyết Đạo Giáo sư.

Như vậy, trong tổ chức Hội Thánh nguyên thủy đã hình thành ngôi vị Giáo tông, Đầu sư, Đạo sĩ Tá cơ, Phò cơ và Giáo sư. Do ông Chiêu từ chối ngôi Giáo tông, vai trò lãnh đạo do 2 vị Đầu sư [Lê Văn Trung](#) và Lê Văn Lịch đảm trách.

Bấy giờ, các chức phẩm Hộ Pháp, Thượng Phẩm, Thượng Sanh bấy giờ chưa được phong chính thức, mà chỉ thông qua các vị trí đứng hàng lễ, về sau mới hình thành các chức phẩm cao cấp trong Hiệp Thiên Đài.^[12]

“ *Mấy đứa con là: Nghĩa, Hậu, Đức, Tràng, Cư, Tắc, Sang, đều mặc đồ trắng, hầu theo thứ lớp như vậy: Nghĩa, Đức đứng ngoài, là tại Bàn Thờ Hộ Pháp, rồi Hậu, Tràng đứng cặp kế đó, kế ba con sau rút hết: Tắc giữa, Cư mặt, Sang trái.* ”

—Thánh Ngôn Hiệp Tuyển. I. 25

Từ những chức sắc đầu tiên này, Hội Thánh dần phát triển thành 6 đàn cầu cơ ở Nam Kỳ, thu nạp thêm tín đồ. Ngày [29 tháng 9](#) năm 1926 (tức 23 tháng 8 năm [Bính Dần](#)), ông cùng 246 tín đồ lập tờ tịch đạo (tức danh sách tín đồ). Trong tờ Khai đạo gửi [Thông đốc Nam Kỳ](#) Le Pol ngày [7](#)

[tháng 10](#) năm 1926 (tức 1 tháng 9), tên ông đứng thứ 18 trong số 28 đạo hữu cùng ký tên trong tờ khai. Sau đó các tín đồ chia làm 3 nhóm đi phổ độ ở [Nam Kỳ Lục tỉnh](#).

Năm 1927, chính quyền thực dân Pháp chuyển công tác ông lên [Nam Vang \(Phnom Penh\)](#). Tại đây, với tư cách là một Tá cơ Đại sĩ, ông đã chiêu nạp một số tín đồ và phong chức theo cơ bút, từ đó hình thành Cơ quan Truyền giáo Hải ngoại^[12] để truyền đạo ra nước ngoài. Trong số những chức sắc đầu tiên của Hội Thánh Ngoại Giáo, một số trở thành những nhân vật có ảnh hưởng sau này như Tiếp đạo [Cao Đức Trọng](#), Giáo sư Thượng Chử Thanh (Đặng Trung Chử) cố vấn Ủy ban Kháng chiến tỉnh Tây Ninh, Phôi sư Thượng Vinh Thanh ([Trần Quang Vinh](#)) Tổng tư lệnh quân đội Cao Đài... Do hoạt động tích cực của ông và Hội Thánh Ngoại Giáo có ảnh hưởng đến một số nhân sĩ trí thức và quan chức Pháp, tháng 2 năm 1932, Quốc hội Pháp đồng ý cho các tín đồ Cao Đài được hưởng chế độ tự do tín ngưỡng trên toàn cõi [Đông Dương](#).^[13]

Chương quản Nhị hữu hình đài

Sau khi Quyền [Giáo tông Thượng Trung Nhựt](#) mất năm [1934](#), nhiều chức sắc cao cấp của Tòa Thánh ly khai và thành lập những hệ phái độc lập. Nhằm ngăn chặn sự tan rã của Hội Thánh, những chức sắc còn lại đã tổ chức Hội Quyền Vạn Linh ngày [8 tháng 11](#) năm [1935](#), công cử ông vào chức vị Chương quản Nhị Hữu hình đài (tức kiêm nhiệm luôn quyền Giáo tông của [Cửu Trùng Đài](#)). Trên thực tế, ông trở thành vị lãnh đạo tối cao, cầm quyền thống nhất Chánh Trị Đạo của Tòa Thánh Tây Ninh cho đến ngày quy liễu.



Bửu tháp Đức Hộ Pháp nơi đặt di cốt của Hộ Pháp Phạm Công Tắc được đưa về từ [Campuchia](#) năm 2006.

Năm 1940, quân Nhật thâm nhập [Đông Dương](#). Để hỗ trợ [Chính sách Đại Đông Á](#), người Nhật đã bí mật khuyến khích và hỗ trợ cho nhiều tổ chức chống Pháp không Cộng sản, với mục đích xây dựng những lực lượng hậu thuẫn về sau này. Trước tình hình phong trào chống thực dân Pháp trong nước Việt Nam nổi lên khắp nơi từ năm 1941, chính quyền Pháp đã đàn áp thẳng tay

bằng cách giam giữ tất cả những ai bị tình nghi là chống lại họ. Lúc bấy giờ Cao Đài là một tôn giáo có tổ chức chặt chẽ và phát triển rất nhanh, nên người Pháp rất lấy làm nghi ngại. Sau nhiều lần đe dọa, Pháp vào tận Nội ô [Toà Thánh Tây Ninh](#) bắt [Hộ pháp](#) Phạm Công Tắc và 5 chức sắc khác đầy sang đảo [Madagascar](#). Họ cũng thực hiện việc chiếm đóng hầu như tất cả các cơ sở của đạo Cao Đài ở [Đông Dương](#).

Mãi sau khi tái chiếm Đông Dương, nhằm tách rời và chia rẽ các tổ chức có xu hướng đòi độc lập cho Đông Dương, năm 1946, [người Pháp](#) trả tự do cho Hộ pháp Phạm Công Tắc, đổi lại việc các tín đồ Cao Đài sẽ không tấn công người Pháp, qua đó chia cắt một lực lượng tôn giáo mạnh với [Mặt trận Việt Minh](#). Với quan điểm chống vô thần của Việt Minh, ông đã chấp thuận điều kiện này và từ đó trở lại cầm quyền [tôn giáo Cao Đài](#), thực hiện kiện toàn tất cả các cơ sở tôn giáo này.

Nỗi lòng tha hương

Sau khi về nước nắm quyền chấp chính, quyền tự trị của Tòa Thánh Tây Ninh là một trở ngại trong tiến trình Thủ tướng [Ngô Đình Diệm](#) thu tóm quyền lực. Với sự hậu thuẫn của người Mỹ, Thủ tướng Diệm đã mua chuộc nhiều tướng lĩnh và chức sắc cao cấp của Cao Đài, và đến đỉnh điểm vào ngày [5 tháng 10](#) năm [1955](#), đã ra lệnh cho tướng [Nguyễn Thành Phương](#) đem quân bắn bộ về bao vây và gây sức ép lên Hộ Pháp Đường tại [Tòa Thánh Tây Ninh](#).

Chiến dịch thanh trừng này có mục đích là loại bỏ những ai không đồng tình với chế độ lúc bấy giờ. Dưới áp lực của chính phủ Diệm, ngày 16 tháng 2 năm 1956, lúc 3 giờ sáng, ông rời Tòa Thánh theo quốc lộ 22 sang [Nam Vang \(Campuchia\)](#) qua ngã [Gò Dầu](#).

Ông tiếp tục hành Đạo và phát triển Đạo ở ngoại quốc. Tại Nam Vang, ngày 26 tháng 3, ông công bố "Cương lĩnh Hòa Bình Chung Sống", với tiêu chí là: Do Dân; Phục Vụ Dân; Lập Quyền Dân. Ông kêu gọi hai [miền Nam](#) và Bắc thi đua nhân nghĩa không để cảnh nòi da xáo thịt diễn tiến...

Vì tuổi già sức yếu, ông làm một văn thư gửi Hoàng Thân [Sihanouk](#), thỉnh cầu cho ông tạm gởi thi hài nơi đất [Campuchia](#) dưới sự bảo vệ của Hoàng gia [Campuchia](#), đồng thời, ông gọi các Chức sắc và bốn đạo tới bên giường bệnh để di chúc:

"Bần đạo qui Thiên, tạm gởi thể xác nơi đất [Cao Miên](#) một thời gian. Ngày nào nước nhà độc lập thống nhất hoặc thực hiện đúng theo đường lối Hòa bình Trung lập, sẽ di liên đài về [Tòa Thánh Tây Ninh](#)."^[2]

Ông quy Thiên vào ngày mùng [10 tháng 4](#) năm [Kỷ Hợi](#) (dl ngày [17 tháng 5](#) năm [1959](#)) hưởng thọ 70 tuổi tại [Nam Vang](#).

Năm 2006, [Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Tòa Thánh Tây Ninh](#) đã di Liên Đài của ông về [Tòa Thánh Tây Ninh](#) theo ý nguyện của toàn Đạo và Thánh ý trước khi mất của ông.

Hàng năm ngày quy Thiên của ông (ngày [10 tháng 4](#) năm Kỷ Hợi) được cử hành long trọng và thành kính... nhiều [người Việt](#) ở nước ngoài cũng cử hành lễ này nơi họ sinh sống và coi đây như là một trong những cột mốc kết hợp để bay về [Việt Nam](#) ...

Đạo nghiệp

Trong số mười hai tín đồ đầu tiên của [Cao Đài](#), ông là người có sự nghiệp ngoài đời khiêm tốn hơn, nhưng trong Tôn Giáo Cao Đài, ông là một trong những người quan trọng nhất trong việc xây dựng và kiện toàn tổ chức của tôn giáo này.



Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc đang làm việc tại văn phòng Hộ Pháp đường

Một chức sắc quan trọng

Trong số này, cặp đôi Đồng tử Phạm Công Tắc và Cao Quỳnh Cư là quan trọng nhất. Tất cả những văn kiện chính yếu làm nền tảng cho đạo Cao Đài như [Tân Luật](#), [Pháp Chánh Truyền](#), [Kinh Thiên Đạo](#), [Thế Đạo](#) đều xuất phát hoặc từ đôi đồng tử này, hoặc từ chính tay ông và một trong số các vị đồng tử còn lại. Cũng vào ngày này, [Thượng Đế](#) giáng cơ phong cho ông chức Hộ Pháp chương quản [Hiệp Thiên Đài](#).

Theo Pháp Chánh Truyền của [đạo Cao Đài](#), Hộ Pháp là chức vụ cao nhất Chương quản [Hiệp Thiên Đài](#). Đây cũng là cơ quan duy nhất được quyền thông công với các đấng thiêng liêng mà ông lại là đồng tử quan trọng. Do đó những văn kiện lập ra các cơ quan khác, hoặc phong chức vụ cho các chức sắc cao cấp của Đạo đều do ông [cầu cơ](#) mà có.

Từ đó ông đã lập ra và kiện toàn nhiều cơ quan khác của đạo Cao Đài. Có thể nói hầu hết các cơ quan của tôn giáo này đều phát xuất từ những bài cơ bút mà ông là đồng tử, hoặc những [Huấn lệnh](#) do chính ông lập ra. Có thể kể ra công nghiệp to lớn của ông trong việc kiện toàn tôn giáo Cao Đài như :

Lập các phẩm Chức sắc Hiệp Thiên Đài dưới Thập nhị Thời Quân.

Lập Phạm Môn và Cơ quan Phước thiện.

Xây dựng 3 Cung 3 Động là Trí Huệ Cung Thiên Hỷ Động, Trí Giác Cung Địa Linh Động, Vạn Pháp Cung Nhơn Hòa Động đây là 3 Tịnh Thất tiếp nhận các bậc tu Thượng thừa đã có đủ Tam lập, vào đây thọ Tâm pháp bí truyền để luyện đạo để đạt Pháp tại thế theo Bí Pháp của [Đạo Cao Đài](#).

Cầm Quyền Chưởng Quản Nhị Hữu Hình Đài Hiệp Thiên và Cửu Trùng cho đến ngày lưu vong sang [Campuchia](#).

Kể từ năm 1947 trở về sau, chiến tranh giành độc lập giữa quân đội [Việt Minh](#) và quân đội [Pháp](#) lan rộng khắp nơi, khiến cho các tín đồ Cao Đài từ khắp các nơi đổ dồn về vùng Thánh địa lập nghiệp càng lúc càng đông. Do đó, ông cho xây dựng [Chợ Long Hoa](#), có nhà lồng chợ 4 cánh hình chữ Thập, chung quanh Chợ có 8 cửa, hướng ra 8 con đường, với ý nghĩa là : [Lưỡng Nghi](#), [Tứ Tượng](#), [Bát Quái](#), theo Vũ Trụ quan của [Đạo Cao Đài](#). Để mở mang vùng Thánh địa cho có qui củ, ông thiết lập Phòng Kinh Lý Hòa Đồ, phóng các con đường thẳng tắp thẳng góc nhau như trong bàn cờ, phân đất ra thành từng lô để cấp phát cho bôn đạo từ các nơi về đây lập nghiệp, định nơi cất Trường học, Nhà Thương (Bệnh viện), Chợ búa, Sân bay, Nghĩa địa, vv. . .

Ông khuyến khích bôn đạo khai phá đất rừng thành ruộng rẫy, tạo lương thực cho vùng Thánh địa được sung túc. Ông còn buộc các con em nhà đạo phải đến trường do Đạo mở ra để học chữ nghĩa.

Dần dần vùng Thánh địa Tây Ninh mở mang rộng đến hơn 200 km^2 , bao bọc luôn cả [núi Bà Đen](#). Trở thành vùng Thánh địa tôn giáo lớn nhất thế giới.

Ông còn lập ra Ban Thế Đạo trực thuộc [Hiệp Thiên Đài](#) để độ dẫn các bậc nhân sĩ trí thức vào cửa Đạo.

Ông còn là Giáo Chủ Hữu Hình của Đạo Cao Đài tại [Toà Thánh Tây Ninh](#) để giao thiệp với [chính phủ](#) và các [tôn giáo](#) khác, và "hoằng dương chánh pháp".

Một giáo sĩ nhiệt thành



Hộ Pháp Phạm Công Tắc đang thuyết đạo ở giảng đài Tòa Thánh Tây Ninh năm 1947.

Ngoài nhiệm vụ lãnh đạo [Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Tòa Thánh Tây Ninh](#), ông còn là một nhà tu hành. Đối với các tín đồ [Cao Đài](#), ông nhân danh [Thượng Đế](#) rao giảng chân lý trong nhân gian. Chưa kể đến những bài diễn văn trong các buổi lễ tôn giáo, những bài giảng đạo của ông về *Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống* và *Bí Pháp* đã được Ban Túc Ký Tòa Thánh Tây Ninh ghi lại và phát hành. Tín đồ Cao Đài xem tài liệu này là rất quan trọng bởi vì nội dung của những bài thuyết giảng này chứa đựng triết lý và các phương cách tu tập chính thức rất đặc trưng của Đạo Cao Đài.

Một nhà quy hoạch xây dựng

Chính ông là người khởi công xây dựng Tòa Thánh vào năm [1936](#) và tổ chức lễ khánh thành [Tòa Thánh Tây Ninh](#) vào năm [1955](#). Tòa Thánh là cơ ngơi quan trọng nhất của [tôn giáo Cao Đài](#) (Thể pháp quan trọng nhất).

Thiếu thể pháp này, [đạo Cao Đài](#) không thể nào phát triển thành một tôn giáo có qui củ được.

Điều quan trọng là toàn bộ công thức và phương án xây dựng một thế giới mới "trong Bác ái và Công Bằng" đã được ông ký gởi vào các công trình kiến trúc để làm mô hình cho phần văn bút của ông...

Triết lý của Đạo Cao Đài do [Thượng Đế](#) mà có.

Triết học của Đạo Cao Đài do Hộ Pháp Phạm Công Tắc mà nên hình.

Ngoài ra, nhiều cơ sở vật chất khác cũng được xây dựng trong thời gian ông cầm quyền Giáo chủ Cao Đài, như : Trí Huệ Cung, Trí Giác Cung, [chợ Long Hoa](#), Báo Ân Từ (Điện Thờ Phật Mẫu tạm), v.v...

Cũng còn một số cơ sở khác đã được qui hoạch sẵn cho hậu tấn thực thi.

Đến nay những cơ sở này vẫn chưa được khởi công xây dựng. Trong số này có thể kể ra Vạn Pháp Cung, Điện Thờ Phật Mẫu chính thức; sân bay Trí Huệ Cung. Và chính ông đã lập ra Tịnh Thất đầu tiên của tôn giáo Cao Đài là Trí Huệ Cung.

Ông nắm quyền Chí Tôn tại thế để ban hành: Luật Lệ chung các Hội; Nội Luật Hội Nhơn Sanh; Nội Luật Hội Thánh; trong 03 Hội Lập Quyền Vạn Linh. (Không có ba luật này thì không có quyền Vạn Linh trong Đạo Cao Đài). Đặc biệt là Đạo Luật Mậu Dần "1938" để lập ra tứ trụ của hành chính Tôn giáo Cao Đài là : Hành Chánh, Phước Thiện, Phổ Tế và Toà Đạo.

Thế pháp Tôn giáo "như ăn chay- thực hành nhân nghĩa" đã được ông đưa vào xã hội và hoà tan vào lòng cư dân Thánh địa [Cao Đài](#) tạo nên nét sống văn hóa trong xã hội và con người [Tây Ninh](#) nói riêng và toàn thể tín đồ [Cao Đài](#) trên thế giới nói chung cho đến ngày hôm nay.

Dấu ấn rõ nhất là:

- Bố trí hạ tầng ở Thánh Địa Tây Ninh. (Tỷ lệ đường giao thông cao nhất [Việt Nam](#) hiện nay)

- Hai thực tế được kiểm chứng chính xác là:

⌚ Hiện nay Thánh Địa là nơi có nhiều người làm việc nghĩa " Tự nguyện giúp đỡ người khác mà không nhận tiền" không nơi nào có được " Tang lễ được cử hành long trọng và hoàn toàn miễn phí....."

⌚ Hiện nay là nơi có tỉ lệ người ăn chay cao nhất [Việt Nam](#) và cả thế giới...

Kết luận một cuộc đời gắn liền với thăng trầm nền Đạo

Cuộc đời của Hộ Pháp Phạm Công Tắc gần như là lịch sử của [đạo Cao Đài](#) trong 31 năm đầu tiên, kể từ lúc sơ khởi nền Đạo năm 1925 cho đến năm 1956 khi ông rời khỏi [Tòa Thánh Tây Ninh](#), lưu vong sang [Campuchia](#).

Ông được xem là một trong những môn đệ yêu ái nhất đầu tiên của Đức Cao Đài, lại là người trẻ tuổi được Đức Cao Đài đặt vào phẩm vị cao quý nhất của [Hiệp Thiên Đài](#), 37 tuổi đắc phong Hộ Pháp, và kể từ năm đó, ông xả thân hành đạo cho đến ngày sức môn hơi tàn, trở về thiêng liêng vị.

Cho nên công nghiệp của ông đối với đạo Cao Đài vĩ đại nhất so việc tất cả các Chức sắc cao cấp cầm quyền điều khiển nền Đạo thuở ban đầu.

Trong Nội Ô Tòa Thánh Tây Ninh, cũng như trong khắp vùng Thánh địa Tây Ninh, từ những Đền thờ đến các dinh thự, từ những con đường lớn hay nhỏ đến các cây cầu, từ những ngôi chợ đến các khu nhà ở trật tự khang trang, từ những ngôi trường dạy trẻ em nhà Đạo cho đến các Y Viện, Dưỡng Lão, Cô Nhi Viện, vv... đâu đâu cũng đều thấy có những dấu tích nhắc nhở công nghiệp vĩ đại của ông.

Thể xác của ông tuy đã mất, hình bóng ông tuy đã khuất, nhưng trong lòng của mỗi tín đồ Cao Đài trong nhiều thế hệ vẫn ghi khắc hình ảnh sống động của ông.

Theo lời của bà Đầu Sư Nguyễn Hương Hiếu và của ông Hiến Pháp Trương Hữu Đức là "Không có Đức Ngài thì không có [Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ](#), vì khi Đức Chí Tôn đến với Đức Ngô Minh Chiêu, chỉ xưng là Thầy và ban hồng danh Cao Đài Tiên Ông". Câu nói này đã nói lên ý nghĩa to lớn của ông đối với sự hình thành và phát triển của Cao Đài giáo.

Với công nghiệp vĩ đại đối với nền [đạo Cao Đài](#) và [nhân loại](#), Hiền Tài Trần Văn Rạng Thạc sĩ Sử học, [Trường Đại học Văn khoa Sài Gòn](#), một chức sắc Cao Đài đã kết luận tóm lược cuộc đời ông trong quyển Chân dung Hộ Pháp Phạm Công Tắc bằng câu: "**Tâm vô quái ngại, đại hùng, đại lực, đại từ-bi**".^[14]

Huyền diệu khi quy Thiên

Ngay sau khi Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc qui Thiên, ở bên nước [Pháp](#), Nữ Đồng Tử Sarah Barthel tại [thủ đô Paris](#), đã nghe được tiếng nói từ cõi thiêng liêng về sự liễu đạo của vị Giáo Chủ Đạo Cao Đài. Bà ghi lại trong bài Chứng Nghiệm, đăng trên báo **Le Lien des Cercles d'Etudes** số 4 tháng 5-6 năm 1959, xuất bản tại Paris, được dịch ra sau đây:

“ ***SỰ QUI THIÊN của VỊ GIÁO CHỦ HOÀN CẦU của ĐẠO CAO ĐÀI: HỘ PHÁP PHẠM CÔNG TẮC.***

Đề liên hiệp tất cả đệ tử Thần Linh thế giới,
Chúng ta hãy than khóc, nhưng vẫn hy vọng!
Hỡi các đệ tử Thần Linh Tây phương!

Đối với anh chị em ta bên phương Đông và Viễn Đông, chúng ta có bổn phận là hiệp tinh thần trong việc hợp tác huynh đệ để tìm biết về vô hình.

Một tiếng nói trên không trung nói với tôi:

"Sở dĩ đạo đức đưa tới một đời sống hạnh phúc là vì đạo đức là một tình thương yêu cao cả và tình yêu này chỉ là một với tình yêu cả nhơn loại lẫn vũ trụ.

Tiếng nói ấy là tiếng nói nào mà nó thoát ra ngoài vật thể và nó ở ngàn chỗ trên thế giới địa hoàn để cho tâm hồn yên lặng và mở rộng đều có thể nghe được, dầu họ ở [phương Đông](#) cũng như [phương Tây](#), hoặc ở [phương Bắc](#), cũng như [phương Nam](#), họ chờ đợi tiếp nhận những lời Thánh giáo giống nhau, trạng tỏ rõ sự thỏa hiệp của tâm hồn.

Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc vừa qui Thiên ngày [17 tháng 5](#) năm [1959](#) hồi 13 giờ 30 phút (giờ Cao Miên) tại Chùa Tual Svay Prey, ở hộ đệ ngũ thuộc Châu thành [Nam Vang](#) ...

Đúng giờ đã định, những vị Thiên Thần cầm cây tàn vàng tới đón rước Ngài, và các Hung Thần bị xua đuổi ra xa tít, hợp thành một lần đen xa thẳm, như đóng khung không hện mà nên cho một cảnh giới thiên nhiên càng mở rộng thêm mãi.

Những Đấng đã liễu đạo, lớp mặc Thiên phục đỏ, lớp Thiên phục xanh dương, lớp nữa Thiên phục vàng, và cũng còn hàng ngàn mặc Thiên phục trắng.

Những vị Thiên phong sắc phục trắng nói rằng: Tiết độ là mối tình thương yêu làm chúng ta gìn giữ trong sạch những gì mà chúng ta yêu mến.

Những vị Thiên phong sắc phục xanh dương nói: Thận trọng là mối tình thương yêu,

”

phân biệt điều gì đưa đẩy chúng ta đến chỗ thiện và điều gì có thể lôi kéo chúng ta đi xa chỗ thiện.

Những vị Thiên phong sắc phục vàng lúc bấy giờ nói: Công bình là tình thương yêu đặt chúng ta vào con đường phục vụ cho tình bác ái.

Sau chót, những vị Thiên phong sắc phục đỏ cũng tuyên bố: Dũng lực là tình thương yêu giúp ta đảm nhiệm mọi khó khăn cho cái gì chúng ta yêu mến.

Bốn lớp người nói xong thì tiếng nói của Đấng Thượng Đế, tiếng nói ở trong Tâm của mỗi người, dầu ở Thiên giới hoặc Địa giới, hay ở Trung giới, tiếng nói ấy đã phán:

"Trong bốn màu hiệp lại thành một, con đã xuống thế, hạ mình một cách cao cả, làm một vị Giáo Chủ tốt. Hộ Pháp Phạm Công Tắc, con hãy trở về trong lòng TA và góp giữ phần trong lời Thánh Huấn của TA, tiếng nói của Đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế."

Ngày [17 tháng 5](#) năm [1959](#), hồi 7 giờ, trong toàn Địa giới, Trung giới, yên tịnh hay phiêu lãng, tất cả những người Nam Nữ trong đại cơ quan đồng tử đều được nhìn thấy và nghe rõ tất cả những sự việc mà tôi ghi chép y như trên.

Nữ Đồng tử Sarah Barthel 20 đường Alibert, Paris Xème.



Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc (1890-1959)
(ảnh của phucquyenhoithanh.net)

—Hình Ảnh Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc qui Thiên do soạn giả Nguyễn Văn Hào.^{[\[15\]](#)}

Tác phẩm

Ông là tác giả của nhiều tác phẩm, trong đó hầu hết về tôn giáo Cao Đài gồm:

- ⌚ Phương Tu Đại Đạo – với bút danh Ái Dân – 1928.
- ⌚ Thiên Thai Kiến Diện – 1927 .
- ⌚ Phương Luyện Kỹ để vào con đường thứ ba Đại Đạo – 1947 .
- ⌚ Mười bài kinh Thể Đạo.
- ⌚ Một số bài thơ, diễn văn ...

Chú thích

1. [^] Trong quyển sổ rửa tội của nhà thờ Tây Ninh vẫn còn chứng tích.
2. [^] ^a ^b ^c ^d Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng, "Hộ pháp Phạm Công Tắc".
3. [^] Huỳnh Tâm, "Tiểu sử Đức Hộ pháp Phạm Công Tắc"
4. [^] Lê Anh Dũng, Lịch sử đạo Cao Đài thời kỳ tiềm ẩn 1920-1926. Huế : Nxb Thuận Hóa, 1996, tr. 43.
5. [^] Còn gọi là phố Hàng Dừa, nay là đường Cống Quỳnh, TP.HCM.
6. [^] AĂĂ là 3 chữ cái đầu tiên của bảng chữ cái Quốc ngữ. A là chữ cái đầu tiên, tượng trưng đầu mỗi của vũ trụ vạn vật, tức **Thái cực**. Ă và ă là biến thể của A, biểu tượng cho **Âm** và **Dương**, tức **Lưỡng nghi** được sinh ra từ Thái cực. Vì vậy, danh hiệu AĂĂ được xem là Thái cực sinh ra càn khôn vũ trụ, biểu thị Thượng đế vô ngã (impersonal God).
7. [^] Hiền Tài Trần Văn Rạng trong "Mười hai đệ tử đầu tiên của Đạo Cao Đài" ghi ngày **14 tháng 4**.
8. [^] Hương Hiếu, "Đạo sử", I. 106.
9. [^] Bộ đạo phục này ngày nay vẫn còn được thờ tại **Thánh thất Tây Ninh**.
10. [^] Trong số các tín đồ đầu tiên có 3 người theo ông Chiêu là các ông Nguyễn Văn Hoài, Lý Trọng Quý và Võ Văn Sang.
11. [^] Thánh Ngôn Hiệp Tuyển. I. 19
12. [^] Về sau gọi là **Hội Thánh Ngoại Giáo**.
13. [^] Điều này rất quan trọng, vì ngoài **Công giáo**, Cao Đài là tôn giáo có tổ chức giáo hội thời bấy giờ. Khác với Công giáo được sự hậu thuẫn hoàn toàn từ giáo hội toàn cầu và chính phủ Pháp, nhưng vẫn chưa có một người Việt nào được phong giáo sĩ cao cấp hàng **Giám mục** nào (Giám mục **Gioan Baotixita Nguyễn Bá Tông**, Giám mục người Việt đầu tiên, mãi đến năm 1933 mới được thụ phong), cũng chưa thành lập hàng giáo phẩm Việt Nam nào; thì Hội Thánh Cao Đài thuần túy Việt Nam được công nhận tổ chức giáo hội thời bấy giờ quả là có điều đặc biệt.
14. [^] Hiền Tài Trần Văn Rạng, "Chân dung Hộ Pháp Phạm Công Tắc", Chương VIII.4
15. [^] <http://caodaism.org/CaoDaiTuDien/h/h4-112b.htm#19>. Duc Pham Ho Phap quy Thien

Tham khảo

- ⌚ Đại Đạo Sử Cương – Trần Văn Rạng – 1972.
- ⌚ Chân dung Hộ Pháp Phạm Công Tắc – Trần Văn Rạng – 1974.
- ⌚ [Phạm Công Tắc](#)
- ⌚ [Hội hương liên đài Đức Hộ pháp Phạm Công Tắc về Tây Ninh](#)

Nguồn: http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%A1m_C%C3%B4ng_T%E1%BA%AFc